



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 63

Số: **50**

(2653)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 11 - 12 - 2010



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

DƯỜNG NHƯ VĨNH CỬU

Truyện ngắn của TRẦN DŨNG

Hồi đó, xin được cho con vào Trường phổ thông cơ sở Việt Nam - Cuba, là mong muốn của rất nhiều người. Dĩ nhiên không phải chỉ do đây là ngôi trường được xây dựng quy mô, khang trang. Ngay việc giữ cho trường được khang trang, nề nếp, phần lớn cũng nhờ phẩm chất và nỗ lực của tập thể giáo viên trong trường. Chính vì vậy, khi con gái lớn của chúng tôi trúng tuyển, lại được vào đúng lớp 4 A của cô Bảo Lan - cô giáo nổi tiếng nhất trong sự truyền tụng của không ít phụ huynh học sinh - thì vợ tôi, vốn rất thực tế và không mấy rộng rãi, đã cho ba bố con tôi ăn mừng bằng một bữa nem rán đặc biệt.

Giá tôi còn được như trước, khi tuổi còn trẻ, khi tình yêu nghề nghiệp còn nồng nàn, khi vẻ đẹp và sự xấu xa còn gây cho mình những cảm giác truyền đến tận từng tế bào, có trong tay những chất liệu trên, hẳn tôi đã lao ngay vào viết một truyện ngắn hoặc một bài báo. Nhưng tôi đâu còn được thế! Nhất là tôi đã quyết định xin đi làm việc ở nước ngoài. Có nghĩa là tôi đã quyết định treo bút để vui đầu học ngoại ngữ, chuẩn bị từ bỏ cả công việc biên tập mà tôi từng yêu và đã quen làm. Nhiều lý do khiến tôi có quyết định đó. Một trong những lý do này, vợ tôi nghe chỉ cười cười. Đúng là vợ tôi không tin chút nào cái sự "cũng là để lấy chất liệu!". Song từ

lúc tôi có cái quyết định mà vợ tôi cho là rất đúng đắn, rất thức thời kia, vợ tôi đã trở thành cực kỳ hiền hậu, nên mới chỉ cười cười như vậy. Thực ra vợ tôi không tin cũng chẳng oan cho tôi mấy tí. Chính tôi nhiều lúc cũng phải xấu hổ vì nhìn rõ rằng lý do đó chỉ là ngại biện, khá hơn thì cũng chỉ là một hy vọng. Vốn sống và chất liệu chẳng vẫn đang nặng trĩu trong lòng và đầy ắp xung quanh mà bấy lâu tôi có viết được cái gì ra hồn đâu! Và khi ngồi thưởng thức món nem rán đặc biệt, trước những điều lẽ ra phải làm thúc dục cảm hứng của người cầm bút, trong đầu tôi lại chỉ toàn những câu hội thoại bằng tiếng nước ngoài...

Mãi đến buổi họp phụ huynh học sinh cuối học kỳ I, cái cảm hứng sáng tác bị vui lấp của tôi mới vụt trở dậy. Tôi thấy thèm viết. Tôi thấy phải viết. Về cô giáo Bảo Lan? Không, không phải chỉ về cô giáo! Về những gì tươi mát giữa một mùa nắng hạn! Về những gì còn tình khiết, trắng trong, trên một cung đường ngấu bụi, lộn xóc!...Ngày xưa, tôi đã từng được nhìn lên những đôi mắt như thế kia, lắng nghe những lời ân cần hiền dịu như thế kia...Cũng đã lâu rồi, đó là những năm 59, 60, khi cả nước mới chỉ có chưa đầy ba mươi triệu người và

(Xem tiếp trang 20)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



LUẬN VỀ CHỮ "NGUYÊN"

ĐÌNH KÍNH

ĐỌC trên báo viết, đặc biệt là đọc trên các báo mạng, thấy một số góp ý với Đảng nhân đại hội XI tôi, rất thẳng thắn, có lý luận, sát thực tiễn, lại cũng rất có tình và xây dựng, phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập. Tiếc rằng hầu hết các ý kiến rất thật ấy, đều là của các tác giả mà trước chức danh của họ là chữ "nguyên", nguyên chức vụ này, nguyên tước vị nọ, nhiều vị "nguyên" rất to... Kính tiếc kiến thức sâu rộng cùng sự hiểu biết nơi họ, nhưng sao cứ thấy buồn và băn khoăn. Buồn và băn khoăn vì khi đang đảm nhận công việc, nghĩa là đang đương chức, đương quyền, khi mà tiếng nói của họ có trọng lượng, có sức nặng, họ lại không lên tiếng, không trung thực với nhận thức của mình, mà chờ đến khi "nguyên" mới dám bộc lộ quan điểm?

Có hai vấn đề đáng bàn ở đây:

Một là, trong các tổ chức Đảng và tổ chức chính quyền chưa có dân chủ thật sự, chưa tạo nên thói quen biết lắng nghe những ý kiến trái chiều. Người có ý kiến khác với "trên" chẳng những không được tôn trọng đã đành mà còn không được bảo vệ, thậm chí bị nghi ngờ, trù úm, quy chụp. Đã không ít những bài học như vậy.

Hai là, vì quyền lợi cá nhân, sợ mất chức; đi kèm mất chức là mất quyền, mất lợi, không những thế có thể kéo theo nhiều hệ lụy khác nên người ta hoặc im lặng, không dám trung thực với nhận thức của mình. Tôi đây, lại chợt nhớ tới câu chuyện "Bộ quần áo của Hoàng đế". Thấy vua cởi truồng nhưng không dám nói, thậm chí còn vô liêm xỉ a đua hết lên, khen vua có bộ quần áo đẹp. Hoặc có nói nhưng nói theo kiểu hiểu thế nào cũng được.

Muốn phát triển, cần phản biện, đó là quy luật của sự đồng thuận khoa học. Phản biện chỉ có hiệu quả trên cơ sở mỗi một người cần trung thực với nhận thức của mình và ĐƯỢC trung thực với nhận thức của mình.

Hãy nhìn vào các kỳ họp Quốc Hội xem những ai dám nói thẳng, nói thật? Phần lớn họ là các nhân sỹ và trí thức hoặc các cán bộ sắp "nguyên". Còn phần lớn những người đang có chức trong bộ máy hành pháp rất ít lên tiếng, có lên tiếng cũng là chung chung, ba phải. Bởi sao? Bởi sợ va chạm, sợ cái ghế mình ngồi nơi cơ quan công quyền có thể lung lay.

Chưa có cơ chế để mỗi một thành viên trong xã hội chỉ đóng một vai duy nhất thì việc khi họ "nguyên", nghĩa là khi họ đã về với đời thường, đã là một "thảo dân" mới thật sự trung thực bộc lộ nhận thức của mình, vẫn xảy ra.

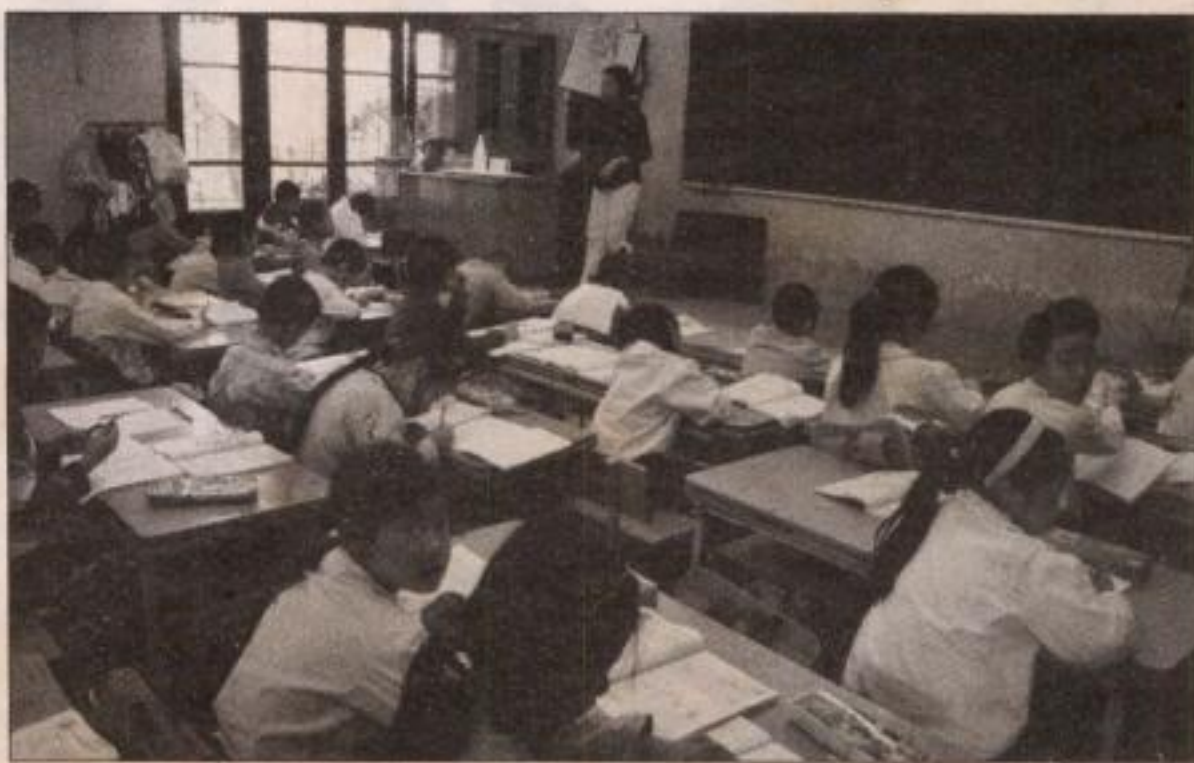
Và như vậy, xã hội vô cùng thiệt thòi!

MẤY VẤN ĐỀ THEN CHỐT ĐỂ CHẤN HƯNG GIÁO DỤC

GS - NGND PHAN TRỌNG LUẬN

NỀN giáo dục của ta bước sang thế kỷ XXI với những biến đổi và thay đổi cực kì quan trọng trong nước và trên thế giới về chính trị kinh tế nhất là khoa học kĩ thuật. Nếu không tưởng mình một số vấn đề lí luận gốc thì nhất định sẽ còn lúng túng khi đi vào các kế sách. Ví dụ: **Thế nào là nền giáo dục trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa?** Gần đây nhiều vấn đề đã đặt ra nhưng chưa có cách hiểu thống nhất do chưa tưởng mình luận thuyết cơ bản. Giáo dục định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào? Trường công hay trường tư là nền tảng cho phát triển giáo dục? Mở ở ạt hàng trăm trường đại học cao đẳng đúng hay sai? Các trường tư được tự quyết học phí, chi phí, thù lao như thế nào là hợp lí? Lao động nhà giáo và sản phẩm giáo dục có phải là hàng hoá hay không? Xã hội hoá giáo dục thì đồng tiền thu vào và chi ra thế nào là chính đáng?... Nói một việc cụ thể như ngoài tiền nhà nước trả rất khiêm tốn, giáo viên có thể lấy thêm lệ phí của học sinh sinh viên bù đắp phần nào công lao của mình không? Thế có vi phạm đạo đức hay đó là chuyện bình thường trong quan hệ thầy trò thời cơ chế thị trường?... Nói tóm lại là chúng ta chưa hình dung ra được mô hình giáo dục có tính chất cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào mà cứ bắt tay vào bàn việc xây dựng nó thì rất dễ rồi sẽ lại lúng túng lẩn quẩn và thất bại

Gần đây dư luận bàn nhiều đến triết lí giáo dục. Không có triết lí giáo dục thì mọi việc làm, mọi biện pháp đều dễ tụt mùn, không qui tụ không định hướng vào cốt lõi của chiến lược giáo dục. Có lẽ vì chưa tưởng mình về triết lí nên khi nói đến Mục tiêu của giáo dục, nhiều chỗ, nhiều nơi đã lộ rõ sự lúng túng. Rõ ràng Mục tiêu của giáo dục không phải là đặc điểm, phẩm chất, nhiệm vụ của ngành-giáo dục, mà phải hướng đến **sản phẩm con người** mà nền giáo dục cần đào tạo ra; đó là con



Ảnh: P.H.D

người được phát huy tiềm năng sáng tạo, con người năng động tự chủ, có bản lĩnh biết tạo ra chất lượng sống cho bản thân và đáp ứng được yêu cầu của đất nước.

Vậy thì giải pháp nào có tính chiến lược và then chốt nhất để chấn hưng giáo dục? Có lẽ khi bàn về giải pháp, chúng ta chưa nhận rõ được đâu là then chốt của vấn đề. Có khi cứ nhắc lại những điều đã cũ rồi. Ví dụ quan điểm giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân thì không có gì mới mẻ. Có nói đến thì phải nói là quốc sách đó vẫn còn trên giấy tờ, trong khẩu hiệu là chính, chứ chưa được thực thi cụ thể ở mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương, mọi người trong ngoài ngành giáo dục qua các chính sách cụ thể hàng ngày...

Cho nên khi nói về nguồn nhân lực của ngành thì nhấn mạnh đến chuyện ban hành **chuẩn nghề nghiệp, trình độ giáo viên giảng viên, đối mới hệ thống đào tạo. Đánh**

già năng lực giáo viên giảng viên, hợp đồng thay cho biên chế, chính sách thu hút các nhà khoa học trí thức nước ngoài. Đãi ngộ xứng đáng với cán bộ quản lí và đặc biệt có một câu "xây dựng ban hành thực hiện chính sách khuyến khích thực sự đối với đội ngũ nhà giáo thông qua chế độ đãi ngộ xứng đáng".

Cách nhận thức về đội ngũ giáo viên như vậy chưa thật đúng tầm đúng mức. Lỗi tư duy cũ thời bao cấp chỉ biết khai thác sử dụng chất xám mà không quan tâm thỏa đáng chính sách bồi dưỡng phát triển chất xám đã dẫn đến bài học khá đau xót là nhiều thập kỉ qua chúng ta đã thiếu quan tâm tạo điều kiện tốt cho trí thức, cho giáo viên sống đủ sống tốt để làm tốt nhiệm vụ của mình. Cho dù có chiến lược, có triết lí giáo dục, có cương lĩnh, giải pháp chiến lược, có chương trình sách giáo khoa hay đến đâu mà giáo viên sống nghèo khổ

không được coi trọng, mòn mỏi lòng yêu nghề, yêu trẻ thì giáo dục muốn đời vẫn tụt hậu, mọi chỉ tiêu chỉ là ảo tưởng...

Về quản lí giáo dục, đáng lo nhất là bộ máy. Không ít cán bộ vẫn còn mang tính **chất thơ lại**. Điển hình vừa qua là các vụ in sách, in tài liệu chuyên môn bắt các cơ sở mua, đặc biệt là một đồng chí vụ phó một vụ nọ đứng chủ biên hàng chục cuốn sách đủ mọi chuyên môn. Động cơ như thế nào ai cũng rõ. Thế nhưng mãi mấy năm sau mới bị lên án. Mỗi nhất vừa qua lại rộ lên vụ viết sách chuẩn một cách liêu lĩnh và bắt các sở các trường về tập huấn để thực hiện. Giáo viên hoang mang, các nhà khoa học phản đối. Một số cán bộ quản lí ít nghĩ vì công việc và trách nhiệm mà chỉ nhằm vào lợi ích cá nhân, điều đó làm tổn thương đến uy tín của Bộ...

Dư luận cũng rất phản nản về việc sử dụng các Dự án trong ngành giáo dục, đến mức đã trở thành một loại bệnh tư duy dự án. Dự án chỉ là một việc còn bao nhiêu vấn đề khác đằng sau nó nữa. Chính vì vậy mà việc làm tiếp theo để góp phần chấn hưng nền giáo dục chính là cần cấp bách trong sạch hoá đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục các cấp, nhất là cấp Bộ. Có thể thì các nguồn đầu tư mới có hiệu lực thực sự, các chủ trương chính sách mới thanh thoát hành thông, nhà giáo và nhân dân mới tin cậy ngành giáo dục. Cũng lạ là lâu nay sao không thấy ai đặt ra vấn đề chống tham nhũng trong giáo dục cả? Chả nhẽ giáo dục của ta đã trong sạch, và chỉ có giáo dục trong sạch sao?...

Không biết tôi nói có quá lời không, và có phiền lòng rất nhiều người tốt không (Tôi nhắc lại rất nhiều) nhưng đó là sự kiểm nghiệm của tôi trong quá trình làm việc, nhất là hơn 8 năm làm Tổng chủ biên bộ sách giáo khoa có tiếp xúc nhiều với nhiều cơ quan chức năng và nhiều cán bộ trong ngành giáo dục...■

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT:

LŨ QUÉT, RỪNG NGUỒN VÀ THỦY ĐIỆN

BỔNG LAI

Cứ này như kinh nghiệm dân gian, bão đã vãn ở miền Trung. Mà nếu còn thì cũng dịch chuyển vào Nam Bộ (Mùa mưa bão năm ngoài, biển Nam vẫn còn cơn bão rớt vạt sang đầu năm nay). Thời cứ mong vậy, để dần miền Trung bớt cực.

Nghĩ thế chợt nhớ, thủy tai tháng 10 ở Bắc Trung Bộ, tháng 11 ở Nam Trung Bộ dận rồi đâu có phải bão hay áp thấp, tai mưa lũ đầy chữ, mưa lũ kinh hoàng khi các thứ bão vẫn còn đang ở tận đầu tận đầu ...

Do địa hình, bão Nam Bộ có đỡ phá phách hơn, và lũ ở trời ấy thậm chí lại dễ chịu. Nước lên, nước lên lênh láng châu thổ, đem về bao mạn môi tôm cá, phù sa. Dân gọi đấy là mùa nước nổi, đến mùa thì cầu mong nước về, năm nào nước về ít (như năm nay) thì y rằng thất bát.

Còn cái lũ Trung Bộ? Áo một cái như từ trên trời (mà từ trời thật) giáng xuống, cuốn phăng mọi thứ ra biển. Sở dĩ nó vậy thì ai cũng biết, miền Trung vừa hẹp, vừa dốc bởi Trường Sơn sừng sững sau lưng, tạo sẵn cả một đại thể trường cho bấy cuồng thủy tung hoành. Điều khác biệt là ngày xưa người ta có thể định vị được nơi nào thường lũ ống, nơi nào thì lũ quét, và lúc nào thì lũ đến. Bởi thế mà người Dao chẳng hạn, vẫn yên tâm lập bản, lập làng ven suối để tiện sinh sống. Còn bây giờ? Chiu. Năm ngoái một dự báo viên thời tiết xứ Quảng đã vạt đầu vạt tai khóc rưng rức vì dự báo sai hết cả. Nước ống ộc về, lại sớm trước cả buổi, lại quét liếm cả vùng, thiệt hại không tính xuể.

Tôi từng trải nghiệm về lũ ống. Một chiều muộn qua ngấm suối, xe sắp chạm bờ bên kia chợt nghe tiếng gầm

reo kinh hoàng, ngoảnh lên thì cha ơi, lưng lưng cả tòa nước như căn nhà sàn đang từ thượng lưu ập xuống. Ghéch được đầu xe lên bờ rồi cũng không thoát, chiếc com măng ca vẫn bị cuốn đi, may mà được thân gỗ đỡ vắt ngang dòng suối cản lại ... Bấy giờ nghe bảo lũ ống, lũ quét còn phóng nhanh hơn, như là "tên lửa"(!) ấy. Người ta đổ tại biến đổi khí hậu khiến trái đất nóng lên ... Có cái sự ấy, nhưng thử nghĩ mà xem: biến đổi nhanh thế thật ư, với tốc độ này thì năm sau, năm sau nữa trời sụp chẳng?

Phải nói rằng phá rừng, mất rừng đầu nguồn chính là nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân căn bản cho hiện tượng nước cuồng này. Thì thấy ngay thôi, rừng trọc rồi thì lấy gì cản nước, còn đầu bộ rễ lưu dẫn nước xuống tầng ngầm? *Mặc sức nước phi ...* Anh cán bộ thời tiết Quảng Nam (và nhiều nơi trên đất nước này) không lường được lưu tốc, không lường được phạm vi lũ quét là phải, vì anh dự báo trên những chuẩn xác định sẵn có, đâu có biết rừng đã biến mất nhanh vậy rừng ơi! Chưa nói vừa đây, người đứng đầu Trung tâm Dự báo Khí tượng - Thủy văn còn cho biết năng lực dự báo của ta lạc hậu đến 10 năm so với khu vực. Trong một bài viết, chúng tôi đã đề cập đến các kiểu phá rừng nhưng xin lưu ý ở đây các kiểu "phá" mà lại được coi là "xây". Đó là trồng rừng và làm thủy điện. Được giao trồng mới ở nơi rừng kiệt, rừng nghèo, nhà thầu lợi dụng phá thêm ra xung quanh, và trồng gì, trồng vào thứ cây thậm chí không giữ được nước bằng rừng kiệt (thực tế là những rừng khớp nghèo). Cao su không phải là thứ cây giữ

nước. Lợi có cấp hai? Làm thủy điện cũng vậy, người ta lợi dụng tận thu để "thu" luôn cả những vật rừng không nằm trong điểm ngập, kiếm lâm khu không thấu. Còn bản thân các công trình thủy điện?

Năm ngoái, khi mưa lũ tác oai ở Trung Trung Bộ, ông Phó Thủ tướng và ông Bộ trưởng Công Thương đều nói do biến đổi khí hậu, thủy điện không có tội. Năm nay thì ông Bộ trưởng bảo: "Tôi chưa hề khẳng định sự không liên quan của thủy điện đến mưa lũ vừa qua ...", còn ông Phó Thủ tướng văn: "Thủy điện không làm tăng lũ". Có thể thông cảm với các vị ở trách nhiệm nặng nề phát triển ngành điện (đã thiếu triển miên lại còn đang phải lo sự đổ vỡ của tổng sơ đồ phát triển điện đến 2015) nhưng không thể không thừa nhận: *được cái này sẽ mất cái kia*. Được thủy điện là mất rừng, nhất là từ những công trình thủy điện nhỏ và vừa được giao cho tư nhân. Ở những công trình này, bài toán cắt lũ hầu như bị bỏ qua do phải đầu tư tốn kém, đã góp thêm nguy cơ rình rập của thủy tai.

Một người bạn bảo, "Khổ quá, dân miền Trung năm nào cũng thế này ư? Rồi lại đau xót, rồi lại cứu trợ, rồi lại tranh cãi ... Phải có bài toán yên dân chứ". Phải nhìn thẳng vào những nguyên nhân gây ra lũ cuồng, lũ ác để có thể khắc chế nó, khiến người dân sống chung được với nó một cách yên ổn. Đây phải là một chính sách có sự đầu tư lớn của Nhà nước, mà phải bắt đầu ngay từ lúc này, không chần chừ. Mấy năm qua đã nói đến việc xây dựng các nhà cộng đồng hoặc kiến cổ hóa các công sở sẵn có để làm nơi tránh lũ cho dân. Nhưng nguồn lực, cách thức thực hiện vẫn còn đang ị ạch ở đâu đâu. ■

VĂN NGHỆ SĨ VỚI DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI

CON NGƯỜI LÀ TRUNG TÂM CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

NSƯT HOÀNG HÀ

NGHIÊN cứu phần 6 (trang 10) "Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", trong dự thảo cương lĩnh đoạn nói về "con người là trung tâm của chiến lược phát triển, Văn kiện nêu lên tuy rất cụ thể về những tiêu chí xây dựng con người, nhưng lại chưa nêu lên được đặc điểm của con người là trung tâm chiến lược trong thời đại bùng nổ cuộc cách mạng khoa học và công nghệ - thông tin ở thế kỷ này. Tôi nhớ có một câu triết lý phương Tây "người giỏi là người biết sử dụng những người giỏi, tập hợp được những người giỏi quanh mình". Một xã hội cởi mở để mọi người hăng hái, phấn khởi, việc gì cũng có thể đóng góp tham gia thì sẽ không thể tập hợp được trí tuệ. Ngay cả việc hội nhập với thế giới hiện nay nếu không có trí tuệ thì mục đích hội nhập cũng có thể sẽ bị đảo ngược. Ông cha ta từ xưa đến nay coi trọng trí tuệ. Trên bia văn miếu - Quốc Tử Giám còn ghi "Các bậc tiền nhân tài giỏi là yếu tố cốt tử đối với một chính thể. Khi yếu tố đối đảo thì đất nước tăng tiến mạnh mẽ và phồn thịnh. Khi yếu tố này kém thì quyền lực đất nước bị suy giảm và những người giỏi có học thức là một sức mạnh đặc biệt quan trọng đối với đất nước".

Thế kỷ 21, thế giới đang bàn luận nhiều đến nền văn minh hậu công nghiệp, là thời kỳ mà trí tuệ, chất xám của mỗi con người đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động của xã hội loài người. Chúng ta sẽ mất dần "chất xám" nếu chưa tập trung nêu lên được

điều này một cách thuyết phục trong chiến lược phát triển con người.

Để "xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Hội NSMVN thường xuyên đề cập từ công tác nghiên cứu lý luận, đến đào tạo huấn luyện và sáng tác nghệ thuật đều nhận thức rõ: không giữ được giá trị truyền thống thì không thể nói đến sự phát triển trong hiện tại và tương lai. Đối với múa, là loại hình nghệ thuật biểu diễn, hiểu sâu hơn hết và rất đối tượng hóa mỗi lần đem chuông đi đánh xứ người, được thế giới ca ngợi về bản sắc dân tộc độc đáo trong các điệu múa dân gian mang đầy xúc cảm của dân tộc Việt Nam. Nhưng cũng buồn hơn ai hết khi biểu diễn những điệu múa mới họ bỏ ra ngoài, vì cái tưởng như là sáng tạo tiếp thu hiện đại thế giới thì nước họ lại có thừa, họ đang cho chuyên gia đi truyền bá cái sáng tạo của họ sang nước khác. Cho nên thời kỳ mở cửa hòa nhập vừa là thời cơ vừa là thách thức và cũng đòi hỏi trình độ trí tuệ.

Ở đây có hai vấn đề cần đặt ra: Một là phải tỉnh táo lựa chọn giá trị của quá khứ đó là cái nền tảng cơ bản, tuy nhiên trong giá trị của quá khứ có những cái đã lạc hậu kìm hãm sự phát triển. Hai là tiếp tục tiếp nhận bổ xung những giá trị mới của thời đại ở đây cũng có hai mặt. Cái mới thời đại do sự vận động nội lực sinh ra (điều này cũng dễ coi thường và tự đánh mất mình) và cái mới thời đại đến từ nguồn hội nhập. Do đó, giữa giá trị truyền thống và hội nhập không phải là hai phạm

trù cách biệt, đối lập nhau mà là cơ hội của sự giao hòa làm nên giá trị mới của dân tộc. Hiểu như thế thì không có gì phải bàn cãi. Cũng không nên đặt ra vấn đề "Bản sắc dân tộc" và "hiện đại hóa" bởi vì không có sự đối lập giữa tính hiện đại và tính dân tộc. Làm gì có cái hố ngăn cách nào để mà bàn cãi đâu! Đến nay mà còn không hiểu rõ điều này thì cũng nên thôi đứng lên tiếng nói về nghệ thuật nữa.

Điều thứ hai xin tham gia ý kiến về "dự thảo chiến lược ở phần giáo dục và đào tạo", vấn đề này hiện nay đang thiếu một vấn đề rất cơ bản. Đó là phải đưa vấn đề giáo dục giá trị truyền thống nghệ thuật dân tộc (phí vật thể) vào chương trình giảng dạy chính thức trong các nhà trường. Có một thời kỳ đưa ra thí điểm xây dựng sân khấu học đường để truyền bá nghệ thuật dân tộc cho học sinh trong các nhà trường phổ thông, nhưng rồi cũng không hiệu quả. Có lẽ đó chỉ là để thí nghiệm để đối phó "tình thế", chứ không xuất phát từ tầm chiến lược về giáo dục xây dựng con người như đã nêu là "Bồi dưỡng nhân tài, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam". Thực tế thời gian vừa qua không ít người hỏi ngành múa ta có phải đang định nhảy xi-tin, Hiphop của thanh niên đường phố, sinh viên, học sinh trong học đường để thay thế múa dân tộc không mà loại nhảy này phát triển mạnh thế, rồi còn thì thố cả "múa cột", "múa bụng"... giới thiệu khen chê trên mạng, trên báo, trên các phương tiện truyền thông rùm beng cả lên... Đây không phải



là chủ trương của hội múa vì hội múa không quản các hình thức nhảy thể thao (dance sport). Nhưng đây cũng là một nhu cầu của tuổi trẻ nó không riêng chỉ có ở đường phố thành thị mà xin thưa là đã lan xuống cả nông thôn một cách tự phát, có nơi còn tổ chức nhảy hiphop trong lễ hội truyền thống của làng. Chúng ta không thể xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc khi các thế hệ kế tiếp lại không hiểu biết gì về các nền nghệ thuật truyền thống của ông cha mình. Nếu không nghiêm túc đặt ra vấn đề này thì những giá trị của nền nghệ thuật (phí vật thể) như múa hát dân ca, lễ hội dân gian... mà chúng ta vừa tốn bao công sức để được UNESCO công nhận là "di sản văn hóa (phí vật thể)" thế giới sẽ lại dần dần bị mai một.■

CHỐNG THAM NHƯNG BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

ĐÀO HỒNG ĐỨC

TRONG thời gian gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng, người dân có thể cảm nhận được cái không khí đang nóng lên từng ngày, từng giờ trước những vấn nạn lớn của đất nước. Một trong những nguy cơ làm xói mòn niềm tin của nhân dân đó là tham nhũng. Phải đứng cảm thừa nhận tham nhũng thực sự đã trở nên phổ biến, nó len lỏi trong mọi ngóc ngách của cuộc sống, nó tồn tại ở mọi cấp, mọi ngành. Vụ việc trước chưa kịp giải quyết đã xuất hiện vụ việc mới với quy mô, tính chất, mức độ ngày càng lớn hơn, tinh vi hơn, phức tạp hơn. Đây là vấn đề không mới vì nó được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần, tốn nhiều giấy mực của các nhà phân tích, các diễn đàn và chiếm nhiều thời gian qua các kì sinh hoạt Nghị trường. Tham nhũng cũng đã được phân tích mổ xẻ từ nhiều khía cạnh, rồi những giải pháp triển khai trên thực tế, nhưng kết quả cuối cùng có thể nói là muối bỏ biển để rồi có người đau xót thốt lên: Chống tham nhũng ở nước ta giống như dòng văn học hiện thực phê phán cuối thế kỉ 19 - thấy hiện trạng nhưng không có giải pháp tháo gỡ.

Một cách thức tiếp cận mới mẻ, hiện đại, hoàn toàn giống với những gì mà các nước có nền dân trí, dân chủ cao thực hiện. Ở họ đâu nói nhiều tới giáo dục đạo đức. Nhưng có phải vì lẽ đó mà xã hội họ bất ổn, đạo đức suy đồi, kinh tế khủng hoảng? Câu trả lời chắc chắn là không! Vì triết học Mác cho rằng muốn cải tạo xã hội phải bắt đầu từ chính đời sống kinh tế, từ tồn tại xã hội nên họ thực hiện quyết liệt những điều thiết thực ở "trong đời sống kinh tế" mà mấu chốt là họ nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ, không ngừng hoàn thiện hệ thống luật pháp và điều quan trọng là xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực khoa học trong hoạt động kinh tế họ giám sát hiệu quả quyền

lực, quyền lực công không bị đánh cắp.

Trông người lại nghĩ đến ta, vậy giáo dục đạo đức mà đối tượng được hướng tới cơ bản là đội ngũ công chức đã làm họ chuyển biến tích cực? Chủ nghĩa Mác đã khẳng định thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất kiểm tra tính đúng đắn của chân lí. Vậy để xem tính hiệu quả, thiết thực, đúng đắn của một lí thuyết, một chủ trương thì hãy nhìn vào kết quả thực tế của nó, đó là câu trả lời chắc chắn nhất, khoa học nhất.

Nhưng thực tiễn diễn ra quá nhiều điều khiến ta phải suy nghĩ, trăn trở. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội thừa nhận: "Tình hình tham nhũng nhìn chung vẫn còn nghiêm trọng và diễn biến phức tạp, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, trong khi đó công tác phát hiện và xử lí còn ít, chưa tương xứng với tình hình và yêu cầu...". Chính chủ nhiệm Ủy ban pháp luật Nguyễn Văn Thuận nhận định: "Tình trạng cán bộ công chức của quyền, hách dịch, sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng còn khá phổ biến". Một câu hỏi được đặt ra với các vị quan tham, các "công bộc" của dân này liệu họ đã được giáo dục về đạo đức?

Xin được trả lời ngay, không những họ được học một cách bài bản mà chính họ còn là người chủ trì, lên lớp đạo đức cho cán bộ và quần chúng dưới quyền. (Phải chăng có sự tỷ lệ thuận giữa chức vụ và đạo đức, chức vụ càng lớn thì đạo đức càng cao, càng hơn người?). Vụ việc Vinashin với thất thoát trên 86 nghìn tỷ đồng, theo một thống kê có cơ sở, trung bình mỗi người dân Việt nam phải công trên lưng mình khoản nợ 1,5 triệu đồng cho nó...! Nếu giả sử vụ việc được phát hiện muộn hơn thì chắc chắn những người đứng đầu Vinashin với cương vị lãnh đạo, đảng viên lại tiếp tục rao giảng về đạo đức đối với cán bộ, quần chúng của mình.

Lời nói và việc làm bất nhất, nói một đằng làm một nẻo sẽ đánh mất lòng tin ở dân và mất lòng tin ở dân là mất tất cả.

Đã đến lúc xin gác lại mọi tranh luận phù phiếm để khẳng định pháp luật là điểm quy chiếu rõ ràng nhất về trạng thái công bằng, dân chủ, tính hiệu lực trong cuộc đấu tranh với những tệ nạn xã hội, xây dựng và hoàn thiện một nhà nước thượng tôn luật pháp - một nhà nước Pháp quyền đã trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Với sự tôn trọng chân lí và lẽ phải để thừa nhận Nhà nước Pháp quyền là mô hình nhà nước tiên tiến nhất hiện nay, thế giới đang phấn đấu cho một Nhà nước Pháp quyền bởi đó là nhà nước mà quyền lực của pháp luật là quyền lực duy nhất và cơ bản - quyền lực của pháp luật là quyền lực tối cao. Điều đó có nghĩa rằng không một cá nhân hay tổ chức nào có thể đứng trên hay đứng ngoài sự chi phối, kiểm soát của luật pháp; các cơ quan nhà nước phải làm theo những điều luật pháp quy định và nhân dân có thể làm bất cứ điều gì mà pháp luật không cấm, tất cả mọi cá nhân, tổ chức đều bình đẳng trước pháp luật.

Theo tôi để chống tham nhũng một cách triệt để, cần có một hệ thống pháp luật nghiêm minh, có một đội ngũ cán bộ công tâm, trong sạch mà sâu xa hơn chính là tư tưởng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm tập trung vào một số vấn đề sau

Một là: Hiến pháp thừa nhận Đảng là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội cho nên cần thể chế hoá sự lãnh đạo của Đảng bằng một đạo luật.

Hai là: Chúng ta khẳng định quyền lực của nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất, nhưng có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước khác nhau để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Khi nói tới quyền lực thống nhất là nói tới sự tập quyền, nhưng mấu chốt của một nhà nước Pháp quyền đồng thời là ưu điểm của nó đó chính là cơ chế kiểm soát có hiệu quả lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực. Cơ quan Lập pháp với vai trò là Đại biểu của nhân dân sẽ phát huy vai trò giám sát của

mình ra sao khi có tới 75% đại biểu quốc hội kiểm nghiệm và 80 tới 90% đại biểu là đảng viên? Một thực tế không ít đại biểu chưa phân biệt rõ "các vai" của mình - cương vị một đại biểu nhân dân, cương vị lãnh đạo các cơ quan hành pháp. Với cương vị một đại biểu quốc hội thì đáng lẽ họ phải hiểu tiếng nói của mình là tiếng nói của nhân dân, đại diện cho nhân dân, nhưng rồi họ quên mất điều đó và có một bộ phận lợi dụng diễn đàn Nghị trường như là nơi để thể hiện tình cảm chính trị của mình.

Ba là: Nhân dân không những thể hiện quyền lực gián tiếp thông qua các tổ chức đại diện (Quốc hội, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội của nhân dân) mà cần được thể hiện nhiều hơn quyền lực trực tiếp đối với các vấn đề khác nhau của đời sống xã hội.

Trên thực tế nhân dân chưa được quyền lựa chọn, chưa được giám sát, bỏ phiếu tín nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước theo đúng nghĩa của nó. Chúng ta vẫn chưa thể chế hoá bằng luật pháp quyền lực trực tiếp của nhân dân, chưa làm được điều mà Bác Hồ từng trăn trở: "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ".

Thực tiễn đời sống chính trị đã chỉ ra cái giá phải trả quá đắt khi quyền lực không được kiểm soát một cách hiệu quả, khi những tầng lớp trên của xã hội có quyền phân xét, sử dụng luật pháp trong khi chính họ lại không bị chi phối bởi nó. Đó là căn nguyên, cội rễ của mọi căn bệnh xã hội, là mảnh đất màu mỡ dung dưỡng cho sự tồn tại, phát triển, tác oai của tham nhũng.

Lịch sử giống một chuyến tàu không có khứ hồi, cũng như mọi dòng sông đều đổ về biển cả. Trung thành với cha ông không có nghĩa là chúng ta tiếp tục đạp lên những lối mòn cũ mà phải chuyển mình với những bước đi mạnh dạn, với một tư duy sáng tạo, bút phá nhưng luôn tỉnh táo đặt lợi ích của Dân tộc, Nhân dân, của Đảng lên trên hết. Với tinh thần đó chúng ta hiểu được sự cần kíp, bức thiết về xây dựng và hoàn thiện một nhà nước Việt Nam Pháp quyền XHCN.■

NỮ TƯỚNG KƠ HO

UÔNG THÁI BIỂU

Cao nguyên cuối mùa mưa. Tôi tìm về mảnh đất Dong Dor nổi tiếng một thời, nơi khởi nguồn của phong trào chống Pháp do nữ thủ lĩnh Ka Nhối hay còn gọi là Mọ Kọ người dân tộc Kơ Ho lãnh đạo. Con mưa giữa trưa cũng vừa bất ngờ trào tới, rửa rích những âm sắc nao buồn. Ngắm màn mưa trong trưa để liên tưởng về một miền dĩ vãng đã qua, những năm tháng và những con người chỉ có thể hồi tưởng qua ký ức, qua những câu chuyện kể.

MÙA này cả phê còn xanh. Những tán lá non tơ đọng những giọt nước trời phát ra một thứ ánh sáng long lanh và tinh khiết kỳ lạ. Ngắm những mắt lá xanh đọng nước bên những triền đồi trập trùng giữa cao nguyên Di Linh, tôi như còn nghe âm thanh những ngọn đuốc nổ lép bép và rực sáng trong đêm, dư âm của những tiếng hô vang vọng qua những ngọn núi, những cánh rừng gần bảy mươi năm trước của nghĩa quân Mọ Kọ làm lễ ăn trâu thể không đội trời chung với giặc Pháp xâm lược. Như còn được chứng kiến ánh mắt rực lửa của bà, mái tóc của bà, mà hậu duệ kể rằng nó trắng phau như mái tóc của người bạch tạng, rung rung trong gió và lời bà âm vang trầm hùng trước hàng quân: "Rạp nen an se, Bơ K'rong...Chau go! Cau lec mu, lec mac, lec mong, dhau yo, chouyo... - Trâu đã giết! Hỡi thần linh! Đến uống đi! Đến uống nào, hãy đến đây tất cả...Hỡi các thần! Hãy giết hết bọn thực dân Pháp xâm lược! Để cho người Thượng, người Chăm, người Kinh cùng nhau chung sống trong hòa bình, ấm no, hạnh phúc!..."

Đã biết từ rất lâu, huyện Di Linh lấy tên bà để đặt tên cho một con đường trong thị trấn nhưng đến bây giờ tôi mới thực sự được bước chân trên con đường mang tên người phụ nữ Kơ Ho với cuộc đời đẹp như huyền thoại ấy. Con đường không dài và cũng không rộng lắm nhưng tên gọi của nó được đặt đúng chỗ nên càng thêm ý nghĩa. Đường Mọ Kọ bắt đầu từ quốc lộ 20 đoạn ngang qua thị trấn Di Linh, gần với buôn Dong Dor nơi Ka Nhối cất tiếng khóc chào đời, cũng là nơi bà hội quân ăn thể chống Pháp. Hơn một cây số trải nhựa bằng qua buôn Ka Ming của người Kơ Ho Srê, rồi dừng lại dưới chân đồi Dăng Kér, đó là nơi an nghỉ cuối cùng của nữ tướng rừng xanh vang bóng một thời. Anh K'Nhèo, người cháu gọi Ka Nhối bằng di ruột cùng tôi lên thăm phần mộ của bà. Ngôi mộ ấy cũng đơn sơ, khiêm nhường như bao nhiêu phần mộ của những người đồng tộc. K'Nhèo nghiêng người cúi xuống nhỏ những ngọn cỏ đang lan trùm lên mộ. Từ đỉnh đồi Dăng Kér, tôi dõi rộng tầm mắt ra xa. Quanh thị trấn Di Linh sôi động, những buôn làng của người Kơ Ho, người Kinh ấm khói trên những mái nhà sàn chuẩn bị bữa cơm trưa và những vườn cà phê trải dài xanh ngút mắt đang xoe tán lá đón cơn mưa giữa mùa ...

Người già ở Dong Dor kể rằng: Tên mà cha mẹ và những người đồng tộc ở buôn đặt cho bà trong lễ thổi tai là Ka Nhối, một cái tên dịu dàng dành cho các cô gái Kơ Ho. Bà lớn lên, sống yên lành

cùng với sáu anh chị em của mình là K'Gim, K'Brim, K'Gep, Ka Troil, Ka Dim, Ka Dép. Ka Nhối đẹp dịu dàng như con nai rừng thường về uống nước và nô giỡn cùng trăng bên suối Đa Brăng, hồn nhiên như con chim R'tang vãn vèo von cất tiếng hót trên ngọn Dăng Kér. Nếu cuộc sống mãi mãi yên lành thì Ka Nhối sẽ hàng ngày lên rừng hái măng, chiều chiều xuống suối kén nước. Đến tuổi cập kê cô gái ấy sẽ bắt chồng, sinh con trai khỏe, con gái khéo tay và sống một cuộc đời bình yên giữa buôn làng cùng với những người thân. Nhưng rồi ngày vui không lâu, giặc Pháp, cái lũ sài lang từ miền đất xa lạ nào đó đã mang theo súng đạn đến đây. Chúng làm khổ người dân Việt Nam, bắt người Thượng Tây Nguyên đi sâu, nộp thuế. Buồn làng sống trong cảnh tang thương, đau khổ và cùng cực. Trong những đêm dài trong mỗi nhà sàn người già co ro vì lạnh, trẻ em khóc thét vì đói và câu chuyện không dứt là lời kể tội kẻ thù xâm lược. Có áp bức là có đấu tranh. Từ một cô gái Kơ Ho dịu dàng, bà trở thành nữ tướng của một phong trào chống Pháp - phong trào Mọ Kọ (một tên gọi khác của thủ lĩnh Ka Nhối). Bắt đầu từ buôn Dong Dor của cao nguyên Djirinh, tỉnh Đồng Nai Thượng (thuộc xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, Lâm Đồng ngày nay), phong trào lan rộng, hàng ngàn người dân Kơ Ho, Châu Mạ, Chăm và tất cả những người dân tộc thiểu số cùng khổ khắp vùng Đồng Nai Thượng đã tụ về dưới trướng của bà. Người con gái Kơ Ho vừa bước qua hai mươi mùa rẫy đã trở thành nữ tướng. Bà là huyền thoại, là niềm tự hào của vùng đất Nam Tây Nguyên đau thương và bất khuất, là nỗi kinh hoàng, khiếp sợ của kẻ thù...

Tư liệu về thủ lĩnh Ka Nhối và phong trào Mọ Kọ trên các trang sử địa phương không nhiều. Trong cuốn "Địa chí Lâm Đồng" do tỉnh biên soạn và xuất bản, tôi đã đọc được những dòng ngắn ngủi:

"Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, từ năm 1937, một phong trào chống Pháp rất sôi động của đồng bào các dân tộc thiểu số bắt đầu từ miền Tây Bắc tỉnh Phú Yên đã lan rộng ra các vùng xung quanh và các tỉnh Tây Nguyên. Là một thành viên của phong trào, hai thủ lĩnh Ka Nhối và K'Voai đã thành lập những hội kín, vận động nhân dân quyền góp xu đóng để đúc mũi tên làm vũ khí, không đi sâu cho Pháp. Phong trào bắt đầu từ Dong Dor (Djirinh), sau đó phát triển đến hầu hết các huyện trong tỉnh, thu hút gần 10.000 người tham gia. Giữa lúc phong trào đang phát triển mạnh thì thực dân Pháp phát hiện, bắt giam và tra khảo nhiều người, trong đó có hai thủ lĩnh nói trên. Ngày 13-12-1938, chúng lập tòa án tại huyện Djirinh, kết tội 14 người "âm mưu làm loạn chống lại chính quyền Pháp" và kết án họ từ 14 đến 20 năm tù, trong đó Ka Nhối chịu mức án 20 năm khổ sai. Bà bị giam ở Huế..."

Đã nhiều lần tôi thử tưởng tượng và suy luận nhưng không sao tự trả lời được câu hỏi mà bấy lâu phân vân: Tại sao, một cô gái Kơ Ho mới bước qua hai mươi mùa rẫy, không hề biết chữ, không một ngày làm quen với việc binh đao lại có thể vận động và tổ chức một phong trào chống Pháp quy mô lớn như thế? Có cứ liệu nào để chứng minh cho giả thiết của tôi là phong trào Mọ Kọ trong thời kỳ đó có sự chỉ đạo ngầm của các chiến sỹ cộng sản người Kinh? Tôi đã tự hỏi và đã không thể tự trả lời. Một nhà báo đi góp nhặt chuyện của thời dĩ vãng không thể thay thế nổi công việc của những người viết sử. Với cách tự an ủi như vậy, tôi chỉ dám ghi lại đôi điều về nữ thủ lĩnh và phong trào chống Pháp do bà lãnh đạo qua hồi ức của ít ỏi nhân chứng, của hậu duệ bà và những trang tư liệu mà các đồng nghiệp của tôi đã góp nhặt trước đó. Và vì vậy, câu chuyện về phong trào Mọ Kọ, về nữ tướng Kơ Ho lại tiếp tục bỏ ngỏ...

Thật ngậm ngùi và cũng không may cho tôi, về Dong Dor lần này đã không còn được gặp người mà tôi cần gặp. Ông K'Sen, mà trong hồ sơ của mật thám Pháp ghi là K'Suon, đã vĩnh viễn ra đi.



Ảnh: U.T.B.

Ông là người đồng chí hướng, người cậu ruột của bà và cũng là nghĩa quân thân cận của chủ tướng Ka Nhối. K'Sen về đất Yàng cách đây hai năm đã mang theo nhiều tư liệu quý của phong trào Mọ Kọ và cuộc đời của nữ chủ tướng mà những người quan tâm chưa kịp ghi hết.

Sinh thời, trong một lần tiếp xúc, ông K'Sen đã kể thêm về cuộc nổi dậy, đặc biệt là ông nhớ như in buổi lễ ăn thể. Ông nói rằng, sau lời khấn Yàng của thủ lĩnh Ka Nhối, nước thánh Da Yon được phân phát cho từng nghĩa quân. Có nghĩa là sức mạnh của thần linh được truyền vào đôi tay cho đôi tay thêm rắn chắc, truyền vào đôi chân cho đôi chân thêm khỏe. Họ cùng tuyên thệ không đội trời chung với kẻ thù xâm lược. Họ quyền góp tiền xu để rèn mũi tên đồng, quyền góp lương thực để nuôi quân chuẩn bị cho cuộc kháng Pháp lâu dài. Thế rồi, bọn thực dân và tay sai đã đánh hơi được, sau báo cáo hỏa tốc của Công sứ Pháp tại tỉnh Đồng Nai Thượng gửi Khâm sứ Trung Kỳ với nội dung: "Cuộc bạo loạn của người Thượng tại Đồng Nai Thượng", kẻ thù đã tổ chức một cuộc bao vây quy mô lớn trong bảy ngày bảy đêm tại căn cứ Dong Dor. Thủ lĩnh Mọ Kọ và toàn bộ ban tham mưu của bà bị giặc Pháp bắt. Tòa án thực dân đã kết án nữ tướng Kơ Ho và "đồng bọn" tội "làm loạn, chống lại nhà nước bảo hộ". Trước súng gươm của quân xâm lược, Mọ Kọ và những nghĩa quân của bà vẫn thể hiện tinh thần bất khuất, hiên ngang, vẫn lớn tiếng tố cáo tội ác của lũ sài lang cướp nước. Ông K'Sen ra đi cũng mang theo những bí mật về câu chuyện tình lãng mạn và độc đáo "kể suốt ngày dài đêm thâu không dứt của nữ chủ tướng chân đất mà ông hàng kính mến với chàng trai đồng tộc K'Jéo. Đó là mối tình duy nhất, mối tình đẹp như huyền thoại đã theo bà đến suốt cuộc đời, kể cả những năm tháng sống trong cảnh tù đầy kim kẹp của kẻ thù, kể cả khi bà đã về với đất sâu Dang Kér bên dòng Đa Brăng từ năm 1973...

Dong Dor ngày xưa, Djirinh và cả vùng đất Nam Tây Nguyên ngày xưa, cái ngày cách đây chưa xa ấy đã không bình yên. Cả đất nước cũng chìm trong cảnh lầm than dưới gót giày và họng súng của quân xâm lược. Trong bóng tối của đêm dài nô lệ, đã lóe lên ánh sáng của những phong trào phản kháng, chống lại kẻ thù chung mà cuộc nổi dậy của nghĩa quân Dong Dor dưới sự chỉ huy của nữ tướng Ka Nhối là một minh chứng sinh động của lòng yêu nước. Lịch sử phải được đánh giá một cách khách quan và chính xác. Phong trào Mọ Kọ với quy mô, tinh thần và ý nghĩa thực sự của nó phải được ghi nhận đầy đủ. Là người làm báo, như tôi đã nhận, chỉ là người góp nhặt chuyện ngày xưa không đủ sức làm thay công việc của người viết sử. Chỉ biết rằng trong chiều mưa tháng Tám, cúi đầu ngưỡng vọng trước ngôi mộ đơn sơ không một dòng mộ chí của bà, tôi càng thêm khâm phục người nữ chủ tướng giữa rừng xanh năm xưa. Cô gái Kơ Ho dịu dàng, không hề biết chữ, chưa một lần làm quen binh đao đứng trước hàng ngàn nghĩa quân tuyên thệ không đội trời chung với quân xâm lược. Tôi chợt nghĩ, giá như ngay trên đỉnh đồi nơi ngày xưa bà hội quân ăn thể, một ngày không xa du khách đi qua ngược lên sẽ bắt gặp hình ảnh oai phong凛冽 của một bức tượng đài. Tượng đài ấy mang tên Mọ Kọ...

LÊ LÂM

Ngày mai mình ở đâu

Người ta biết
Lúc nào mặt trời mặt trăng gặp nhau
Chính xác đến từng giây
Để lấp ghép những con tàu
Nhưng mấy ai cảm chắc
Ngày mai
Mình ở đâu

Cũng chính con người làm ra những con tàu
Cũng chính con người
Tính toán cho tạo vật
Cho vũ trụ không thể nào lỡ hẹn...

Những đôi lứa yêu nhau
Chỉ một lần không đến
Mà phải xa nhau suốt cả cuộc đời
Dù có thể thông tin đến từng phút từng giây
Tốc độ của âm thanh còn nhanh hơn ánh sáng.

Giữa khi trời phẳng lặng
Ai lường trước được bão giông
Nếu hiểu được từng đường đi nước bước
Thế gian này đã không có những đường vòng

Người ta có thể nhận biết hết mọi điều
Thế mà có những điều không thể biết
Lại ở trong bản thân
Khi ở xa ta rút lại đường gần
Mà ở gần lại có khoảng cách xa
Ngoài tưởng tượng.

Ai đã từng vượt qua vật chường
Hãy một lần ngoài lại
Chỗ không thể vượt qua.

NGUYỄN THỊ KIM
Gom thu

Tôi gom cộng rơm
kết thành
mùa ấm.

Tôi gom giọt nắng
kết thành
ban mai.

Tôi gom buồn vui
kết thành
đi vắng.

Tôi gom hạn hán
kết thành
cơn mưa.

Tôi gom cần khô
kết thành
hoa trái.

Tôi gom đắng ngải
kết thành
hương lan.

Tôi gom thời gian
kết thành
kỷ niệm.

Tôi gom mặn biển
kết thành
phù sa.

TRẦN NGỌC HƯỚNG

Nhật khởi hư không

Mời nhau cạn chén rượu đầy
Còn đây đêm cuối: tiệc này... rồi thôi
Chim hồng nhận tểch phương trời
Đưa người ta chẳng đưa người qua sông

Mà qua ngàn ngọn sóng lòng
Bóng chiếu nhộn nhạo đắm trong bóng chiếu
Mảnh lòng ly khách hắt hiu
Ngậm ngùi cổ sự thơ gieo điệu hành

Tây Hồ bằng bạc gương xanh
Thăng Long chỉ lờn tung hoành bút hoa
Đầu âm hưởng khúc tráng ca
Trên sông Dịch ngân phù sa sông Hồng...

Dung không lòng bỗng mệnh mông
Phút nào ngỡ ngẩn ngấm dòng nước xuôi
Chiều mưa đông rạ trắng trời
Thường bên lở nhớ bên bồi rụng rụng

Gió biên giới thổi nhức rừng
Da người vàng vọt sốt run từng hồi
Câu thơ bỏ lại mõ côi
Bóng người vợ trẻ lâu rồi ngóng trông

Trời bệnh bóng, đất bệnh bóng
Chim về nhật khởi hư không... cõi ngoài
Tống biệt hành tống biệt ai
Cuộc đời ngắn, tiếng thơ dài: Thâm Tâm

CÔNG TIẾN THỊNH

APênh xuống chợ

APênh năm mươi hai tuổi
Trông anh như một ông già
Quáng mắt thần thờ
Đi tìm bạn xưa không gặp
Hai ngày rồi APênh vẫn đợi.

Em ở đâu? Oí em ở đâu?
Sao không về, cùng nhau hát đối
Sao không về, cùng múa khèn đêm hội?
Hơi em nóng hổi
Trong bát rượu đầy.

Phiên chợ năm nay
Con trai APênh có bạn mới
Chúng vui khắp khối
Hẹn nhau
Tình tự qua đêm.

Còn ông
Cầm bầu rượu con trao
Lặng thắm - buồn, vui uống cạn.
APênh say mèm! Bước đi chuyễn choạng
Khâu Vai bóng đổ sang chiều,

Em ở đâu? Oí em ở đâu?
Sao không về đêm hội?
Hơi em nóng hổi trong bát rượu đầy!...

Con trai bế ông đặt lên lưng ngựa
Cùng câu chuyện cũ... ra về.

LƯU VĂN NGHIỆM

Hùng đông

Về quê mấy ngày hè
Dòng sông đang vào mùa lũ
Nước đỏ phù sa ngập bờ vệt và
Sông đập triển dề
Giò tấp thân dề.
Gốc đa đứng đợi người xưa
Bến cũ lẻ loi hoài niệm
Con đò đã vào dĩ vãng,
Tôi đi trong làng vắng
Mưa rơi...
Bâng khuâng giữa đất trời,
Chuyến phà đông người
Áo ạt sang sông
Chuyến làng xã chuyện làm ăn
Rộ lên không ngớt.
Quê nhà đã bao đổi khác
Ruộng đồng đổi thửa khoanh vùng
Cấy lúa trồng ngô
Dệt nải chân lằm
Đất sinh mùa vàng thắm sâu tình nghĩa.
Hoa trạng nguyên trước nhà rộ nở
Hương dạ lan ngập sân
Đêm dài ngủ giấc chẳng yên
Một mình chong đèn thao thức
Cơn mưa vào khuya gấp gáp.
Suy nghĩ miên man...
Chợt vắng đâu đây khúc hát dân gian
Hùng đông sáng rạng
Ngày mới bắt đầu.



TẢN VĂN

GỬI CON CÂU CHUYỆN MÙA ĐÔNG

PHONG ĐIỆP

Khi con còn say ngủ, mẹ đã lên đường. Tân Sơn, Phú Thọ - mẹ cũng chưa bao giờ đặt chân đến đó. Chỉ một đoạn đường cách Hà Nội hơn trăm cây số. Đi qua Thanh Thủy, nơi người Hà Nội lữ lượt rủ nhau lên tắm khoáng nóng và du lịch sinh thái. Thêm vào chục cây số nữa là tới Tân Sơn. Cũng gần phải không con?

Vậy mà ở khoảng cách gần ấy, mẹ đã thấy những gì hiện ra ở mảnh đất này? Những con đường lầy bùn. Chuẩn bị sáng tháng 12 mà hai hôm trước vẫn mưa còn mưa rào kèm gió lạnh. Dọc con đường mẹ đi, mắt trẻ thơ ngơ ngác dõi theo. Những đôi chân trần chạy bộ giữa tiết trời buốt giá. Áo cộc phong phanh. Chiếc kẹo mẹ dúm cho, có bạn thì nhai nghiền ngấu, có bạn thì mút nửa chứng rồi cho vào giấy bọc lại. Hỏi: tại sao? Trả lời: để dành đến chiều. Mẹ đưa thêm kẹo, chiếc kẹo bọc giấy kia vẫn cương quyết không gờ ra. Vẫn để đến chiều. Còn ngày mai, ngày kia và nhiều ngày nữa. Kẹo

thì chỉ có chừng ấy thôi. Ăn hết tiếc lắm.

Mà mơ ước kẹo làm gì. Kẹo là thứ quá đổi xa xỉ ở nơi này. Chỉ hơn trăm cây số từ bưu điện Bờ Hồ, mà nơi này giảng giảng mây phủ giữa bốn bề rừng núi. Như đầu đó ở xa xôi lắm. Học trò lớp sáu mà chưa được hai chục cân. Quần lò xo, dép tổ ong đuổi nhau huyền ảo khắp sân trường. Như không từng tồn tại bên mình mùa đông đang buốt lạnh, những sáng mai lợi bộ đến trường, người rét cóng. Củ khoai cho bữa sáng chẳng thấm tháp gì. Da bụng lép kẹp, người run lẩy bẩy không biết vì lạnh hay vì đói. Ngồi trước trang vở, tay chẳng thể cầm được bút. Các đốt ngón tay như không phải của mình nữa. Lạnh cóng, đến mức không còn cảm giác đau nữa.

Cách Tháp Rùa chỉ hơn trăm cây số, học trò Tân Sơn cũng ở bán trú. Nhưng là bán trú cả tuần. Cả tuần không có cha mẹ kể bên. Tự xúm xít bên nhau những bữa cơm đơn sơ, với nổi canh lỏng bỏng nước;

có khi chẳng cần thịt, chẳng cần cá. Nói thì nói thế cho oai. Cha mẹ nghèo, lấy tiền đâu mua thịt cá đây? Đến cái kẹo cũng ăn dè, thì mơ gì thịt cá? Mẹ chạnh nhớ các bạn con ở vùng núi Tây Bắc, những bữa cơm chỉ có muối trắng rang khô trên nắp nồi gang và canh hoa ban không dầu mỡ. Mùa đông, những căn nhà dựng bằng cốt ép không che chắn nổi những trận gió buốt thấu xương. Để chống chọi với giá lạnh, ban ngày những bạn nhỏ ấy phải vào rừng nhặt cành củi khô, đem về đốt. Hơi lửa ấm giúp những giấc ngủ được vỗ về. Có lúc lạnh quá, nhớ nhà, chỉ biết ôm nhau mà khóc.

Thật khó hình dung những điều mẹ kể phải không con? Những câu chuyện mà con nghĩ chỉ có trong sách vở. Nhưng con ạ, sách vở sẽ có ý nghĩa gì nếu không bắt đầu từ chính cuộc sống này. Mẹ sẽ không để con bị đói, bị rét; nhưng mẹ cũng không muốn con quên rằng, có những bạn nhỏ của mình chân bầm bùn mới sớm mai đến trường và



ngay đến chiếc kẹo cũng phải ăn dè.

Con ạ.

Mỗi sớm mùa đông, khi con khoác lên mình tấm áo ấm, hãy nghĩ đến giá lạnh ở những nơi khác mà mùa đông còn khắc nghiệt hơn gấp bội. Nơi ấy có thể rất xa, nhưng cũng có thể ở rất gần nơi chúng ta đang sống đây...■

KHÚC ĐU CA

Truyện ngắn của TÔ HẢI VÂN

S AU Tết, Bán sách và Bán giấy lại gặp nhau ở cái vỉa hè cũ quen thuộc.

Ăn Tết vui không? Bán giấy hỏi. Vui, Bán sách trả lời. Còn ông? Ồ, vui, Bán giấy nói. Hai gã nhìn nhau. Rồi cùng hì hụi bày hàng trên vỉa hè. Vừa bày vừa liếc. Bán sách ngoẹo cổ nhìn như kiểm kê giấy, còn Bán giấy liếc nhanh những tên sách. Thử, vẫn giống thử, xồi, vẫn giống xồi.

Ngồi đến phát mốc. Thiên hạ chỉ đi ngang qua. Sau Tết, người ta đi thẳng, đầu thiên hạ không lắc lư. Sau Tết còn rất rét, người ta ấm áp trong những chiếc áo choàng dày cộp, đã đi là vội vã đi, không dừng.

Bán giấy, như mọi khi, cái mồm để không không dùng không chịu được. Gã quay sang Bán sách: Này này! Không như hồi xưa lúc mới quen nhau, Bán sách thờ ơ không thèm trả lời, bây giờ khá hơn, gã từ từ quay sang: Gì? Lại chả biết nói gì, Bán giấy há mồm cười. Bán sách cũng nhếch mép cười.

Hôm sau, hôm sau nữa, lại gặp nhau bên vỉa hè, lại bày hàng.

Nhưng đến hôm nay Bán giấy có vẻ quyết tâm. Gã gọi với sang:

- Này này!

- Gì?

- Ngồi đây ế quá.

Bán sách gật đầu.

- Mai phải đổi phương thức bán hàng.

Bán sách buồn cười, cười khùng khục trong miệng. Rõ đồ khùng. Vẫn đoán hẳn có chữ, nhưng chữ hẳn dùng buồn cười quá.

- Đổi sang bán dạo. Hồi xưa tôi bán dạo. Bây giờ, cảnh này, lại đi bán dạo.

Bán sách gật gật đầu.

- Ông có đi với tôi không? - Bán giấy đột ngột hỏi.

Bán sách há miệng. Điều này, gã chưa bao giờ nghĩ tới. Gã lẩm bẩm:

- Báo thì được, chứ sách thì...

- Sách cũng được chứ sao? Ông cố bỏ mẹ.

Thế là hôm sau, ở cái vỉa hè ấy, người ta không thấy gã bán sách và gã bán giấy ngồi ở đó nữa. Có cô nhà báo đeo kính nọ rất hay động lòng trắc ẩn chẳng đầu vào đầu, sức nhớ đến hai gã, muốn đầu năm mua một đôi giấy và một quyển sách mở hàng cho cả hai, hăm hở đi ra đó thì ngăn người: bán sách và bán giấy đã biến mất từ lúc nào lúc nào.

Có hai gã đang đi trên vỉa hè một đường phố lớn đầy cửa hàng của hiệu quảng cáo xanh đỏ. Đường này rất dài. Trời vẫn rét lắm. Có đôi chút mưa bụi. Mưa bụi rất vớ vẩn, đậu vào đầu chẳng đậu, cứ nhè mặt nhè mắt mà đậu. Ướt và lạnh.

- Mưa xuân chẳng thấy đẹp để chút nào, - Một gã nói - bắn chết lên được. Sách toàn nói vớ nói vẩn.

- Bắn, nhưng vẫn đẹp. - Gã kia lau bầu - Sách vẫn đúng, chỉ nói thiếu thôi.

Gã nào cũng đeo trên vai cái túi vuông có quai, rất to, có vẻ rất nặng. Một gã hai tay cầm bốn quyển sách. Gã kia hai tay cầm ba đôi giấy. Đó là Bán sách và Bán giấy, trước đây ngồi ở một vỉa hè, bây giờ đi khắp mọi vỉa hè.

Cứ đi được một đoạn, Bán sách lại dừng lại thở hổn hển, nháy nháy mấy cái để xốc lại cái túi đeo trên vai. Còn Bán giấy thì đầu như con đà điểu, vươn ra



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

phía trước, tia ngang tia dọc.

Cứ lúc nào thấy Bán giấy phàm phàm đi thì Bán sách lại biết sắp đến nơi bán hàng, gã lại thở dốc cổ phàm phàm theo.

Quả nhiên như vậy, Bán giấy đã dừng lại ở đầu một con ngõ cắt con đường lớn. Ụch một cái, cái túi to dùng đã đặt xuống đất cạnh ba đôi giấy mẫu. Soẹt một cái, Bán giấy đã nhanh chóng trải tấm ny-lông ra hè, dù vỉa hè vẫn còn lép nhép. Rất chuyên nghiệp. Rồi nhanh chóng giúp Bán sách tháo bỏ cái túi nặng chiuu sau lưng, đặt bên cạnh. Rồi hai gã bày hàng.

Đầu tiên có một hai người đi đường dừng lại ngắm. Sau đó mấy cậu security đồng phục xúng xoảng, tức nhân viên trông xe và bảo vệ của mấy cửa hàng gần đấy xúm lại, và sau đó kéo theo cả mấy cô nhân viên bỏ cửa hàng ra xem, để kéo tiếp mấy người đi đường nữa.

Bán giấy, như mọi khi, thấy đám đông vòng quanh thì linh hoạt hẳn. Mồm gã liến thoắng, tay gã thoăn thoắt lôi giấy ra, cất giấy đi, cứ như làm xiếc. Thậm chí còn kịp lấy tay đẩy một người lui ra vì người kia suýt dẫm cả vào sách.

Còn Bán sách, cũng như mọi khi, để mặc người ta nhìn sách, còn mắt gã lại nhìn khách mua giấy.

- Đôi này bao nhiêu? - Một người đàn bà to béo nhặt một đôi bóng lộn lên ngắm nghía, hỏi băng quơ.

- Người khác triệu hai. Riêng bà chị chẵn triệu. - Bán giấy nói.

- Sao lại riêng tôi?

Bán giấy chẳng nói gì. Mồm hơi cười. Mặt hơi vênh.

- Sáu trăm? - Bà to béo mặc cả.

- Sờ một cái trứng ngay đôi "xịn" lại còn giả vờ. - Bán giấy thần nhiên.

Bà to béo bắt đầu cười. Và quảng ngay đôi giấy xuống trước mặt một thằng thanh niên to con đẹp trai đang ngồi xổm ngắm nghía cả đồng giấy mà không biết chọn đôi nào. Đấy, lấy đôi này, bà nói. Đôi này à? Thằng kia nói. Ừ, bà nói, chắc

chắn vừa chân mày. Thằng thanh niên to con đẹp trai cười sung sướng, sỏ chân vào giấy, đứng lên đi đi lại lại, vô cùng hãnh diện. Bán sách thoáng thấy Bán giấy bĩu môi.

Lấy đôi nữa cho bố mày, bà nói. Có đôi nào kha khá khác thì đưa ra đây, bà lại nói mà chẳng nhìn ai.

Bán giấy lại bĩu môi, nhưng vẫn nhanh chóng thò tay vào túi rút ra hai đôi, nhোảng một cái đã bỏ bao ny-lông ra, bày cả hai đôi trước mặt bà to béo. Bán giấy có vẻ sành tâm lý, bà to béo ưng ngay, nhặt lấy một đôi, miệng hỏi bao nhiêu. Chín trăm. Sao đắt thế? Bán giấy lại làm phép phù thủy, nhোảng cái nữa cất luôn hai đôi vào bao ny-lông, xoắn một cái buộc chặt miệng bao, và hấp, hai đôi giấy kia đã chui tọt ngay vào túi. Thôi đưa đôi nhỏ đây, bà to béo nói, cả hai bao nhiêu? Triệu chín. Tiền đây.

Bà to béo như mối lửa, hun nóng những cái đầu lạnh bên cạnh. Người đôi đôi này, người thử đôi kia, Bán giấy rần rần mặt phát giá nào bán giá ấy, miệng thần nhiên: giấy nào giá ấy, đôi này nói thật có hai trăm, còn đôi kia cả triệu. Đây bán hàng đúng đắn nhé!

Nhưng Bán giấy có vẻ không ham bán. Được dăm đôi, gã đã thu dọn hàng. Rồi còn giúp Bán sách thu dọn sách. Không biết sao mặt lại gườm gườm.

- Không bán nữa à? - Một người hỏi.

- Không bán. - Bán giấy nói về tức tối điều gì.

- Lại đi tiếp à? - Bán sách ngán ngẩm hỏi.

- Đi tiếp. - Bán giấy nói.

- Thì đi! - Bán sách tặc lưỡi.

Suốt mấy hôm ròng rã, Bán sách chả bán được cuốn sách nào. Chỉ lẻo đẻo theo Bán giấy như thằng học nghề. Chỉ dở sách ra, xếp sách vào. Gã chán. Chán lắm rồi. Nhưng vẫn đi. Ngồi một chỗ đã không bán được thì ngồi làm gì? Đi, cơ may vẫn còn. Dù ít.

Nhưng đi mà nhìn thấy tiền vào túi

Bán giấy thì cũng tức. Gã không tức Bán giấy, mà tức thiên hạ. Ngu thế, gã lẩm bẩm.

Thực ra, mình mới ngu, gã lại lẩm bẩm.

Hôm mới bắt đầu đi bán dạo, Bán giấy đã tử tế mang đến cho Bán sách mượn một cái túi đeo vai to nhưng trông còn mới và đẹp hơn cái gã để đựng giấy.

- Giấy thế nào cũng được, nhưng sách thì phải túi này. - Bán giấy giải thích.

Lắm sách quá, chọn sách nào mang đi bán dạo? Bán sách băn khoăn. Chọn những cuốn dạy làm người, dạy kinh doanh, bảo vệ sức khỏe, chuyện suốt mướt, Bán giấy nói. À, ờ, Bán sách gật gù, nghĩ bụng sao thằng này không đi bán sách?

- Ước gì có vài mụ béo nữa... - Bán giấy đi một lúc thì buột miệng.

Bán sách thở hồng hộc. Không đáp lời. Điều ước quá cũ! Quá nhàm!

Thực ra, trong đời gã đã ao ước khối thứ, nhưng chẳng được thứ gì. Duy có điều này thì cầu được ước thấy: thời bé, gã đã từng ao ước được đi du lịch khắp nơi, thì đấy, đang du lịch đấy thôi! Gã rất muốn kể cho Bán giấy nghe câu chuyện lý thú này, nhưng vừa đi vừa kể tốn hơi sức lắm. Hơn nữa, gã cũng không có khiếu kể chuyện. Cứ mở mồm là ấp úng. Và xưa nay, không hiểu sao, gã cứ mở mồm là y như có thằng khác chặn lại hoặc kể chuyện khác hay hơn, hấp dẫn hơn chuyện của gã, thế mới lạ. Cho nên, chuyện của gã cũng nhiều, nhưng toàn để trong bụng.

Đường phố Hà Nội ngày càng dài. Thành phố phát triển mãnh liệt, đầu đó người ta bảo thế. Nhưng càng dài đi càng mỗi chân.

Nhiều vô cùng biển hiệu xanh đỏ.

Vẫn đông nghịt người.

Đông, nhưng dường như vẫn rất vắng. Vì suốt dọc đường chẳng ai quan tâm đến hai gã đeo túi nặng chiuu tung vẩy những thứ muốn bán mà người ta chưa cần mua.

Hai gã bỏ con đường lớn, rẽ vào những con phố cổ. Vĩa hè ở đây chật hơn, khó bày sách bày giấy hơn. Cũng thử bày ở mấy điểm, nhưng đều bị dân tình đuổi quấy quấy. Đi chỗ khác cho người ta bán hàng! Ừ thì đi chỗ khác, làm gì mà nặng xị lên thế? Những lúc như vậy, chỉ có Bán giấy là có phản ứng. Còn Bán sách chỉ biết lẳng lặng xếp sách vào túi.

Lại đi.

Bây giờ trời đã về chiều. Lại mưa mới tức. Đã mưa thì mưa mẹ nó đi, đằng này lác rác như đám bụi đám vào mặt, lạnh buốt khó chịu.

Bỗng Bán giấy khùng khục cười, đầu ngoái hẳn sang một bên. Đi sau, Bán sách cũng vươn cổ hướng cái nhìn về phía Bán giấy đang nhìn. Một quầy bán hoa quả. Một ngọn đèn vàng vọt. Những quả táo đỏ, quả cam vàng, chùm nho tím sẫm, đại khái là đẹp. Một người đàn bà đang ngồi trên cái ghế đầu nhựa màu xanh. Hai bàn tay chị ta chấp vào lòng. Đầu bất động. Mặt bất động. Cái nhìn ra đường bất động. Chị ta như nhìn vào hư vô.

- Buồn cười nhỉ? - Bán giấy nói.

- Có cái gì khổ gì mà cười? - Bán sách cau.

- Ông kém tưởng tượng quá. Nhìn như ngỗng ị ấy. Phải biết cười, ông ạ.

Bán sách cau nhàu cái gì trong miệng. Nhưng Bán giấy khinh, vẫn cứ

MINH TRIẾT TRUYỀN THUYẾT MỖ CHÂU TRỌNG THỦY

DƯƠNG THUẦN

AN Dương Vương là nhân vật trong truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* - một câu chuyện cổ rất phổ biến ở nước Việt Nam ta. Nó không chỉ được kể trong dân gian mà còn được đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Thường mỗi khi giảng văn cho học trò, các thầy cô giáo bám rất sát vào sách hướng dẫn giảng dạy để nêu bật chủ đề cảnh giác với âm mưu xâm lược của thế lực ngoại bang.

Truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* kể về tình yêu trong trắng của một đôi trai gái là Trọng Thủy người phương Bắc và cô gái Mỗ Châu người nước Việt hay là kể về sự mất cảnh giác của An Dương Vương đối với mưu sâu kế hiểm của Triệu Đà. Câu chuyện viết về vấn đề của tình yêu hay là vấn đề của thế sự chính trị? Đối với tình yêu, tận cùng của nó là khao khát hoà hợp. Còn đối với chính trị, tận cùng của nó là khao khát tiêu diệt. Câu chuyện truyền thuyết này đụng đến cả hai vấn đề đó. Lâu nay có một số nhà nghiên cứu đã cố gắng đi sâu phân tích mâu thuẫn tình yêu của Mỗ Châu và Trọng Thủy với vận mệnh của nhà nước Âu Lạc mà người đứng đầu là vua cha An Dương Vương. Mặc dầu đã được phân tích giảng giải khá kỹ nhưng người nghe từ trước đến nay chưa bao giờ cảm thấy hài lòng.

Tìm hiểu truyền thuyết An Dương Vương nếu chỉ dừng lại trong ý nghĩa cảnh giác với âm mưu xâm lược của thế lực ngoại bang thì sẽ không thể hiểu nội dung thông điệp của câu chuyện trọn vẹn. Cách hiểu đó mới dừng ở tầng nghĩa ngoài vỏ của câu chuyện mà thôi. Bởi vì đối với một tác phẩm văn học dân gian như truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy*, tự trong tận cùng sâu thẳm của nó còn chứa đựng một yếu tố cực kỳ quan trọng mà người đọc không thể dễ dàng nhận ra được ngay. Vấn đề sâu xa nhất và cốt lõi nhất của truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* là vấn đề giữa An Dương Vương đối với những kẻ thức giả ngày xưa, nay có thể còn gọi là tầng lớp trí thức. Tầng lớp trí thức ở đây chính là con Rùa vàng. Khi nào mà An Dương Vương nghe Rùa Vàng thì sẽ chiến thắng và thành công trong mọi thứ. Còn khi nào mà An Dương Vương không nghe Rùa Vàng thì sẽ thất bại. Nghe Rùa Vàng thì đẹp được âm binh của quan quân vua Hùng đời trước là con gà trắng thành tinh, xây được thành cao hình xoáy tròn ốc, làm được nỏ thần bắn một phát giết chết hàng vạn tên... Nhưng khi mà An Dương Vương quên lời dặn của Rùa Vàng không sửa sang đức độ sinh thời ăn chơi thì bị con rể là Trọng Thủy ăn cắp



Đến Cổ Loa - Hà Nội

Ảnh: T.L

lấy nỏ, chủ quan khinh thường kẻ địch rồi dẫn đến mất thành, lâm vào cảnh nước mất nhà tan...

An Dương Vương trong lịch sử tên thật là Vương Thục Phán, ông là người Tày quê ở Cao Bằng. Ông đã thống nhất hai nước Âu Việt của người Tày và Lạc Việt của người Kinh thành một nước gọi là Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. Hiện nay ở ngoại thành Hà Nội vẫn còn dấu tích của Loa Thành ngày xưa. Mặc dù đó là chuyện của lịch sử nhưng nó lại liên quan đến truyền thuyết, muốn hiểu tận cùng các tầng nghĩa của truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* không thể không xét đến các yếu tố Tày được nói đến trong câu chuyện. Ở đây cụ thể là yếu tố con Rùa Vàng (Thần Kim Quy) - thức giả ưu tú nhất, tinh hoa nhất (elite nhất). Con rùa vàng chứ không phải rùa thường, có nghĩa thức giả ở đây là thức giả ưu tú, chứ không phải là những thức giả bình thường vốn số đông. Trong quan niệm của người Tày, rùa là con vật linh thiêng, thông minh và có trí tuệ nhất. Rùa được ví như là tầng lớp trí thức chân chính, là những thức giả của xã hội. An Dương Vương đã bao lần xây thành lên rồi lại bị đổ nhưng nhờ có Rùa Vàng đến bày kế cho liền xây xong. Giúp vua xây xong thành rồi, trước khi ra về Rùa Vàng còn tháo chiếc móng của mình đưa cho vua để làm lẫy nỏ. An Dương Vương làm theo, chiếc nỏ rất hiệu

nghiệm đó gọi là nỏ thần. Mấy lần giặc Triệu Đà kéo sang đều bị đánh tan...

Con rùa cũng được kể trong một số truyện cổ khác của người Tày, nó luôn thông tỏ mọi chuyện trời đất quỷ thần như chuyện *Chàng mỗ côi*, *Hươu và Rùa*... Ở chuyện *Chàng mỗ côi* trong một lần Pút Luồng (Ngọc Hoàng) mời tất cả muôn loài dưới hạ giới lên trời để gặp thì rùa đã biết trước mưu mô của Pút Luồng sẽ bỏ thuốc cảm cho hạ giới bị cảm hết để không còn ai nói xấu Pút Luồng được nữa. Bữa đó đang đi trên quảng dốc lên trời thì đụng một cây to đổ nằm chắn ngang đường. Các loài thú chân dài đều bước qua được, chỉ riêng mình rùa chân ngắn nên cứ lạch bạch mãi không thể bước qua. Thấy vậy con người liền giúp, nâng rùa bước sang. Rùa cảm kích trước tấm lòng của con người mới trả ơn bằng cách bảo cho con người biết hôm nay Pút Luồng sẽ bỏ thuốc cảm và dặn con người lên đến trên đó khi nào rùa bảo thì nói phải ngậm miệng lại. Quả thật khi tất cả muôn loài dưới hạ giới đã đến tập trung đông đủ Pút Luồng liền hạ lệnh bỏ thuốc cảm. Kể từ đó muôn loài ở hạ giới đều bị cảm. Rùa vì há miệng ra nói cho người biết nên bị thuốc bay vào miệng cũng bị cảm nốt. Chỉ riêng con người được rùa bảo rồi nên đã ngậm miệng từ trước không bị cảm. Khi trở về hạ giới rùa ân hận viết lên bụng mình mấy chữ "*Pút Luồng bỏ thuốc cảm*". Mấy chữ đó ngày nay vẫn còn thấy in trên ngực rùa. Hay là truyện *Hươu và Rùa* cũng vậy, nhờ trí thông minh sẵn có của mình nên trong cuộc thi chạy rùa đã thắng hươu...

Như vậy nếu đứng từ quan niệm của người Tày để lý giải truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* sẽ hợp lý và có sức thuyết phục hơn cách của một số người văn lý giải lâu nay. Chính vì do An Dương Vương không nghe lời khuyên của Rùa Vàng, cả tin vào việc cầu thần của Triệu Đà cho con trai là Trọng Thủy sang ở rể nên đã để mất cái lẫy nỏ thần rất linh nghiệm. Tất cả mọi vấn đề mấu chốt của câu chuyện chỉ xoay quanh chi tiết chiếc lẫy nỏ. Đó chính là điều tâm huyết nhất và cũng là tác lòng trung cao nhất của một thức giả đối với quốc gia. Bởi vì An Dương Vương không nghe lời Rùa Vàng, tức là không nghe lời của thức giả ưu tú Rùa Vàng cho nên đã bị thất bại thảm hại trước mưu kế sâu hiểm của Triệu Đà dẫn đến cảnh nước mất nhà tan. An Dương Vương để mất Loa Thành chạy ra bờ biển, tuốt gươm chém đầu con gái mình là Mỗ Châu, thảm kịch đau đớn đó do ông tự gây ra. Mỗi hận nước và hận nhà ấy của ông sẽ không bao giờ gột sạch.

Hàm ý của câu chuyện nhằm phê trách An Dương Vương nhưng cũng nhắc nhở chung cho tất cả những ai khi trị vì đất nước. Minh triết sâu sắc của truyền thuyết *Mỗ Châu Trọng Thủy* là ở chỗ khi người đứng đầu quốc gia xem nhẹ lời của những người thức giả chân chính, tức là xa rời những tinh hoa của trí tuệ của nhân dân thì lập tức sẽ chuốc lấy bại vong. *Mỗ Châu Trọng Thủy* là một truyền thuyết dân gian về thế sự và tình yêu hay vào bậc nhất, giá trị của nó luôn sáng ngời như ngọc.■

Ý KIẾN NGẮN

XUNG QUANH VIỆC SỬ DỤNG TỪ “LÓNG” TRÊN BÁO CHÍ DÀNH CHO GIỚI TRẺ HIỆN NAY

PHẠM THỊ THU HOÀI

TRONG cơ chế thị trường thời mở cửa, để thích nghi được với sự năng động của cuộc sống, tiếng Việt buộc phải mở rộng và phát triển vốn từ sẵn có. Đây là một xu hướng của ngôn ngữ nói chung. Tuy nhiên thực tế cho thấy, trong sinh hoạt thường nhật cũng như trên báo chí hiện nay đang có một dạng ngôn từ xuất hiện với mật độ khá dày đặc và phổ biến, đó là *tiếng lóng*.

Vốn chỉ là một "biệt ngữ" xã hội, tiếng lóng là một dạng ngôn ngữ hẹp được sử dụng trong một nhóm hay cộng đồng nào đó, sống "*kì sinh*" trong lòng ngôn ngữ toàn dân. Từ khi hình thành, tiếng lóng đã bị coi là "*lệch chuẩn*" không được khuyến khích phát triển. Nhưng hiện nay lối nói "*lóng hoá*" đang có cơ phát triển trong xã hội, hiện tượng này ngày càng có xu hướng phát triển mạnh, nhất là với giới trẻ ở các đô thị.

Không phải cho đến bây giờ, mà ngay từ đầu thế kỷ XX, tiếng lóng Việt Nam đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Đây có thể coi là một chủ đề lý thú, nóng bỏng, thu hút được sự tò mò của nhiều cây bút và đông đảo độc giả. Công trình đầu tiên phải kể đến là "Tiếng lóng Việt Nam" của J.N.Cheon, đăng trên tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ năm 1095. Sau 20 năm, khảo luận "Tiếng lóng Việt Nam ở Hà Nội" của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố cũng chính thức được công bố năm 1925... Trong thời gian qua, nhiều chuyên gia đầu ngành về Việt ngữ học cũng đã dồn nhiều tâm sức để nghiên cứu về vấn đề này. Song cho đến nay vẫn tồn tại nhiều ý kiến trái chiều xoay quanh cách nhìn nhận, đánh giá về hiện tượng ngôn ngữ phức tạp này.

Sự phát triển hiện tượng lóng là một quá trình biến đổi tự nhiên. Hiện nay trong giao tiếp giới trẻ thường ưa chuộng sử dụng các loại từ vựng (tính từ, động từ, danh từ...) mang ấn tượng mạnh, để tạo sự hài hước, hóm hỉnh. Những từ như "*cá chim*" (công an mất), "*ngheo*" (xe máy), "*máu khô*" (tiền dự trữ), "*bóc lịch*" (đi tù), "*sách ba*

xu" (loại sách có nội dung nghèo nàn rẻ tiền), "*ổ quỷ*" (nơi chứa gái mại dâm)... đã không còn xa lạ.

Giới trẻ hiện nay đang bước sang một thời kỳ mới, sự thay đổi của ngôn ngữ là một hệ quả tất yếu. Những từ, cụm từ, ký hiệu, mặt mã mang hàm ý "lóng" xuất hiện ngày một nhiều, nó phá vỡ rào cản kiên cố của ngôn ngữ chính thống, tự do hình thành và tự do biến mất. Hiện tượng lóng xuất hiện giúp cho ngôn ngữ hàng ngày trở nên sinh động hơn, giới trẻ duy trì sự giao tiếp một cách thường xuyên, liên tục. Không thể phủ nhận có một bộ phận không nhỏ tiếng lóng đã nhập vào ngôn ngữ chung, ít nhiều có giá trị tích cực. Sự hiểu biết và vận dụng linh hoạt tiếng lóng tạo nên sự phong phú trong vốn từ thể hiện ở cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Trong xu hướng dân chủ hoá mọi hoạt động sáng tạo văn chương nghệ thuật, tiếng lóng ngày càng có vị trí và vai trò quan trọng cần được quan tâm. Ngoài ngôn ngữ của giới trẻ, tiếng lóng đang xâm nhập nhiều vào tầng lớp doanh nhân, trí thức... cho dù cộng đồng sử dụng nó có muốn hay không muốn. GS. Đinh Văn Đức bình luận "*Nó giúp ngôn ngữ phong phú hơn và phục vụ nhu cầu cuộc sống tốt hơn. Đặc biệt nước ta sau đổi mới, đời sống xã hội thay đổi nhiều và phát triển nhanh và nhiều kể cả vốn từ, lối nói, phong cách giao tiếp*". Tuy nhiên thực tế nào cũng có hai mặt, mặt trái của hiện tượng này là tính tự phát và không có kiểm soát, gây nên sự bức xúc trong xã hội. Từ thực tế đó, thông tin đại chúng nói chung và báo chí nói riêng cần có sự bản bạch, can thiệp, giúp giới trẻ ý thức và tự điều chỉnh theo hướng tích cực.

Thực tế cho thấy ngôn ngữ trên một số tờ báo hiện nay đang có hiện tượng rơi vào sự khủng hoảng. Nhận định khách quan, chuẩn ngôn ngữ trên báo chí bao gồm hai nội dung cơ bản là *cái đúng* và *sự thích hợp*. Cái đúng là cái được cộng đồng ngôn ngữ hiểu và chấp

nhận. Từ đây có thể hiểu cái sai là cái mà người tiếp nhận không hiểu, không chấp nhận bởi nó không phù hợp với chuẩn mực chung. Thế nhưng điều bất thường là các nhà báo trẻ hiện nay khá ưa dùng cách nói "*lệch chuẩn*" và bình thản sử dụng tạo nên phong cách của riêng mình. Hiện tượng phổ biến là trong văn phong của các nhà báo trẻ thường biến cái sai thành thói quen có hệ thống, từ thói quen dần dần nghiêm nhiên coi nó là cái đúng...

Tiếng lóng có một đời sống vô cùng sôi động. Khó có thể thống kê chính xác mỗi ngày một người sử dụng trung bình bao nhiêu tiếng lóng, cũng như tần suất nó góp mặt trên một số báo. Ước tính mỗi ngày có thêm 5 từ hoặc cụm từ lóng được sinh ra để đáp ứng nhu cầu giao tiếp. Nhưng phải thừa nhận rằng ngoài lý do giữ bí mật nội dung giao tiếp, tiếng lóng còn có khả năng nói tránh đi những từ ý nhị, bởi thế mà nó giàu sắc thái biểu cảm hơn so với những từ nguyên nghĩa, việc tìm hiểu trở nên lý thú và không rơi vào trạng thái nhàm chán. Chính bởi ngôn từ phong phú, cách truyền tải nội dung linh hoạt, tinh tế như vậy mà tiếng lóng ngày càng được đông đảo tầng lớp trong xã hội sử dụng; và hiện tượng lóng được đưa vào báo chí như một phương tiện tu từ phản ánh chân thực tinh cách nhân vật và hiện thực đời sống.

Tìm hiểu hiện tượng lóng trên văn bản báo chí, chúng ta sẽ nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề có ý nghĩa lý luận đã được G.V.Pospelov khái quát: "Do bản chất của nghệ thuật ngôn từ, chẳng những bất cứ loại lời nói thô tục nào mà ngay cả những dạng lời nói mang tính khuynh hướng xã hội cũng có thể được phép đi vào lời văn nghệ thuật. Vấn đề đặt ra với những người cầm bút là "phải thể hiện một cách mực thước phù hợp trong sáng tác, phải thể hiện một cái cảm giác về mức độ trong việc vận dụng phương ngữ xã hội và thổ ngữ các vùng trong văn bản của mình".■



Nguyễn Đông Thức sinh ngày 18-10-1951 tại Quảng Ngãi. Tác phẩm đã xuất bản: Ngọc trong đá, Trăm sông về biển, Vĩnh biệt mùa hè, Ngôi sao cô đơn, Như núi như mây (tiểu thuyết), Mưa khuya, Tình yêu thường không dễ hiểu, Mỗi tình đầu tiên và cuối cùng, Chuyện tình tự kể, Tiên bay về trời, Đời (tập truyện ngắn)..., cùng một số kịch bản sân khấu, điện ảnh. Từng nhận giải thưởng văn học của Hội Nhà văn TP.HCM, tạp chí Văn nghệ Quân Đội, báo Sài Gòn Giải Phóng...



NIỀM YÊU THÍCH KHÔNG NGỪNG

LÊ MINH QUỐC

Có ai khó tính như "lão" ấy không? Ai đời, ngay cả lúc nhậu dù với bạn bè "văn nghệ", người nào cũng có thể bốc phét một tác đến trời, "nổ" bọt mồm như một cách xả "xi trét", thì lão vẫn ngồi uống tí ti, điềm nhiên như không. Đang ngồi nhậu, nếu tình cờ có người lạ đến ngồi "ké" góp vui, thì trăm lẩn như một, chỉ một loáng sau thấy không hợp là lão kiếm có chuẩn mất! Đã thế, được mời đi nhậu, lão luôn hỏi sẽ ngồi chung với ai, bao nhiêu người, quán nào, v.v... và v.v... Cự nự với lão về chuyện khó tính khó nết này, lão cười: "Đã nhậu là phải vui, xả căng, khỏi cảnh giác. Khác zô, không uống được". Nghe đến phát mệt. Riết rồi anh em cũng quen. Đã quen rồi, đi nhậu với lão cũng có cái vui là lão không gây sự với ai, không nói xấu ai, tâm sự vui ra phết và thính thoảng cũng... "bốc" lên ca hát ầm ỉ! Nghe tôi nói thế, nhà báo Nguyễn Thế Truật - phó Giám đốc Nxb Trẻ - bảo: "Tay đó ít nói, nhưng nói như cóc cắn!". Thành ngữ này, ta có thể hiểu như thế nào? Thời thì tạm hiểu nôm na, trong dân gian kháo nhau, nếu bị "cốc cắn", chỉ có đến lúc... trời gầm thì nó mới nhả ra thôi! Còn thì vô phương cứu chữa! Ghê chưa?

Có thể nói, thế hệ văn chương phía Nam trưởng thành sau năm 1975, cô Nguyễn Đông Thức là "con nhà nòi". Cha là nhà báo Nguyễn Đức Huy, từng làm chủ bút và cộng tác với các báo như *Sài Thành*, *Sài Gòn Mới*..., khi làm thơ ký bút danh Hồng Tiều (em ruột của nhà thơ Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận). Mẹ là nhà văn nổi tiếng - Bà Tùng Long, ngoài vài chục tập tiểu thuyết tâm lý xã hội được phụ nữ miền Nam một thời "gối đầu giường", bà còn được ghi nhận là người tiên phong mở mục "Gỡ rối tơ lòng" trên nhiều tờ báo như *Sài Gòn Mới*, *Tiếng vang*, *Phụ nữ Ngày mai*, *Phụ nữ Diễn đàn* (tương tự chị Thanh Tâm trên báo *Phụ Nữ Việt Nam* ở ngoài Bắc, chị Hạnh Dung trên báo *Phụ Nữ TP.HCM*).

Còn đường vào văn chương của Nguyễn Đông Thức không vì thế mà thuận lợi hơn người khác, chỉ thuận lợi chăng là cái "năng khiếu" đã ngấm vào máu thịt từ thuở bé và nhất là ý thức về nghề. Anh nói: "Mẹ tôi quý trọng tất cả những người viết, nhưng thật ngược đời, lại hằng khuyên tất cả anh chị em chúng tôi là hãy chọn nghề khác, đừng theo nghiệp viết văn - làm báo. Trường văn trận bút là một nghề hư danh, bạc bẽo, lạnh ít dữ nhiều. Năm 1977, khi tôi từ TNXP chuyển về làm báo *Tuổi trẻ*, mẹ tôi chỉ thổ dài, rồi sau đó lại đổi buồn làm vui, khuyên tôi những điều cần làm và cần tránh trong nghề báo, trong đó quan trọng nhất là câu "làm báo là để giúp người". Nghe lời mẹ, tôi làm báo đến nay hơn ba mươi năm, hầu như không phạm sai lầm nào đáng kể". Trong thời gian làm báo *Tuổi trẻ*, khi bùng lên cuộc chiến tranh Tây Nam, anh lại xung phong đi bộ đội. Nay, anh phụ trách Tủ sách Tuổi trẻ, và cùng với anh Đoàn Thạch Biền "chủ xị" tập san *Áo Trắng*, tự nguyện làm "bà đỡ" cho các cây bút trẻ.

Với Nguyễn Đông Thức, đến nay trong trí nhớ của bạn đọc vẫn còn cuốn tiểu thuyết đầu tay *Ngọc trong đá*. Thời đó đã in vài chục ngàn bản và sau này còn tái bản nhiều lần. Có thể ghi nhận, những năm tháng "chinh chiến" trong TNXP đã tạo nên những chất liệu rất thật, rất đời để anh hoàn thành một "trường ca" về thế hệ mình. (Sau đó, tiểu thuyết này đã được đạo diễn Cảnh Đôn dựng thành phim, phát hiện một Việt Trinh từ đó tỏa sáng). Anh nói: "TNXP đã quyết định sự nghiệp viết văn của tôi. Nếu không đi TNXP, tôi không đủ cảm xúc để vào nghề viết". Còn những ngày tháng trong bộ đội, tại Mặt trận 779, anh đã viết truyện ngắn *Người chân vịt*, được tạp chí *Văn nghệ Quân đội* trao giải thưởng "Truyện ngắn hay năm 1980". Trong đơn vị không ai hay biết tin vui này, mãi đến khi Tổng cục Chính trị gửi giấy mời anh đi dự trại viết văn quân đội thì đồng đội... bật ngửa! Họ mới biết rằng anh hạ sĩ Nguyễn Đức Thông lắm lì, ít nói ấy tức là nhà văn Nguyễn Đông Thức, người đã viết khá nhiều truyện ngắn về đời sống anh em trong quân ngũ (trong số đó tôi vẫn nhớ mãi *Một bông hồng*

cho anh bộ đội và *Truyện rất khó viết*!).

Kịch bản phim của anh khá "mát tay", chính vì thế sau *Ngọc trong đá*, một loạt tiểu thuyết của anh như *Vĩnh biệt mùa hè*, *Ngôi sao cô đơn*, *Hoa Quỳnh nở muộn*... đã được chuyển thể sang điện ảnh. Những tên tuổi diễn viên như Việt Trinh, Lê Công Tuấn Anh, Lê Tuấn Anh, Phương Thảo, Thu Hà... đều có mặt trong những bộ phim này. Không những thế, truyện ngắn của anh cũng được nhiều đạo diễn sân khấu hăm hở đưa lên sân diễn, tất cả đều do anh tự viết kịch bản. Công chúng vẫn chưa quên những tình tiết bi hài trong *Vàng ơi là vàng*, *Hoa hậu trăm năm*, *Cuộc phiêu lưu của những bức thư tình*... đã diễn ở sân khấu Nhà hát Hoá bình, Kịch Sài Gòn, Nhà hát kịch TP.HCM, Nụ cười mới...

Đồng nghiệp cùng thế hệ với anh là nhà văn Nguyễn Nhật Ánh bảo: "Thế mạnh của Nguyễn Đông Thức là biết chất lọc thời sự, chọn lấy chi tiết đắt giá để dựng nên hỗn vĩa của cốt truyện". Nói cách khác, tôi muốn gọi anh là "nhà văn thế sự". Anh biết thụ nhậ, ghi nhận những sự việc đã từng xảy ra trong đời thường, để "biến hóa" thành truyện ngắn. Tinh tiết ấy, nhân vật ấy là của đời sống bụi bặm này, của thời đại này, chứ không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng viễn vông xa vời. Ngay cả lời ăn tiếng nói của giới trẻ thời @ cũng "du nhập" vào trang viết của anh ngọt xớt. Ấy là do vai trò của một nhà báo đã giúp anh có cơ hội nhạy nhạn "lời ăn tiếng nói" và "xử lý" hợp lý trong văn chương.

Khi nhà văn đứng trước những sự kiện ngồn ngộn của đời sống hôm nay, nếu biết chắt lọc những chi tiết đắt giá nhất để đưa vào tác phẩm, thì đó cũng là bản lĩnh của một cây bút có nghề. Dù rằng, trong trăm truyện ngắn của anh, ta có thể thấy được những chi tiết đời lúc tàn nhẫn quá, thì điều làm dịu lòng người đọc vẫn là cái nhìn nhân văn của anh với đời sống này. Những truyện ngắn *Lọ lem chờ anh*, *Người đàn ông bí mật*, *Tiên bay về trời*... bằng bậc ở đó một tấm lòng nhân ái, khiến ta có cảm giác như trên đường đời mỗi một ngày ta vẫn còn gặp sự dịu dàng của tình người đến ấm lòng...

Có thể nói, khi viết văn, Nguyễn Đông Thức luôn ý thức đến chất liệu đời sống trong từng chi tiết. Đọc tiểu thuyết *Như núi như mây*, mới cảm nhận hết "kỳ công" của một nhà văn. Chỉ riêng chi tiết, khắc họa nhân vật vượt biên sau năm 1975, anh đã vẽ tận cửa Tranh Đề để vẽ lại "hành trình" gian nan đó, nhờ vậy khi viết lại chuyện này anh đã "thuộc" vanh vách từng đường đi nước bước, cứ như "người trong cuộc"; thậm chí khi nhân vật này đã định cư ở Mỹ, anh cũng chớ có chuyển "đi thực tế" rồi mới quay về... viết tiếp! Gần đây nhất, trên tập san *Áo Trắng* ta thấy có một "Nhắn tin": "Nhà văn Nguyễn Đông Thức cần tiếp xúc với các anh chị từng học Đại học Sư phạm Sài Gòn (khoa Anh văn) từ niên khóa 1973, để tham khảo thông tin viết tiểu thuyết. Anh chị nào vui lòng giúp đỡ xin điện thoại 0903811411 hoặc email dongthuc@tuoitre.com.vn. Xin cảm ơn!". Hồi, đang viết gì? Anh chỉ cười cười... bí mật!

Viết nhiều như thế, nhà văn Nguyễn Đông Thức có... giàu không? Đời lẩn mạp muối hời chơi chơi thế, anh trả lời khá nghiêm túc: "Trước năm 1975, mẹ tôi, Bà Tùng Long chỉ sống bằng nghề văn mà vẫn "nuôi đủ chín con với một chồng"! Số lượng tác phẩm dù chỉ in chừng 5.000 đến 10.000 bản nhưng lại là một nguồn thu nhập cao, ổn định, nếu không muốn nói là dư dả. Để cải thiện tình hình nhuận bút sách văn học hiện nay, theo tôi, báo chí có vai trò hỗ trợ rất lớn. Đó là cho xuất hiện các feuilleton đăng nhiều kỳ trên mặt báo. Điều này có hai cái lợi, nhà văn nhận được nhuận bút rất đáng kể trước khi in thành sách. Mà nhuận bút này cao gấp nhiều lần trong tình hình xuất bản hiện nay. Hơn nữa, qua đó nhà văn sống với nghề ngày một chuyên nghiệp hơn, ý thức về nghề rõ nét hơn...". Ý kiến này khiến chúng ta phải suy nghĩ, bởi trong cơ chế xuất bản hiện nay từ cách phát hành đến nhuận bút vẫn chưa phải nhà văn nào cũng có

thể sống một cách "hoành tráng" với nghề.

Nếu một ngày nào đó, ở chỗ đông đảo các nhà văn, bạn thấy một người đàn ông khoảng gần sáu mươi xuân xanh có gương mặt cương nghị, mái tóc nhiều muối ít tiêu, nói chuyện với ai thì nhìn thẳng vào mắt người đối diện, chân đi hơi "cà niêng", thì dứt khoát đó là... Nguyễn Đông Thức. Ít ai biết, do bị bệnh khớp rất nặng, trong vòng mười ba năm qua anh đã có... bốn cuộc phẫu thuật mà thoát nghe qua ta đã "choáng", vì mỗi cuộc không dưới hai tiếng rưỡi đồng hồ! Riêng năm 2008 đã có hai cuộc, cách nhau chỉ sáu tháng. Đau đến tận xương, buốt tận óc! Nhắc lại chuyện này, anh trầm ngâm: "Khi đã ở tuổi "tri thiên mệnh" mà lại mấy lần nằm ở phòng hồi sức bệnh viện, trong vài ngày đêm chứng kiến vài chục cảnh bệnh tật đau đớn và khoảng chục trường hợp chết trên giường bệnh, khiến tôi thay đổi tính nết. Khó tính với ai để làm gì? Thay đổi tính tình ít nhiều cũng thay đổi văn chương. Tôi thích viết những truyện nhỏ hơn, bình thường hơn về đời sống chung quanh, hơn là nhìn cuộc đời một cách phức tạp hoá hoặc "đao to búa lớn" đầy triết lý mệt mỏi".

Mà trong cái rủi luôn có cái may. Nhờ "tình duyên" trong bệnh viện lúc nằm chờ phẫu thuật, không ai... réo đi nhậu, anh đã hoàn thành tập truyện ngắn *Đời*! Với tập truyện này, nhà văn Đoàn Thạch Biền nhận xét: "Đã có nhà văn định nghĩa truyện ngắn hay là truyện không thể kéo dài thêm và cũng không thể cắt bớt đi. Nguyễn Đông Thức đã viết được những truyện như vậy và truyện của ông luôn bắt ngờ ở đoạn kết...".

Đời được xuất bản năm 2008, tái bản năm 2009, gây động lực cho Nguyễn Đông Thức viết tiếp *Đời 2 & Chuyện không quên* (vừa được Nxb Trẻ ấn hành tháng 8-2010), gồm 12 truyện ngắn cũng với tựa là một từ như trong tập trước, và phần hai là những chuyện không quên trong đời anh. Là những hoài ức, những cuộc gặp gỡ với đam mê văn nghệ sĩ sau hơn ba mươi năm trong nghề phóng viên văn hóa nghệ thuật, nhưng đọc rất thú vị. Đặc biệt hai bài viết sau cùng về thấy mẹ, rất xúc động, cho thấy ảnh hưởng lớn của cha mẹ trên cuộc sống của anh.

Xem ra sức viết của nhà văn Nguyễn Đông Thức khá dồi dào, năng lượng còn "vượng" lắm. Bằng chứng là trong vòng mười năm trở lại đây, anh vẫn tiếp tục viết kịch bản phim *Cổ tích Việt Nam* - mà số lượng đã lên đến gần 30 tập! Đó là chưa kể hiện nay anh đang bắt tay vào viết một tiểu thuyết mới, dự định sẽ cho ra mắt vào 2011...■

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài: "Trần Ninh Hồ từ văn đến thơ và..." của Nguyễn Đức Huệ, in trang 9, Tuần báo Văn nghệ số 49 (4-12-2010), cần sửa:

- (Đoạn gần cuối cột 2):
- In sai: "Một con đường khuất trong sáng Một vầng trăng sớm còn vương ánh ngày".
Chữ "sáng", nay sửa đúng là chữ "sương".
- In sai: "... Gần như cùng lúc với cuộc thi thơ mô Phạm Tiến Quật đoạt giải Nhất".
Chữ Quật nay sửa đúng là *Duật*. Chữ mô nay sửa đúng là *mà*.
- (Đoạn gần cuối cột 4):
- In sai: "Tuyệt không rời ngoài trời đất"
Chữ *Tuyệt* nay sửa đúng là *Tuyết*.
- In sai: "Giật mình quen thói đèn khuya Chợt buồn ai thức mà chưa với mình".
Sự in sai này đã thô tục hóa câu thơ. Chữ *Giật*, nay sửa đúng là *Giận*. Chữ *chưa* nay sửa đúng là *chia*.
Văn nghệ xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

VĂN CHƯƠNG BÌNH DỊ VÀ THIÊNG LIÊNG

ĐINH QUANG TỐN

1. VIỆC THƯỜNG LÀM TỐT HÓA THIÊNG LIÊNG

Tìm hiểu Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi thấy quan niệm về văn chương nghệ thuật của Người khá cởi mở. Ngoài việc nhấn mạnh tính chiến đấu vì nhiệm vụ chính trị: *Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong* và *Văn học nghệ thuật là một mặt trận, các văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy*, thì Bác cũng coi văn chương nghệ thuật là một việc bình thường trong cuộc sống. Sau hòa bình ở miền Bắc, Bác có lên thăm lại tỉnh Cao Bằng, cùng mọi người đến Pác Bó. Bác bảo mọi người làm thơ, rồi mời đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đọc trước. Khi đồng chí Bí thư Tỉnh ủy nói: "Thưa Bác, cháu không biết làm thơ ạ" thì Bác cười vui: "Chú làm Bí thư Tỉnh ủy mà không biết làm thơ là không được". Khi còn nằm trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch, Người cũng có câu thơ đùa cợt: *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*. Rồi khi là Tổng chỉ huy của cuộc chống Mỹ cứu nước gian khổ và ác liệt, ta vẫn thấy nụ cười ấy ở thơ Người: *Đã lâu không làm bài thơ nào/ Nay lại thử làm xem ra sao/ Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy...* Bình thường thế thôi, chứ Người không bao giờ quá đề cao văn chương nghệ thuật, dấu mình là một nhà thơ. Bởi văn chương nghệ thuật cũng chỉ là một phần của cuộc sống, chứ không phải nằm ở bên trên cuộc sống.

Trong lịch sử văn chương các nhà thơ có ở mọi tầng lớp, mọi nghề nghiệp. Có những ông vua làm thơ như Lê Thánh Tông, Tự Đức. Những ông quan làm thơ như Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến... Các nhà giáo, thầy thuốc làm thơ như Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Hữu Trác, Nguyễn Đình Chiểu... Những người dân thường làm thơ như Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Hàn Mặc Tử, Bùi Giáng... Trong đám bảy nhà thơ lớn của dân tộc mà nhà thơ Xuân Diệu ca ngợi và để tâm nghiên cứu công phu thì có hai thi nhân là dân thường: Hồ Xuân Hương và Tú Xương. Thế mới biết, văn chương nghệ thuật có ngai vàng riêng, ngai ở trên ấy có thể là vua mà cũng có thể là phó thường dân. Nhưng họ lên ngai là do mọi người tôn lên, do lịch sử khẳng định, chứ đương thời họ cũng sống bình thường, làm thơ chỉ là một việc tự nhiên trong cuộc sống. Dẫu họ cũng có ý thức về tài năng và phẩm chất của mình: *Khéo khéo đi đâu lữ gấm ngơ/ Lại đây cho chị dạy làm thơ* (Hồ Xuân Hương), và *Văn chương đâu phải là đơn thuốc/ Chờ có khuyên sàng chết bổ bu* (Tú Xương). Có thể vì điều này mà một số người làm thơ viết văn ít tài thường ảo tưởng về mình, tưởng rằng cứ làm thơ viết văn là được tôn vinh. Họ không biết, tưởng đùa thế thôi chứ lịch sử rất nghiêm khắc, nghiệt ngã: Chỉ có kim cương, vàng ngọc mới ở lại, còn đồng, chì, sắt, kẽm các loại đều bị ô xy hóa hết. Chẳng bằng cứ sống bình thường, thơ văn đến thì viết ra, hay dở để cho đời định giá, chứ đừng lớn tiếng tuyên ngôn.

Vâng, hãy coi sáng tạo văn chương là một việc bình thường cho cuộc đời thêm vui, thêm đẹp. Trong số những bạn thơ của tôi, có những người là giáo sư - tiến

sĩ, có những người là thợ cày. Tôi không đánh giá thơ họ theo danh vị hay nghề nghiệp. Mà thường xem thơ từ hồn họ phát ra hay là thơ sáng tác. Thơ phát ra từ hồn với thơ sáng tác khác nhau nhiều lắm.

2. TỰ BIẾT

Ở đời, đạt đến độ *tự biết* rất khó. Nhưng *tự biết* quan trọng vô cùng, nên từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim tôi đều thấy *tự biết* được đề cập đến. Từ xưa ở phương Đông các nhà Nho đều truyền tụng lời của Mạnh Tử: *Biết thì bảo là biết, không biết thì nói không biết, thế mới là biết*. Ở một vùng của nước Nga có lời truyền trong dân gian khuyên mọi người phải *tự biết*: *Hai mươi tuổi không có sức khỏe thì không có sức khỏe nữa, ba mươi tuổi không có tài thì không có tài nữa, bốn mươi tuổi không có tiền thì không có tiền nữa*. Ở Việt Nam, mọi người hay nói đến *Ngũ thập tri thiên mệnh*. Trong khi *Nhân sinh thất thập cổ lai hy* (người thọ bảy mươi xưa nay hiếm) mà năm mươi tuổi mới *tự biết* được mình thì đủ thấy *tự biết* khó thế nào.

Nhưng theo tôi, người Việt Nam ta có truyền thống *tự biết*. Không *tự biết* thì làm sao một đất nước đất không rộng người không đông có thể tồn tại được? Sự mềm dẻo của ông cha ta trong truyền thống ngoại giao với các nước là sự *tự biết* cao. Biết bao dân tộc không *tự biết* đã phải trả giá đắt, thậm chí đã bị xóa sổ. Truyền thống này đã được nói đến trong thơ. Tư thế dân tộc Việt Nam trong cuộc chống Mỹ cứu nước được nhà thơ Tố Hữu nói đến một cách đầy kiêu hãnh *Vươn lên cao và tự biết vô cùng*. Nhà thơ Đặng Huy Giang trong một đề tài khiêm tốn hơn khi nói về loài rùa, tất nhiên là để nói về người, đã phát hiện ra một đặc tính của rùa *tự biết mình là ai*. Thâm sâu hơn cả, *tự biết* đã được nghiền ngẫm như là một đường lối chiến lược khi nhà thơ Hồ Chí Minh còn đang phải ở hoàn cảnh hiểm nguy trong nhà tù: *Lỡ nước hai xe đánh bỏ phí/ Gặp thời một tốt cũng thành công*.

Nhưng quan sát kỹ thì tôi thấy giới văn nghệ sĩ trong đó có các nhà thơ nhà văn tiếp thu truyền thống *tự biết* của dân tộc có hơi lơ là một chút. Có thể là do đặc điểm của những người sáng tạo cứ phải hơi thái quá. Những phát minh, sáng tạo mà ở trong khuôn phép thì vô cùng hạn chế. Nhưng những người cao cường thì

biết thả hồn khi sáng tạo và cũng biết được đỉnh để dừng lại. Nghĩa là cũng *tự biết*. Nhà văn Kim Lân thể hiện khi *tự dừng* sáng tác, và câu thơ mà nhà thơ Chế Lan Viên *tự răn* mình khi đã ngoài năm mươi tuổi: *Tuổi đã ngoài năm mươi/ Mong gì hương sắc lạ*, là thể hiện các ông rất *tự biết* mình. Nhưng những nhà văn không *tự biết* mình vẫn nhiều hơn. Bệnh vĩ cuồng là thể hiện người viết hoàn toàn không *tự biết*. Căn bệnh này không chỉ ở những người viết trẻ. Sự háo danh thì đâu phải chỉ ở những người trẻ. Rất nhiều người trẻ *tự biết* mình, và cũng không ít người đã *ngũ thập* mà vẫn không *tri thiên mệnh*.

Do không *tự biết*, có người viết vừa được một vài tờ báo không chuyên về văn chương đăng cho mấy bài thơ. Thế là đi đâu cũng *tự hào* mình là nhà thơ, và lục lọi lời hết những bài thơ mình đã viết ra in thành mấy tập. Đặc biệt, những người sáng tác có chức có quyền thì cái *bầy* hư danh càng khó tránh. Thủ trưởng hỏi cấp dưới: "Thơ tố có hay không?" thì tôi dám chắc nếu cơ quan có mười người thì sẽ có ít nhất bảy tám người khen hay, và không ai chê là dở. Nhất là thời cơ chế thị trường này, chân lý thì bao giờ cũng có, nhưng người bảo vệ chân lý nghe chừng đã thưa vắng dần. Vì vậy, *tự biết* phải là người có bản lĩnh rất cao.

Trong chiến tranh, làm tướng cầm quân mà không *tự biết* thì sẽ bị tiêu diệt. Trong thương trường, giám đốc doanh nghiệp không *tự biết* thì doanh nghiệp sẽ bị phá sản. Còn người làm thơ, viết văn mà không *tự biết* thì sẽ thành trò cười cho thiên hạ. Số lượng thơ văn được xuất bản tràn lan những năm gần đây đang báo động về sự không *tự biết* của nhiều người viết văn làm thơ. Một số người viết thực sự đang chơi *trò chơi vô tâm tích*. Nên những người viết chân chính thì chân thành khuyên nhau phải *tự biết* mình. Ông cha ta từ xưa đã khuyên nhau rất sâu sắc: *Biết mười nói một, không biết thì dựa cột mà nghe*. Mong sao, những người không được trời trao nhiệm vụ viết thơ văn thì đừng viết nữa, còn những người được trời trao cho sứ mạng này thì hãy biết *mười viết một*, để chỉ có tác phẩm hay ra đời. Bởi sản phẩm tinh thần khác sản phẩm vật chất. Sản phẩm vật chất có thể nuôi sống con người bằng số lượng. Còn đời sống tinh thần của con người thì chỉ có thể nuôi sống bằng tác phẩm có chất lượng mà thôi.

3. MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ...

Cuộc đời này thật đẹp. Càng những người biết sống vì nó thì càng yêu, càng quý thời gian được sống làm người. Và càng yêu cuộc đời này, người ta càng luyến tiếc khi phải chia tay nó. Dĩ nhiên ai cũng mong được trở lại dưới một hình thức nào đó. Nàng Kiều đã nói với em: *Mai sau dù có bao giờ/ Đốt lò hương ấy so tơ phím này/ Trông ra ngọn cỏ là cây/ Thấy hiu hiu gió thì hay chị về...* Cụ Nguyễn Du còn trực tiếp nói về khát vọng ấy: *Không biết ba trăm năm lẻ nữa/ Người đời ai khóc Tố Như chăng?* Thi sĩ Chế Lan Viên tin tưởng mình sẽ trở về với cuộc đời theo quy luật *như ngọn cỏ tàn đến tiết lại trời lên...* Đó là những mong ước tốt đẹp. Và vì những mong ước ấy sẽ giúp người ta sống đẹp hơn vì cuộc đời này mà cống hiến, mong muốn để lại tiếng thơm, bóng hình của mình cho hậu thế!

Các nhà văn, nhà thơ ngoài việc viết như một sự giải tỏa, gửi gắm tư tưởng tình cảm của mình đến mọi người đương thời thì trong thâm sâu vẫn có một chút hy vọng điều mình gửi gắm có thể còn được đến mai sau. Tức là còn để lại một chút gì đấy cho đời. Vì thế, một số nhà thơ nhà văn khi đã thành danh muốn được in tuyển tập. Hoặc khi một nhà thơ nhà văn nào đó qua đời thì gia đình, người thân và bạn bè muốn sưu tầm in toàn tập cho họ. Đó là một ý nghĩ tích cực.

Nhưng sự lưu giữ bằng giấy hoặc bằng đĩa mềm thời hiện đại thực ra cũng không có mấy ý nghĩa đối với một tác phẩm văn chương. Bởi vì thời gian khắc nghiệt vô cùng *Trăm năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*. Chỉ có những gì đi vào tâm trí của mọi người thì nó mới có thể lưu giữ được từ đời này qua đời khác. Tôi tâm đắc với hành động và câu nói của đức vua Samin khi cổ người hỏi vì sao bệ hạ ném thơ của một nhà thơ xuống sông: *Những bài thơ chán chính không thể nào ném xuống sông được, chúng sống trong lòng mọi người. Còn nếu bài thơ nào chỉ có giá trị ngang với tờ giấy ghi lại nó cũng đáng ném xuống sông. Anh ta nên làm một việc gì khác có ích hơn là làm ra những bài thơ nhạt nhẽo mà dòng sông có thể cuốn đi được...* Nhưng than ôi, viết được một câu thơ, một dòng văn mà dòng sông không thể cuốn đi được thật khó vô cùng. Tất nhiên đó phải là *máu chữ*, phải là những điều phát ra từ hồn. Mà đâu phải cứ những điều viết ra bằng máu, phát từ hồn đã có thể tồn tại? Phải là máu nào, hồn nào thì dòng sông mới không thể cuốn đi được?

Vì sao những câu tục ngữ ca dao, những truyện cổ dân gian ra đời không được ghi lại bằng chữ mà vẫn truyền đời này qua đời khác? Có lẽ điều đầu tiên là nó cần cho mọi người, nó thiết thực đối với cuộc sống của mọi người: *Câu thơ ư? Đó là một cách truyền lửa qua muôn đời*. Điều tiếp theo là nó phải có một hình thức tuyệt vời, tức là nó phải đẹp. Hình thức đẹp không đồng nghĩa với ngắn gọn và dễ thuộc. Những truyện cổ cũng nhiều truyện dài lắm, rất nhiều chi tiết, nhưng nó đã dệt nên những hình tượng đẹp. Lối kể có thể khác nhau nhưng vẫn toát lên những hình tượng lộng lẫy. Hình tượng nghệ thuật đẹp cũng giống như kim cương, tỏa sáng và bền chắc. Dẫu là tiểu thuyết nghìn trang thì nó cũng phải xây dựng được những hình tượng đi vào tâm trí mọi người, chứ không phải là núi chữ.

Quy luật của đời sống, quy luật của văn chương thì thời cổ cũng như thời kim không bao giờ có sự dễ dãi. Cuộc sống càng phát triển thì yêu cầu lại càng cao, đặc biệt là yêu cầu thưởng thức văn chương nghệ thuật. Chỉ có kim cương mới tồn tại. Kim cương của văn chương chính là ngọc của máu, ngọc của hồn. Không thể nào khác được.■



Hội thảo thân thể sự nghiệp Cao Bá Quát

Ảnh: HỮU ĐỐ

TRƯỚC THỀM CỦA KHỔNG, SÂN TRÌNH

(Nhớ thầy CAO XUÂN HUY)

ĐÀO THÁI TÔN

NHẮC tới Giáo sư Cao Xuân Huy, nhiều nhà nghiên cứu Khoa học xã hội tại các Viện, các Trường đại học hiện nay mấy ai không tưởng nhớ tới ông với một niềm mến mộ, cảm phục sâu sắc.

Đi bên dòng chảy của mấy vương triều, thế chế, với bao phế hưng của lịch sử, cuộc đời Giáo sư Cao Xuân Huy trước sau vẫn là một cuộc đời thanh bạch mà ở đó ông đã bỏ ra hơn sáu chục năm theo đuổi sự nghiệp rèn cặp và dạy dỗ con người, đào tạo cho xã hội những nhà khoa học chững chạc, những cán bộ nghiên cứu, giảng dạy xuất sắc.

Giảng dạy và đọc sách. Đó là hai công việc choán hết thời gian gần một thế kỷ của đời ông. Dù ở trong một căn nhà tranh sơ tán bên sông Cầu trong những năm bom đạn hay trong căn gác khiêm nhường giữa phố phường Hà Nội náo nhiệt, mỗi khi tới thăm ông, ít ai được gặp ông trong tư thế "xả hơi" ngồi nghỉ: ông đang đọc.

Năm 1970, Viện Văn học, nơi ông công tác, tổ chức buổi họp mặt mừng thọ 70 tuổi đồng thời là kỷ niệm 50 năm đứng trên bục giảng của ông, ông tâm sự cõi nhớ, chân thành: *"Tôi yêu nghề dạy học vì đây là một nghề mà càng cho đi bao nhiêu lại càng được bấy nhiêu. Giáo dục là một nghề thật đáng tự hào, vì nói như Mạnh Tử, đó là cái nghề được dạy dỗ những anh tài trong thiên hạ".* Ai cũng đã từng may mắn được ông dạy dỗ và tận mắt chứng kiến sự trưởng thành của nhiều lớp học trò do ông đào tạo, mới chia sẻ một cách thấm thía lời bộc bạch của ông. Ngẫm mà xem: đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy Hán Nôm và văn chương cổ suốt từ Bắc vào Nam ở độ tuổi trong, ngoài "thất thập" hiện nay, mấy ai không qua cửa ông mà tới được *"Cửa Khổng sân Trình"*? Từ đội ngũ những người giảng dạy chữ Hán ở các trường Đại học, Trung tâm đào tạo Hán Nôm Văn Miếu, đến mấy chục con người đang như một đội ngũ xung kích trong việc khai thác di sản văn hóa tại Viện nghiên cứu Hán Nôm hiện nay, mấy ai không được hưởng cái may mắn làm học trò ông? *Riêng với Viện Hán Nôm, công lao của Giáo sư Cao Xuân Huy không chỉ ở chỗ khai sơn phá thạch mà ông thực sự còn là người hàng chục năm trời cần mẫn, đóng vai trò thợ cả trong việc dựng móng xây nền.*

Nhiều Giáo sư, Tiến sĩ hôm nay, trong các công trình, bài vở mà có được những trang viết sắc sảo khi Nho, khi Phật, khi Lão – nếu đọc họ, ta thấy ở đó đã hần lên những suy nghĩ của ông trên bục giảng, thì biết ngay đó là học trò ông cả đấy. Ông biết rất ít. Suốt đời đọc, tích lũy hệ thống kiến thức để làm cho các giờ giảng thêm sinh động, sâu sắc, để dù chỉ một chữ thôi, ông có thể giảng đôi ngày. Ông cho rất nhiều. Cho suốt 60 năm trên bục giảng. Cho hàng ngày, hàng giờ - từ việc góp ý cho một đề tài đến việc "gỡ" cho những câu văn khó hay ai đó đến xin ông mách bảo những tài liệu mà họ đang cần. Để ca ngợi ông, có lẽ ngoài câu *"dạy người không biết mệt mỏi"*, nên chăng phải nói thêm: Không dạy, ông như một mối hơn, không dạy, ông như mới là âm bản của mình với vẻ già nua yếu ớt bên những trang sách cặm lặt. Chỉ khi bước lên bục giảng, ông mới thực là ông. Ở đó,

như cá gặp nước, chân dung thần thái của ông mới có dịp hiện ra lồ lộ. Ông hoạt bát hẳn lên – từ dáng đi, lời giảng bài sang sảng, đến tiếng cười hồn nhiên thơ trẻ...

Sinh ra và lớn lên đúng buổi bình minh của thế kỷ XX trong một gia đình Hán học truyền thống, lại tiếp thu được một vốn học vấn sâu sắc từ văn hóa phương Tây, trong ông đã nghiêm nhiên hình thành *sự giao thoa của hai nền văn hóa lớn*. Như nhiều tri thức cùng độ tuổi, thế hệ các ông là sản phẩm đặc thù của một giai đoạn lịch sử, mà ở đó những Trần Văn Giáp, Đào Duy Anh, Đặng Thái Mai, Trần Huy Liệu... mỗi người mỗi vẻ, đã tạo nên những gương mặt trí thức, những nhà Khoa học xã hội Việt Nam

sâu vào tự căn để giảng. Chẳng hạn, khi giảng về chữ TIẾT, thầy giảng: Tiết là gì? Là cái mắt của từng đốt tre, là bộ phận rắn nhất của thân cây. Vì thế, người ta lấy cái phẩm cách cứng rắn đó để chỉ phẩm cách con người, nên mới có chữ *phẩm tiết, khí tiết*. Còn *"thời tiết"*, *"tiết học"* là gì? Ấy là nghĩa dẫn thân của chữ TIẾT: trên lớp học, cứ đều đặn một giờ là nghỉ 10 phút. Mỗi năm có bốn mùa, cứ đều đặn ba tháng một, theo chu kỳ vòng xoay trái đất. *Sự đều đặn đó chẳng khác gì sự đều đặn của khoảng cách các "tiết" trên giò thân tre*. Thế còn *"trình tiết"* là gì? Xưa, người con gái chưa đến tuổi đặt tên tự, chưa gả chồng thì gọi là *"trình nữ"*. Những người con gái vì lý do nào đó mà không lấy chồng, gọi là *thủ trình* (tức là

phẩy của Vương An Thạch đã làm được điều đó. Vì vậy phải hiểu là trong câu văn này, Lão Tử là: *dùng chữ "Vô"* (phạm trù VÔ) *để gọi tên cái thừa ban đầu của trời đất; dùng chữ "Hữu"* (phạm trù HỮU) *để gọi tên mẹ đẻ của vạn vật...*

Giáo sư Đặng Thái Mai, sinh thời có nói với chúng tôi: "về Lão Tử, ở nước ta chỉ có thầy Huy là người giảng được". Chẳng những thế, ở Giáo sư Cao Xuân Huy triết học Lão – Trang không chỉ dừng lại ở phương diện nhận thức mà còn được thể hiện đậm nét trong cuộc sống hiện thực của riêng ông. Đó là niềm lạc quan trước chân lý, là cái nhìn "đạt quan" trước những bể dâu, đặc nhất của đời người.

Giáo sư Cao Xuân Huy rất ít viết. Nhưng một khi ông đã viết, ông thường viết một cách kỹ lưỡng, sâu sắc, ít ai có thể viết được như thế. Tôi còn giữ ấn tượng rất mạnh khi đọc bài *Mấy nhận xét về bộ sách "Dịch kinh tân khảo"* trên Tạp san Nghiên cứu văn học tháng 7-1964. Đây là bộ sách do Nguyễn Mạnh Bảo nguyên Tổng trưởng trong chính quyền Ngô Đình Diệm biên soạn (tháng 1 năm 1956). Soạn giả được nhà xuất bản ca ngợi như một nhà đại khoa học và sau đó đã được giải thưởng quốc gia do Bộ đặc nhiệm Văn hóa Xã hội (ngành Văn chương, bộ môn Biên khảo) trao tặng vào năm 1961-1962. Sau khi phân tích thấu đáo những sai lầm của bộ sách – kể cả việc dùng những thuật ngữ khoa học và triết học, lẫn cách hành văn, trình độ non kém về chữ Hán, giáo sư Cao Xuân Huy kết luận:

"Muốn làm một nhà đại khoa học, đại triết học thì ít nhất, văn lý cũng phải cho thông, văn lý chưa thông, còn nói gì đến triết lý, vật lý".

Giáo sư Cao Xuân Huy thường được các nhà xuất bản nhờ hiệu đính bản dịch, viết Lời giới thiệu những tác phẩm lớn. Đó là khi ông hiệu đính *"Đồng chu liệt quốc"* do Nguyễn Đỗ Mục dịch; *Lời giới thiệu* của ông về một tác phẩm quan trọng của nhà bác học Lê Quý Đôn hàng mấy chục năm qua vẫn là một luận văn sâu sắc mà giới nghiên cứu chưa dễ ai vượt qua. Bà viết đã được trích đăng hoặc in ở nhiều công trình nghiên cứu về Lê Quý Đôn.

Sau những buổi tiếp xúc, trao đổi học thuật cùng Giáo sư Cao Xuân Huy, các nhà khoa học quốc tế đã như gặp nhau một điểm trong việc ca ngợi tầm hiểu biết sâu sắc về Đông phương học của giáo sư Cao Xuân Huy. Nếu như I. Ây-đơ-lin – tiến sĩ ngữ văn Viện Đông phương học Liên Xô đánh giá cao sự hiểu biết sâu sắc của ông về Phật học thì, B. Rittin – Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô cũng đã nhận xét: *Những người như Giáo sư Cao Xuân Huy ở thế giới hiện nay còn rất ít. Các đồng chí thật hạnh phúc là đã có một chuyên gia khoa học lớn như vậy...*

Thầy Đặng Thái Mai dạy: "Biết mười hãy nên giảng một". Thấy Cao Xuân Huy giảng chữ ĐẠO cho chúng tôi từ hơn 40 năm trước, hóa ra thầy cũng "biết mười, giảng một" để những bộ óc non nớt, kiến văn còn rất hạn hẹp của lớp sinh viên chúng tôi hồi đó dễ tiếp thu chăng? Nhưng sao đến nay, đọc lại những lời giảng đó, vẫn thấy sâu sắc, lý thú vô cùng. ■



Giáo sư Cao Xuân Huy với các cán bộ Viện Văn học

tiêu biểu, rất đáng tự hào, là niềm hãnh diện cho nền học thuật của nước ta.

Đẳng cao viễn vọng. Với tầm hiểu biết cao rộng, trên bục giảng, thầy Cao Xuân Huy không bao giờ mang bóng dáng một "ông đồ" cho dù ông đang giảng những kinh điển tiêu biểu của nho gia như *Luân ngữ, Mạnh Tử* mà âm vang *"chí, hổ, giả, dã, hĩ, tai"*... như vọng tới từ thuở hoang sơ thiên cổ nào. Ngược lại, với cái nhìn của triết học hiện đại, với tư duy lôgic mạch lạc, nhìn vào trang sách cổ, ông vẫn chỉ ra một cách kỹ lưỡng từng chữ, từng câu, từng mạch văn với các tầng ý nghĩa triết học tiềm ẩn sau đó. Thành thử, khi truyền thụ cho học trò, ông không sa vào trạng thái hoài cổ hay rung đùi ngán nga những câu văn sáo rỗng, "điều trùng tiểu kỹ".

Điều quan tâm sâu sắc của ông trước một câu văn, một tác phẩm là tính lôgic và ý nghĩa triết học của nó. Có những triết lý cổ xưa, tưởng như "gànb toẹt", qua sự phân tích về mặt triết học, tôn giáo của ông, người nghe lập tức thấy lấp lánh những tư tưởng vô cùng thuần phác, tự nhiên nhưng không kém phần sâu sắc của tư duy phương Đông, trở nên đáng yêu và gần gũi vô cùng.

Những năm ông được cho rong ruổi trên cỗ xe hơi "cửa Khổng sân Trình", chúng tôi như được tham dự một chuyến du lịch dài ngày ở miền đất lạ, mà ở đó, mỗi khi ghé qua một bảo tàng văn hóa, một đền đài, đều được ông chỉ dẫn cho đâu là hiện vật gốc, đâu là vật phục chế, tân trang. Với những ai mới làm quen chữ Hán, thấy Cao Xuân Huy thường để ý đi

giữ mãi ở trạng thái chưa gả chồng). Vậy thì *"trình tiết"* nghĩa là cái tiết, cái phẩm cách cứng rắn, trong sạch nhất về phẩm cách của người con gái chưa chồng...

Kỹ càng từng chữ như vậy, nên thầy Cao Xuân Huy không chịu nổi cách hiểu một câu văn ang áng, đại khái, lơ mơ.

Nghiên cứu, hiệu đính, khảo chứng các văn bản cổ cũng là nguồn hứng thú không bao giờ dứt trong các bài giảng và là công việc hằng ngày của Giáo sư Cao Xuân Huy. Vì thế ông không ngại ngần dùng những từ "thiên tài", "vĩ đại" để ca ngợi người xưa. Đó là trường hợp Vương An Thạch. Cái vĩ đại, thiên tài của Vương An Thạch, theo Giáo sư Cao Xuân Huy là ở chỗ ông đã *đặt được một dấu phẩy (!)* vào sau chữ Vô trong *Đạo đức kinh* của Lão Tử: "Vô", danh thiên địa chi thủy; Hữu, danh vạn vật chi mẫu". Hàng bao nhiêu năm rồi, trước và sau Vương An Thạch, *không ai đặt nổi dấu phẩy vào đấy*. Vì thế, thường người ta dịch: *"không – tên là gốc của trời đất. Có – tên là mẹ của vạn vật"*.

Bằng nhãn quan triết học, Giáo sư Cao Xuân Huy giảng: Lão tử, là một tác phẩm triết học bằng thơ. Trước Lão Tử ở Trung Quốc không có triết học tự nhiên. Nhà triết học tự nhiên *đầu tiên và vĩ đại nhất* của Trung Quốc chính là Lão Tử. Chữ ĐẠO, mà Lão Tử dùng làm một thuật ngữ triết học, chỉ cái *Bản thể* - phần chủ yếu của triết học tự nhiên mà "Hữu – Vô", "Đa – Nhất" "Động – Tĩnh", "Tâm – Vật"... hợp thành nội dung của *bản thể luận* của Lão Tử. Vì thế VÔ và HỮU ở đây chính là các *phạm trù triết học*. Dấu



PREM CHAND, BẮT TỬ VỚI LÒNG YÊU NƯỚC

MỘT buổi chiều mùa hè năm 1908 lúc trời chạng vạng, trên đường cái mấp mô vùng ngoại ô Bắc Ấn Độ, một chiếc xe bò cổ vượt tới phía trước với tốc độ nhanh nhất. Trên xe là một thanh niên độ tuổi 27-28, dáng cách đứng đần chững chạc, biểu hiện tinh cương nghị của một chàng trai tuấn tú. Chặng đường phòng chừng mươi dặm nhưng cũng đủ làm cho đầu tóc vốn ít được chải chuốt của anh rối bung. Đó là Dhapat Raj, giáo viên trường công lập tại một thị trấn nhỏ... Buổi trưa hôm đó, Raj đột nhiên nhận được lệnh khẩn của quan hành chính quận, hạn phải có mặt tại quận phủ trước khi trời tối.

Rốt cuộc, chuyện gì xảy ra? Phải chăng vì "Tổ quốc mến yêu"? Qua đôi lòng mây căng cứng, ánh mắt đắm chiều, cũng đủ đoán định điều khiến anh suy ngẫm trên suốt chặng đường. Từ 6 tháng trước, tiểu thuyết ngắn đầu tay "Tổ quốc mến yêu" của anh, xuất bản với bút danh Nawab Raj, được bạn bè tán thưởng, rằng đã nói lên tiếng lòng của họ. Tuy thế điều băn khoăn, là liệu gặp phải phiền hà? Đương nhiên, Raj cũng đã ngầm chuẩn bị trước để ứng phó, khi sự cố xảy ra...

Khi chiếc xe bò vừa tới trụ sở, toán sai nha đã sẵn sàng, lập tức Raj bị giải đến văn phòng hành chính. Dưới ánh đèn măng-sông sáng trưng, trông rõ mồn một: ngồi hàng đầu trên cùng, ngoài quan chức hành chính còn có vị cố vấn, nhà đương cục thực dân Anh, tay phe phẩy chiếc quạt xếp, trong khi quan hành chính lần dở từng trang sách. Chỉ thoáng qua, Raj hiểu ngay, đó là tập tiểu thuyết ngắn của anh.

Dự đoán không sai!
Quan hành chính đặt cuốn sách xuống bàn. Ngài cố vấn cười nhạt, vẩy quạt ra hiệu để quan hành chính ngồi. Sau phút trầm lắng quan tâm, hỏi: "Phải chăng thấy đã dùng biệt danh Nawab Raj để viết sách?" Dhapat Raj không nói, khẽ gật đầu. "Thấy có biết cuốn sách của thấy tệ hại đến mức nào?" Hẳn là trước đó quan hành chính đã nói gián, ông đứng tại chỗ, đập mạnh cuốn sách xuống bàn, quát: "Sách

đầy rẫy ngôn từ kích động, cả gan lăng nhục chính phủ. Thấy phải hiểu rằng, được sống dưới sự thống trị của người Anh là điều vinh hạnh. Giả sử vào thời đế quốc Mughal thì thấy đã bị chặt tay..."

Mới hôm trước, khi đem tác phẩm "Tổ quốc mến yêu" đến tìm quan cố vấn với dáng vẻ giận dữ, Ngài cố vấn lệnh lập tức tra soát tác giả và trừng phạt nghiêm khắc. Quan hành chính không quên, họ đã cùng nhau bàn bạc biện pháp xử trí: Một, ra lệnh cưỡng bức tác giả, giao nộp toàn bộ số sách còn lại. Hai, bắt giam tác giả vào nhà lao.

Kết quả: Raj bị bắt, đưa vào nhà giam quân phủ, do cảnh sát lục soát nơi ở của Raj phát hiện trên 700 cuốn sách "Tổ quốc mến yêu" chưa bán hết, bị đem thiêu hủy. May nhờ sự can thiệp của vị trợ lý đốc học tốt bụng, Raj thoát họa lao lung.

Vậy rốt cuộc, "Tổ quốc mến yêu" là tác phẩm thế nào, khiến nhà đương cục thực dân phải nổi giận? "Tổ quốc mến yêu" gồm 5 tiểu thuyết ngắn "Bảo vật vô giá trên đời", "Đầy tổ quốc tôi", "Phần thưởng trước nỗi đau", "Sek Mukmoor", "Tình yêu bình thường với nhiệt tình yêu nước". Trong số đó đặc sắc hơn cả, là tập 1. Nhà đương cục cho rằng, đây là "loại ngôn luận kích động, ẩn chứa đầy sức mạnh, làm xiêu lòng người". Thuật kể chuyện ở tiểu thuyết này là câu chuyện truyền kỳ, đầy màu sắc lãng mạn.

Tại một quốc gia nọ ở Ấn Độ, thanh niên Tirphygar đem lòng yêu thương công chúa Tirpale. Tuy nhiên Tirpale ra điều kiện: phải tìm cho ra báu vật quý giá nhất thế gian này mới nhận lời yêu. Trải qua muôn vàn gian khổ, trèo đèo lội suối, hai lần lần vượt đường xa, lần đầu Tirphygar mang về, là nước mắt của một đứa trẻ ngây thơ, một hung phạm sắp đem xử tử, và lần thứ 2, là tro tàn xương cốt của người phụ nữ hy sinh vì nghĩa cả, đã tự thiêu, chống đã tuần tiết. Trước các chứng vật: nước mắt và tình yêu kiên trinh... làm sống lại nhân tính, khiến công chúa vô cùng cảm động. Nàng ca ngợi trí tuệ và lòng dũng cảm của chàng, tuy nhiên cho rằng, những thứ đó tuy quý báu song thế giới này có biết bao thứ còn

quý báu hơn, động viên chàng tiếp tục lên đường tìm kiếm.

Một lần nữa, Tirphygar như bị dồn nén tới vực sâu thất vọng, cơ hồ tự sát. Tuy nhiên, nhờ mối tình mãnh liệt giục giã, chàng đem hết dũng khí đi đến Ấn Độ, lãnh thổ của một đất nước thanh thiện. Một lần, đi đến một quảng trường vắng lặng vừa lúc trời sấm tối, trên quảng trường la liệt xác người, các loài chim dữ, mãnh thú... vây quanh tranh mồi. Nơi đây vừa trải qua một cuộc chiến, quảng trường vấy máu tươi. Do hoảng sợ, Tirphygar toan rời bỏ nơi này, đúng vào lúc có tiếng người rên rỉ gần bên. Đó là một tráng sĩ trẻ tuổi, miệng và ngực đầy máu, song chiếc gương sáng loáng vẫn trong tay. Tirphygar lấy vải rách băng bó vết thương, hỏi thăm tráng sĩ là ai. Khi tỉnh lại, với ánh mắt đầy khí phách anh hùng, tráng sĩ đáp: "Là con đẻ của Mẹ Ấn Độ". Khi biết, đối diện với mình là người từ xứ sở khác đến, tráng sĩ vô cùng uất hận, nên đã không tiếp đón bằng lễ nghi khách chủ... Do mất nhiều máu, sắc mặt tuy tím tái, song đôi mắt tráng sĩ vẫn sáng ngời hào quang, khẳng khái nói: "Tổ tiên chúng tôi để lại đất nước cho chúng tôi nay đã mất, tôi không còn tổ quốc để nương thân... Tuy nhiên trước quân xâm lược, chúng tôi biết hiến thân anh dũng vì tổ quốc mình như người Rajput (tộc người nổi tiếng tinh thần thượng võ dũng cảm của Ấn Độ) đã hiến thân dũng cảm vì tổ quốc mình như thế nào. Các thi thể mà Ngài trông thấy đều là những anh hùng, hy sinh trước giáo mìn kẻ địch... Tôi là kẻ mất nước, song điều làm tôi mãn nguyện là đã chiến đấu hy sinh trên đất nước mình."

Tráng sĩ lột bỏ vải băng vết thương, nói tiếp "Hãy để máu chảy! Giữ máu lại, không ích gì? Chúng sống với nó sẽ bị kẻ khác nô dịch, chà chết còn hơn...". Tiếng nói tráng sĩ trở nên yếu ớt, tim dần ngừng đập, máu chảy đến giọt cuối cùng. Tirphygar, sòng lòng khờn tả, lặng lẽ bày tỏ sự thương xót người đã mất, cầu chúc cho "Mẹ Ấn Độ tất thắng", và cắn trộm giọt máu cuối cùng, vô cùng xúc động trên đường về

gặp lại người yêu!

Qua lời kể của Tirphygar, không kim nên nổi xúc động đợi đến khi kể hết, công chúa đã ngã vào lòng chàng. Nàng hoàn toàn mãn nguyện! Họ tỏ lộ tình yêu thâm thiết. Lời ca chúc tụng của các ca sĩ vang lên. Triều thần thay nhau dâng hiến lễ vật quý giá... Hai người như đôi tình nhân- mặt trăng mặt trời, bước lên ngai vàng. Công chúa đem chiếc tráp nạm đá quý để lưu giữ giọt máu đào, trên tráp có dòng chữ kim tuyến: "Giọt máu cuối cùng đã đổ vì bảo vệ tổ quốc, là sản vật quý báu nhất trên thế gian này"...

Rõ ràng, đằng sau câu chuyện tình yêu của tiểu thuyết, là tình cảm, tinh thần yêu nước mãnh liệt. Cảnh tượng thâm sát mà nhân dân Ấn Độ phải gánh chịu, là hiện thực đương thời của Ấn Độ. Tiếng nói của tráng sĩ, là tiếng nói từ trái tim nhân dân Ấn Độ.

Chẳng thế mà nhà đương cục thực dân phải nổi giận vì bộ sách này. Cũng may là, sau khi phải nộp khoản tiền khổng lồ, Raj được phóng thích nhờ có bạn bè hoạt động rộng khắp. Tuy thế, trên giấy phóng thích ghi rõ điều kiện: không có giấy phép, không được xuất bản bất kể sách gì. Dù là vậy, Raj vẫn không "tuân thủ", ông đổi tên mình (Prem Chand) và tiếp tục sáng tác, viết "Godan", "Trạm phục vụ", "Vô đài"... Trong hơn mười bộ tiểu thuyết dài và trên 300 tiểu thuyết ngắn, ông mô tả rộng rãi hiện thực xã hội Ấn Độ, vạch trần tội ác thống trị chủ nghĩa thực dân, đồng thời đã kịch thái hư tật xấu, lạc hậu cố hữu dân tộc Ấn Độ.

Năm 1936, với thành tựu nghệ thuật vĩ đại và danh vọng xã hội cao cả, Prem Chand được bầu làm Chủ tịch Hiệp hội tác gia tiến bộ Ấn Độ đầu tiên. Do nhiệm bệnh lâu ngày, ông kiệt sức, và qua đời cùng năm.

Đến nay, mỗi khi nhắc đến tác gia vĩ đại văn học hiện đại Ấn Độ Prem Chand, mọi người đều nhớ, ông đã bước lên văn đàn với "Tổ quốc mến yêu".■

PHAN TRỌNG HẬU
(Theo World Culture 7 - 2010)

ĐẠI CHÚNG... CŨNG PHẢI HAY!

JOHN MC CRYSTAL

PHÁT minh công nghệ in của Johann Gutenberg năm 1440 chính là một bước ngoặt cách mạng của lịch sử phương Tây.

Khả năng tạo ra các trang sách với khối lượng lớn đã giúp truyền đi những ý kiến của bất cứ ai đến với công chúng mà không bị ai hay điều gì ngăn cản.

Thay vì phải mất rất nhiều công sao chép bằng tay những tài liệu giàu hình ảnh, ví dụ Kinh Thánh, giờ đây con người có thể làm điều đó chỉ trong vài giây.

Ngày nay, khi bất cứ ai cũng có thể xuất bản một cuốn sách điện tử, rồi sau đó với một chi phí khá nhỏ, cho ra đời hàng loạt các bản in, thì sự thống trị của các nhà xuất bản lớn, tiếng tăm, dường như đang ngày càng co lại.

Thì đúng lúc này, muốn nhắc về vai trò và những ưu việt của một tên tuổi xuất bản nào đó trong quảng đại quần chúng sẵn laptop, sẵn iPhone hay iPad, người ta bắt đầu nhớ đến sự thích đáng của giấy phép xuất bản, hay nói cách khác, chất lượng được cấp dấu chứng nhận.

Các nhà xuất bản lớn thường biết cách đặt ra cái ranh giới sinh tử cho việc duyệt in. Nó phải đủ cao, để đến khi ra đời, tác phẩm có thể tự hào về cái tên của nhà xuất bản in ở trang bìa.

Một trong những tên tuổi đã từng thành công, và vẫn đang tiếp tục thành công ở mức cao nhất ngày nay, là Nhà xuất bản Penguin (New Zealand), mà khi ra đời chỉ là một xưởng in của Nhà xuất bản Bodley Head (Anh quốc) năm 1935.

Đó là con đẻ của Allen Lane, người đã từng phát cáu vì không tìm được cái gì đáng đọc của các nhà ga xe lửa thời đó. Rồi ông tự hỏi, liệu có thể xuất bản điều gì đáng giá hơn mấy tiểu thuyết ba xu của mấy tác giả quen tiếng thời thượng?

Những cái tên đầu tiên cho một danh tiếng Penguin lừng lẫy đã ra đời, mà cũng chỉ in lại từ mấy thứ đã có, nhưng chọn lọc kỹ, vậy mà đã đem đến thành công vang dội. Và Lane đã mạnh dạn thành lập Nhà sách Penguin cho riêng mình, bắt đầu từ năm 1936.

Bởi những thu nhập từ xuất bản thì tương đối thấp (đặc biệt khi so với các kiểu làm sách bìa cứng truyền thống), Penguin lúc đầu chưa mấy lời lãi. Nhưng do viễn kiến của Lane tập trung vào thứ được coi là "văn học chất lượng", nên sự xuất hiện của Penguin đã gần như đóng dấu ấn mẫu mực vào tâm trí bạn đọc.

Nó nhanh chóng trở thành tên tuổi đáng tin nhất của thế kỷ XX. Nhất là khi Penguin - giờ đây đã trở thành thành tố của gã khổng lồ mạng tên Pearson Anh quốc - quyết định cho ra lò chuỗi tác phẩm Penguin đại chúng, một dạng sản phẩm kinh điển mới.

Rẻ thôi - ví dụ ở New Zealand trung bình chỉ có 12,99 đôla, khoảng 1/3 giá thành các sách bìa cứng kiểu ngạo - nhưng chúng nhanh chóng trở thành đối trọng đáng ngại của các băng sách màu trắng hay vàng (loại nhất, theo tiêu chí xếp hạng danh giá).

Các chi nhánh Penguin ở Úc cũng được chào đón nồng nhiệt, với các đơn đặt hàng sách đại chúng mới. Mười tác phẩm Nam bán cầu lần lượt ra đời: **Cô đơn đời người** của John Mulgan (1939), **Thứ sáu nóng rực đã đến** của Ronald Hugh Morrieson (1964), **Giấc mơ Smith** của Karl Stead (1971), **Quả đời**, rồi **Hành phương Tây** của Maurice Gee (1978, 1992), **Potiki** của Patricia Grace (1986), **Người cười cá voi** của Witi Ihimaera, cùng **Lời sấm và phép màu** của Eldred-Grigg (1987), **Cây trong đại quần sinh** của Shonagh Koea (1989), và **Cảm tác Louie Còm nhom** của Fiona Farrell (1992).

Thoạt nhìn, Penguin khá chơi trội, nhưng thực chất, theo ông chủ Geoff Walker của Hãng, đây là yêu cầu khách quan của cuộc sống.

Tiêu chuẩn chọn lọc của Penguin là "kéo dài chất lượng và sự kiên sa của văn chương", nhưng 290 trang là cái ngưỡng người ta sẽ ngại khi cầm sách lên.

Nhưng chính tiêu chuẩn số trang đó đã không ôm chứa xuế tác phẩm **Lữ khách** và **Hành trình** của Maurice Shadbolt.

Giá sách mà quá rẻ cũng có nghĩa Penguin phải đứng ngoài thị trường đang tranh giành cuốn **Người xương xẩu** của Kerl Hulme. Còn nữa, vì giá rẻ, nhuận bút trả cho tác giả thấp (chỉ 5% giá bìa), cho nên chỉ những sách không có cơ hội in tron ven ở nơi khác mới ghé mắt đến Penguin. Chính những điều này đã làm Nhà xuất bản trượt mất các cuốn **Phép trị bệnh** của Charlotte Randall và **Ngài Pip** của hiện tượng Lloyd Jones.

Walker giải bày rằng ông luôn thêm kinh điển, nhưng viễn cảnh ế ẩm lại cứ bắt ông phải nghĩ.

Vậy là, ông nhận ra cơ hội khi tấn công vào chuỗi sách công chúng bình dân New Zealand đang trầm trồ. Một số trong chúng đã vượt lên.

Dù thế nào chăng nữa, **Nụ cười hàm súc** về sự vầy



Sách của nhà sách Penguin (New Zealand)

vùng sau Thế chiến II của New Zealand đã trở thành một dấu son trong lịch sử tìm hiểu thổ dân Kiwi. **Quả đời** đã được công nhận rộng rãi. **Thứ sáu nóng rực** là đồ hiếm trong danh sách được tôn vinh. Và nếu bạn chưa bao giờ thừa nhận tài năng của tác giả Witi Ihimaera, thì với **Người cười cá voi** của ông, bạn sẽ phải gạt đầu trong vô thức.

Cuốn **Potiki** đẹp đẽ, thơ mộng của Patricia Grace tất nhiên cũng sẽ không cần ai quảng cáo, mà vẫn đóng góp đáng kể vào kho tàng tiểu thuyết New Zealand. Tác giả của nó là một phụ nữ người Maori chính cống. Còn nhiều cuốn khác nữa đang gây bàn tán sôi nổi.

Những kẻ đồ kỹ có thể bảo rằng, sách phổ thông của Penguin chỉ là sự ôm đồm của một đại gia, trước sự đe dọa của các công nghệ xuất bản mới. Nhưng từ góc nhìn của một độc giả, tôi thấy những thành tích mới của Hãng, thực là đã tiếp nối được đúng chí hướng của Tiên nhân Allen Lane thuở xưa: Mang văn chương chất lượng cao tới cho mọi người.

Điều bất cập duy nhất của Penguin Phổ thông chỉ còn là ở chỗ: Danh sách 75 đầu sách của Hãng Mẹ Pearson, kỷ niệm 75 năm ngày ra đời Hãng Con, lại không có cuốn nào của chính người New Zealand viết.

Nhưng ông chủ Walker bảo... "Không sao!". Và thế là tôi yên chí ngủ ngon.■

LÃ THANH TÙNG
(Dịch từ penguin.co.nz)

KHI Nữ Nhà văn Ấn Độ Arundhati Roy đoạt giải Booker với tiểu thuyết đầu tay **Chúa của những điều bé nhỏ**, mà đến nay vẫn là duy nhất của bà, bà nói: *"Tôi viết nó chỉ vì tôi muốn viết. Tôi không hề định làm thay đổi cuộc đời".* Nhưng sự viết đã thực sự làm thay đổi cuộc đời bà, một phụ nữ Ấn Độ vốn chẳng lấy gì làm hạnh phúc.

Bà căm ghét những cuộc phỏng vấn bất tận, những khách sạn sang trọng, những sự sấm soi triển miên. Từ đó, bà đã trở thành một nhà văn khác thường, một người khiêu khích, có ảnh hưởng lớn đến chính trường và các chủ đề xã hội. Và có vẻ bà không còn tiếp tục theo đuổi một cuốn sách khác.

Nhưng đó lại không đúng đối với trường hợp của Perth, nữ nhà văn Úc tên thật là Brenda Walker, người vừa viết xong tiểu thuyết thứ 4, **Đôi cánh của Đêm**. *"Tôi khác"*, bà nói về nhu cầu viết tiểu thuyết. *"Với tôi, viết là để ngăn chặn cái chết. Tôi lúc nào cũng là một nàng Scheherazade lúc bình minh"*.

Cũng giống nhiều nhà văn Úc khác, Walker làm việc như một nhà nghiên cứu, chỉ khác là bằng cách viết văn. Mặc dù gần đây lâm bệnh, bà vẫn không từ bỏ kế hoạch với cuốn sách sắp in. Bà viết chậm, nhưng rất đều, hết như gà mổ thóc, và khẳng định bà dùng "mọi thìa bột", không phí một từ.

"Tôi không miễn cưỡng như mong ước, nhưng tôi luôn thức khuya dậy sớm. Tiến nhuận bút ư? Tối tệ, nhưng tôi không nghĩ hầu hết mọi điều đều làm ta thỏa mãn".

Lòng biết ơn của Walker đối với sự viết chừng nào trả

Walker, một độc giả dày dạn, đánh giá rất cao mối quan hệ giữa con người nhà văn và con người độc giả trong một chủ thể. Bà bảo, sự đọc một cách hứng khởi, có tác dụng vô cùng tốt cho việc hoàn thiện một cuốn sách. Bà cũng cho biết thêm: bà rất may mắn khi mới khởi đầu nghề viết, đã được nghe ý kiến của rất nhiều tầng lớp độc giả, mặc dù phần lớn những lời đó chỉ là để ca ngợi một cách lấy lòng. Bà tự nhủ rằng đó cũng chính là một phẩm chất đoan trang của con người, dù họ sắm vai nào, nghệ sĩ hay những người thưởng thức.

Nữ sĩ Marion Halligan, người gốc Canberra, đã từng trải qua những thời điểm ngập tràn hạnh phúc, nhưng cũng có những khi cảm thấy "chẳng được ai ủng hộ". Như con thoi giữa các nhà xuất bản, bà cũng luôn xé dịch giữa các chủ đề, thể loại, và chính sự đa dạng của bà đã làm các ông chủ xuất bản hài lòng. Có những lúc bà đang rất hứng viết một cuốn tiểu luận, nhưng người đặt hàng chỉ cười. Vậy làm thế nào để bà tiếp tục phấn hứng? *"Đó là khát vọng ngôn từ, tôi muốn gói mình trong những chiếc áo ngôn từ. Viết giống như tập thể dục cơ bắp; và bạn muốn mình tập nhiều hơn, mạnh hơn, nhanh hơn, rồi bạn muốn làm nên những ý nghĩa mới. Tôi không bao giờ bỏ nghề viết. Nếu cuốn sách này không suôn sẻ, bạn thử nghĩ xem, cuốn tới sẽ được"*, Halligan nói.

Bà sẽ bị một số người cho là "hâm", bởi theo họ, viết là một nghề "chơi" thôi. Trong khi bà được giáo dục theo trường phái Beowulf, phải nắm được nền tảng văn học thế kỷ XX, và bà tin tưởng rằng, học không đến nơi đến

giúp bà giảm nhẹ cái cảm giác rằng mình là một vật thừa của vũ trụ. "Hóa ra", bà cay đắng trong hạnh phúc, *"có một việc mà tôi cũng có thể làm được, trong khi tôi có bao nhiêu điều muốn kể. Ý tôi muốn nói, tôi muốn được tồn tại bằng con đường xuất bản"*.

Nhà văn mới vào nghề Christopher Ride cũng nghĩ ông có thể kể chuyện. Thực ra, ông tin mình cũng có thể công phá một kỷ lục nào đó, giống như Clive Cussler và Michael Crichton. Ride biết, một lời như thế có thể bị khép tội là ngạo mạn, xác xược, nhưng ông vẫn kiên định *"Nếu bạn không biết mình có thể làm tốt, thì đừng làm"*.

Ride mất 15 năm và "thậm chí còn lâu hơn nữa" để viết xong cuốn **Tấn suất Schumann** trị giá 100.000 USD. Bằng cách áp dụng chiến lược kinh doanh vào việc xuất bản, ông đã bán được 15.000 bản in một cách khá mau mắn, để rồi được liệt vào danh sách 20 tác phẩm bán chạy nhất của công ty Nielsen BookScan. Đến đầu tháng 10-2007 vừa qua, con số này đã qua 25.000, và nhiều hiệu sách vẫn đòi nữa. Nhà xuất bản Random House cũng đang muốn ông viết tiếp **Tấn suất Schumann**, và đặt cọc cho ông một khoản tiền khá lớn.

Sách là một dự án, một chuyến phiêu lãng của một cá nhân đến từ tương lai, bởi anh ta phải thực hiện một loạt nhiệm vụ dưới đáy biển chết, và nếu thành công, anh ta sẽ co giãn được nhịp đập của thời gian như ý muốn.

Ride đầu tiên cầm bút khi một mình cày xuyên màn

NẾU YÊU THÌ HÃY VIẾT?

Viết để sống là một lẽ ngược đời. Phóng viên Rosemary Sorensen đã hỏi oác nhà văn xem vì sao họ buồn?

lời được cho câu hỏi "vì sao lại viết?", ở mức cứu cánh. *"Tôi thấy nghề viết thật phi thường, lúc nào cũng vậy, ở đâu cũng vậy"*, bà nói. Bà tin rằng, mặc dù "có rất nhiều người viết được rất nhiều, nhưng tôi không thấy ai vì không in được sách mà chết. Chúng tôi, nếu cuộc đời còn có ý nghĩa, sớm muộn bạn cũng sẽ có cơ hội xuất bản".

Đối với những nhà phê bình văn học bị quan, những nhà xuất bản khó tính, hay thậm chí với những độc giả vừa nhao đi tìm sách mới đoạt giải, để sớm nhận ra mình bị lừa ngay từ chương đầu tiên, câu hỏi "vì sao lại viết" có lẽ sẽ không quan trọng bằng câu hỏi: "vì sao lại xuất bản?". Vì sao lại có không biết bao nhiêu gương mặt nỗ lực đến nhể nhại, gắng sức gắng tiến để in cho bằng được những cuốn sách tám phao? Vì sao lại cứ có những khối người khổng lồ, khi được hỏi họ thích làm gì nhất trong đời, lại trả lời rằng "viết sách là việc đáng mong ước nhất"? Trong khi đó cũng vẫn có những khối người lớn tương đương, cảm thấy thoải mái khi công nhận rằng họ hiếm khi tự đọc hết một cuốn sách?

Hầu hết sách in ra ở Úc đều dừng ở mức dưới 10.000 bản, và sách văn chương hư cấu có vẻ chiếm đến một nửa. In theo nhu cầu khiến câu chuyện này bớt nghiêm trọng đôi chút, vì nó giúp những cuốn sách tái bản ra đời nhanh và rẻ hơn. Nhưng dù thế nào thì với nhuận bút mỗi cuốn ở mức 3 đôla/bản in, một số nhà văn dám tuyên bố họ viết sách để kiếm tiền.

Và khi những nhà văn ăn khách nhất của Úc như Peter Carey, Tim Winton, hay David Malouf, vẫn kiếm được ít hơn nhiều so với một ngôi sao cỡ trung bình, thì bất kỳ ai có khát vọng viết để nổi tiếng thì đều đáng gọi là hồn nhiên đến mức đáng yêu, cho dù làng văn vẫn có những J.K. Rowling hay Dan Brown.

Nếu viết không chỉ để nổi tiếng, thì phải chăng họ viết vì tình yêu văn chương?

Các khóa đào tạo bộ môn sáng tác luôn đầy chật những sinh viên năng nổ, tinh nghịch, và các giải thưởng văn chương "dành cho người mới nổi" thì luôn tràn ngập văn đàn. Mặc dù nhiều nhà văn, đặc biệt những người lớn tuổi luôn thêm đọc và rất sành đọc, điều thường thấy vẫn là: các thí sinh tham dự những cuộc thi văn chương thường không hay đọc nhiều. Họ chỉ viết để thử sức, và nếu được, chứng tỏ mình cũng có thể làm ai đó chú ý. Vậy là xuất hiện một nghịch lý: Nếu nhà văn đã không là một độc giả lớn, thì ai sẽ đọc tác phẩm của họ?



J. K. Rowling, cái tên thích hợp nhất trên mọi bìa sách

chốn thì đừng mong viết ra hồn.

"Nhưng, đôi khi bạn vẫn được phép ra khỏi mọi phương cách", Halligan phân tích. *"Không chỉ là cốt chuyện, tính cách nhân vật, mà còn cả ngôn ngữ, nhịp điệu... đó thực sự là những phép màu"*.

Walker gọi đó là "sáng tác bằng bí mật nhân bản, bằng sự ngu ngơ hồn nhiên, và cả bằng sự luân phiên niềm tin và cứu cánh".

"Mọi người trốn khỏi chính mình và trốn khỏi xã hội, và đó là những câu chuyện rất đáng chiêm ngưỡng", bà nói. *"Tôi không định bảo con người đặc biệt phức tạp, nhưng cuộc sống thường vẫn tù mù vậy, nó lấp lánh ở những chỗ giao cắt, và một khi bạn hiểu được ý nghĩa đó, bạn sẽ muốn viết lên giấy. Và khi đã say mê, bạn không thể dừng lại được"*.

J. K. Rowling, cái tên có lẽ thích hợp nhất để in lên một bìa sách hiện nay, đã bảo rằng, việc xuất bản đã

đem trước màn hình máy tính. Một đêm nọ, khi tất cả đều ngưng bật, ông đã thử viết ra vài trang xem khả năng của mình đến đâu. Mấy trang đó tiếp tục gọi nhau, để rồi **Tấn suất Schumann** ra đời một cách đầy kịch tính.

"Bạn không thực sự biết mình đang mộng du", ông tâm sự. *"Tôi mất 10 năm chẳng ý thức mình đang làm gì, và đấy không là tình yêu ư? Rồi nó thành nỗi ám ảnh. Đêm thì lạnh mà dài, bạn thì bé nhỏ mà lắm khao khát. Khỏi hài ở chỗ, các nhà xuất bản chẳng coi những điều đó là gì. Vậy là đứng trước họ, bạn đang là vua bồng thành kẻ ăn xin"*.

Một lần khi vừa viết xong một câu chuyện, Ride bỗng nhớ đến về đe dọa của giới xuất bản. *"Khi bạn đã bị dội nước lạnh vài lần, bạn sẽ biết thực tế"*, ông nói.

Vì đang tham gia một công ty kinh doanh, ông nảy ra sáng kiến áp dụng vài nguyên tắc kinh doanh vào lĩnh vực xuất bản. *"Tôi đặt mục tiêu là phải tìm hiểu xem cần phải làm gì. Tôi thuê hẳn mấy chuyên gia. Nhưng dù họ thích: Tấn suất Schumann, họ vẫn bảo đó là khoa học viễn tưởng, thị phần rất nhỏ. Cuối cùng, tôi bực mình, quyết định tự xuất bản. Tôi nghĩ sáng tác và xuất bản chỉ là hai mặt của một quả trình. Tôi tin sách mình sẽ có người đọc, và quả thực tôi đã đúng"*.

Tháng 11-2007, ông đi Trung Quốc tìm hiểu thị trường, và phát hiện ra rằng độc giả nước này đang rất chờ đón tác phẩm của ông.

Nữ sĩ Halligan nói vấn đề thiếu thời gian vẫn luôn hành hạ giới cầm bút. Theo bà, viết văn thì đương nhiên phải gác việc nhà, nên những người sắp trở thành nhà văn nên bằng lòng với sự tạm thời có cuộc sống luộm luộm. *"Thà như thế còn hơn đến lúc già phải than tiếc mình đã không viết khi còn trẻ"*, bà tâm sự.

Cùng chia sẻ với Halligan là ý kiến của Ride: *"Quá khó để trở thành nhà văn toàn tâm toàn ý, thậm chí cả khi bạn rất có kinh nghiệm"*.

Cuối cùng, nữ nhà văn này khẳng định: *"Có quá nhiều sự rề rề và lời gàn càn trong một ngành công nghiệp như xuất bản. Chúng ta phải đối mặt với thực tế đó thôi, vì mọi người đều có thể cầm bút. Chỉ có điều, bạn hãy tin vào mình, cứ viết ngay cả khi những người thông thái, uyên bác hơn mình đã bỏ cuộc"*.■

MINH THÔNG
(dịch từ Theaustralian.com.au)

BUỒN TAY ĐÊM VÉN TƯỜNG LÊN...

Bút ký của BÙI NGUYỄN NGỌC

HỒM vừa rồi (26-10-2010) Viện Khảo sát Địa chất (nay là Công ty Khảo sát và Xây dựng) Bộ Xây dựng làm lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba. Tôi may mắn được tham dự và được tặng một túi quà trong đó có tập thơ "Thơ khảo sát" (lưu hành nội bộ). Lúc nghỉ giải lao, tôi mang tập thơ ra đọc. Kỹ sư Đào Duy Nhiên (ảnh), người nhiều năm gắn bó với nghề địa chất bảo tôi: "Sắp tới anh đi với chúng em một chuyến, lên vùng cao Hà Giang để thăm dò tìm kiếm nguồn nước. Anh đi như thế thì mới thấu hiểu, chứ thơ thì nói được ít lắm". Tôi nghĩ: Đi thực địa theo các anh, các chị thì quá vất vả, những cái tên như Ngân Trươi, Trái Hút nghe xa lắc xa lơ, Nậm Chông, Đèo Đá nghe chệnh vênh trắc trở... Nhưng ở Hà Nội thì làm sao thấy vượn ru con, thấy nấu cơm treo, làm sao được ngủ dưới mái nhà địa chất. Thế là tôi hăm hăm theo các anh, các chị lên đường.

Ngày đầu tiên Hành trình Bàng Mạc - Thung Mây. Chúng tôi đi, ngược áp vào sương, đồng đội nhìn nhau không rõ mặt, sương dẫu đi những gì có trên mặt đất, lại cõng lên bao nỗi nhớ trong lòng. Tiếng búa gõ lên vách đá gọi nhau cốc cốc trong sương, điều thuốc trên môi nhoe nhoet. Khi lộ trình đi vào cánh "rừng say", thì trước mặt sau lưng chúng tôi vấp ngã. Đến gần trưa mới tới đỉnh Thung Mây. Đây là một vùng núi đá biến chất của Hà Giang. Vùng núi này không có sản trạng, rất hiểm đút gãy và khe nứt nên rất khó khăn về nguồn nước. Tôi đứng trên đỉnh Thung Mây nhìn về bốn phía, thấy cái mệnh mỏng của trời xanh, cái rộng dài của đất nước, tự nhiên lại nghĩ đến những được mất, những tù túng bon chen ở chốn thị thành. Thì ra những tháng năm ở nhà tầng, ăn cơm hộp, tôi đâu có biết. Nói đến ở nhà tầng, ăn cơm hộp kỹ sư Nhiên bảo: "Hà Nội các anh sương như tiên. Ra đường là ngồi lên xe máy, đến cơ quan thì vào phòng điều hoà, thích tối thì đẩy kính mờ, thích sáng thì bật đèn công xuất lớn" "Thì đúng thế" "Bữa ăn trưa mới gọn nhẹ làm sao, chỉ cần phôn một tiếng là người ta mang cơm hộp đến, thích sang thì gọi món, ăn xong người ta lại đến thu dọn, mình không phải đụng chân đụng tay, có khi bát đĩa nhựa, ăn xong vứt vào sọt rác. Về nhà bật tách một cái là bếp ga xanh rờn ánh lửa. Nấu cơm đã có nồi cơm điện, chỉ việc ấn nút. Chuyện cơm nước với các anh cứ nhẹ tênh". Tôi chả biết phải trả lời ra sao, chỉ ồm ờ đưa đẩy. Kỹ sư Nhiên lại bảo "Bây giờ anh theo chúng em lên rừng, mới thấy nấu được bữa cơm cũng khó nhọc". Tôi theo các anh mãi miết đi, đến nơi mà người ta gọi là vùng nước khát, khát đến mờ mắt. Kỹ sư Nguyễn Trọng Hoàn ở Viện Công nghệ mỏ cũng có lần đến đây bảo tôi: Lên

đây anh sẽ thấy từng đoàn người gồng gánh, mang vác trên vai những can nước. Phải ba bốn cây số đèo cao lưng thấp mới mang được về nhà. Có thể gặp những hình ảnh này lúc rừng chiều ngả bóng, khi mảng nắng vàng tươi còn vắt ngang sườn non thoải, ta chỉ thấy cái đẹp của cảnh rừng chiều. Mẩu áo, mẩu khăn như những cánh bướm chồn vờn trên con dốc nhỏ. Giữa bát ngát xanh rừng, mấy ai thấu hiểu nỗi khát của người vùng cao. Bởi vậy các anh đi trắc hội, thăm dò địa tầng, để tìm nguồn nước ở đây gian khổ lắm.

Chúng tôi hạ trại giữa đỉnh Thung Mây để chuẩn bị bữa ăn trưa. Thấy các anh loay hoay mãi tôi hỏi: "Sao vẫn chưa nổi lửa" Một anh trong đoàn bảo: "Vì chưa cạy được đá để làm bếp". "Tuồng đá ở đây thì vô thiên lủng". Anh giải thích: "Cả dãy núi này là đá biến chất, đập được nó vỡ ra cũng mệ". Tôi ngồi thử ra nhìn trời nhìn đất, những cây sau sau mùa thay lá, lá rơi vô trợn vô hồi. Thì thoảng những tiếng xạc xào lá rơi trên cây đùa reo với gió. Tôi nhìn xuống lòng thung, những người dân đi gùi nước, rặt một mẩu áo chàm xanh, heo hút đường rừng, tự nhiên thấy lòng đau đau nỗi niềm.

Để đến quá ngọ vẫn chưa thấy nổi lửa, tôi chạy vào xem. Một anh trong đoàn nói vui: "Hôm nay anh gặp may vì còn đang ở vùng núi thấp". "Sao lại may?" "Vị được ăn cơm chín". "Giời ạ, đã cơm thì phải chín chứ" "Đâu có, chúng em... thường xuyên phải ăn cơm sống". "Chết thật sao lại cơm sống?" "Bởi vì trên núi cao không khí loãng, áp xuất thấp, bấy tám mười độ, nước đã sôi nên cơm không chín". "À ra vậy" Một anh bảo: "Chúng em chỉ cần được ăn một bữa cơm chín đã là hạnh phúc" Nghe nói vậy, tôi lại thấy ngậm ngùi, chợt nghĩ đến những bữa cơm văn phòng, nhất là những buổi lên hoan, hạt cơm nhiều khi mình rỏ rúng. Có lúc cuộn một đùm, cả cơm, cả thức ăn ế hế vút vào sọt rác.

Chợt có tiếng reo vui, tôi quay lại, thì ra các anh đã tìm được cách nấu cơm khá thú vị: Lợi dụng những sợi dây rừng thả tay xuống đung đưa, các anh buộc nồi vào quai nồi làm bếp, và nổi lửa nấu cơm treo. Một chiếc nồi lủng lẳng dưới vòm xanh/ Những sợi dây rừng bao nhiêu lá rung rinh/ Đấy một nhát cử chao ngang dọc/ Không có kiếng, cơm vẫn sôi lóc bóc. Tôi ngồi đợi cơm, thấy nhớ làng quê. Chân mình núi cao, mắt mình ánh lửa. Chiếc nồi chao như vòng mẹ đưa thuở thiếu thời. Tiếng lóc bóc cơm sôi đưa ta về mái rạ hàng cau, bờ tre ngộ nhỏ. Tiếng cơm sôi gọi nhớ đồng bằng/ Bấm bộp cầu ao vỗ rã/ Nhớ ngọn lửa bập bùng ngộ nhỏ/ Vào giờ này em nấu cơm chưa? Tôi nhìn ra chân trời tím tấp. Ở đây hào phóng gió trăng, một thời gian dài, ngồi phòng lạnh, ăn cơm hộp tôi đâu có biết.

Bây giờ thấy thương cho cái hộp cơm, thương cho cả những người chỉ biết ăn cơm hộp. Tôi lặng nghe tiếng reo bập bùng của lửa, lại thấy lòng mình thanh sạch. Chiếc nồi chao theo những sợi dây rừng, đâu chỉ là cơm, nó còn là cả nỗi niềm. Có phải đây cũng là hạnh phúc? Ở phòng lạnh, ăn cơm hộp, tôi đâu biết cái mùi cơm chín thơm nghiêng thơm ngả, cái bình yên dưới xanh vòm lá, cái nghĩa tình của người làm ra hạt lúa củ khoai, cái vất vả của người trèo non lội suối. Thật tiếc, nhiều khi mãi đuổi bắt những phồn hoa, xa rời cuộc sống, làm ta quên cả những điều đáng nhớ.

Cơm nước xong chúng tôi lại xuyên rừng. Những cánh rừng trập trùng tưởng như vô tận, chỗ nào cũng thấy rừng che bịt bùng mi mi, ngựa mặt nhìn lên tịnh không thấy trời. Những cây sau sau, sáng lẻ, keo chàm, móc mật lá rậm ken dày che kín hết, dấy đến nổi bất ngờ rơi giọt nước, đi dưới vòm rừng không rõ nắng hay mưa.

Tôi nhìn trời nhìn đất, nhìn cánh rừng bạt ngàn, tự nhiên nghĩ đến bài thơ "Vượn ru con" của tác giả Ngọc Diệp trong tập *Thơ khảo sát*, bài thơ ám ảnh tôi mãi. Vậy là đi những mấy thời đường trong rừng rậm, mà vẫn không thấy vượn ru con tôi hỏi "Sao rừng rậm thế này mà không thấy vượn ru con?" Kỹ sư Nhiên bảo: "Bây giờ là mùa khô, phải đến mùa mưa thì mới gặp vượn ru con". "Sao thế nhỉ?" "Em cũng không biết nữa, hay là mùa khô thì con nó đã lớn, đã tự đi kiếm ăn, nên mẹ nó không ru nữa". Tôi thở dài tiếc nỗi, thế là chuyến đi này vẫn còn thiếu một cái gì để mà thương mà nhớ.

Lúc nghỉ giữa đường tôi lại mang tập thơ ra đọc, không hiểu sao bài thơ "Vượn ru con" của tác giả Ngọc Diệp đọc mãi không chán. Kỹ sư Nhiên bảo: Những gian khổ của nghề địa chất qua "vượn ru con" thì chính những người trong nghề có khi cũng chưa thấu hiểu, bởi vì phần lớn họ không phải là mẹ, nên không thể biết: *Những gian khổ cũng dễ vượt qua/ Chỉ nỗi nhớ con làm tao khô nhọc/ Mây ru con sao buồn như khóc/ Cánh tay gầy như thế lắc lư sao?* Tôi đọc bài thơ vừa cảm thương vừa khâm phục người mẹ, nó là cuộc đời, nó thấm sâu muôn nỗi: *Lưng mày còng mắt đau đau nhìn tao/ Hân muốn nói gì bằng đôi mắt/ Con mày đã ngủ chưa hay còn thức/ Mảnh trăng rừng héo hắt đã về non.* Và vượt lên nỗi nhớ con là: *Thôi vượn đi đừng ru con nữa/ Cho nỗi nhớ cùng tao chìm trong giấc ngủ/ Để sớm mai này còn lấy sức đi xa.* Dẫu cứng cỏi là thế, dẫu mình là thế, nhưng khi đọc ta vẫn thấy nước mắt người mẹ còn dẫu mãi vào đêm, nó nỗi niềm lắm nhưng cũng cao thượng lắm. Tự nhiên lại nhớ câu thơ của Phạm Tiến Duật "Giọt nước mắt đàn bà hoá ngọc giữa tàn tro" Chỉ cần vượt lên làm được cái nghề địa chất như người

mẹ trong *Vượn ru con* cũng đã là ngọc...

Chưa đến cửa rừng chúng tôi đã gặp vắng trắng. Nơi mà vừa có sông, vừa có núi có rừng thì trắng mới cháy hết mình, bấy ra một bữa tiệc trắng đẹp đến nao lòng. Chỗ nào cũng trắng. *Đòng sông loáng loáng trăng trôi/ Sườn non dằng dặc trăng rơi gập ghềnh/ Rừng lau vậy gió thung xanh/ Một rừng trăng bạc giạt mình vậy theo.*

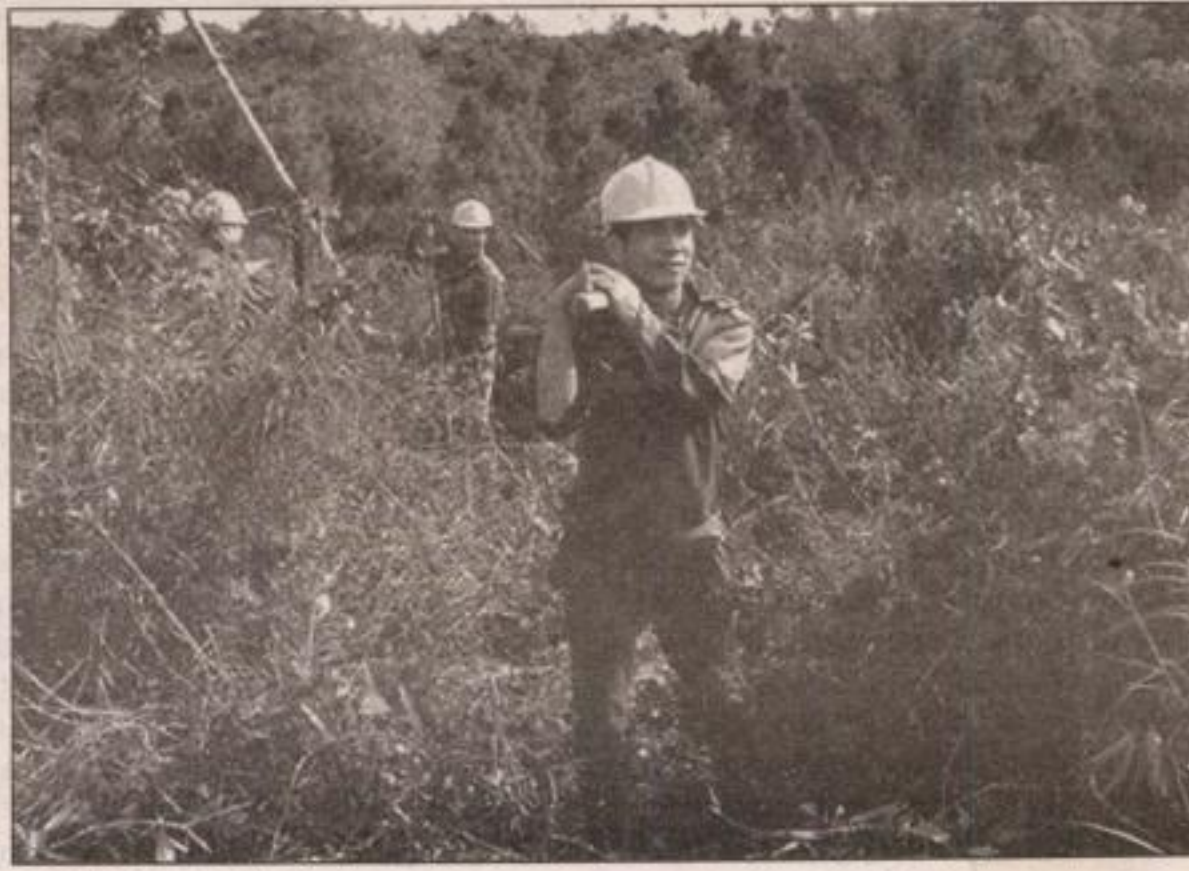
Chúng tôi đi, những ghi chép vết lộ cứ lẫn vào trăng, cứ dấy trên tấm bản đồ địa chất, những mẩu đất đá cũng chất cao thêm, nhưng chỉ có sức người mang vác. Vậy mà có lúc tôi vẫn phải chạy theo các anh, thì thoảng các anh còn phải dừng lại để chờ tôi. Nhìn hành trang tôi thấy lạ, mái nhà được các anh đu trên lưng, đêm nay tôi sẽ được ngủ ở mái nhà này. Tim được chỗ ngủ ở đây cũng không phải dễ, đất cũng dẫu đi bởi tầng tầng lá mục. Các anh bảo: hạ trại ở chỗ nhiều lá mục để nằm đè lên rần rộc. Chúng tôi lại chuyển trại đến vùng rừng quang đãng hơn.

Ngủ rừng. Lần đầu tiên tôi ngủ rừng, lại ngủ dưới mái nhà địa chất, thấy nó bằng phẳng lạ lắm, nó bối hối cảm xúc không thể nào tả nổi. Mái nhà mà: *Một người nằm cảm thấy vừa/ Hai người-có khách-nằm co sát tường/ Buồn tay đêm vén tường lên/ Thấy vắng trắng toả trăm miền em đi.* Có mái nhà nào mà lúc buồn lại vén tường lên để ngắm vắng trắng con gái như mái nhà địa chất? Nó là cuộc đời, cuộc đời đã cho họ giàu có thế.

Tôi nằm giữa mệnh mang trời đất, thấy thương phận người ở chốn đó thành, cúi xuống là cồng rãnh, ngẩng lên là mái vẩy bạt che, chẳng mấy khi nhìn thấy trăng, họ nghèo không gian, tù túng tầm mắt. Có người bảo: khi người ta nghèo không gian thì nghèo cả tấm lòng, không biết có phải vậy không? Nằm đây để mà thương mà nhớ, mà nghĩ đến những được mất trong cõi nhân gian, tôi mới ngộ ra rằng, những điều tưởng như giản dị nhất có khi lại thành vô giá, những điều ngỡ như khát vọng đuổi bắt của nhiều người lại hoá tầm thường. Những giầu có bon chen, những ồn ào chúc tụng, những tiệc tùng nâng cốc zô zô 100% có làm ta nhớ, hay ta sẽ quên? bởi nó chẳng có gì đáng nhớ, nhưng chỉ một lần ngủ dưới mái nhà địa chất, buồn tay đêm vén tường lên để ngắm vắng trắng con gái đủ cho ta nhớ suốt đời... bởi nó là kỷ ức. Kỷ ức nuôi sống tâm hồn ta mãi mãi, nó theo ta đi suốt những buồn vui sướng khổ kiếp người. Nhà thơ Vũ Quần Phương có viết "Kỷ ức không làm ai no bụng, nhưng con người không thể sống mà không kỷ ức". Cảm ơn kỹ sư Nhiên và đồng đội đã cho tôi đi một chuyến nhớ đời. Cảm ơn mái nhà địa chất để cho tôi "buồn tay đêm vén tường lên...".



Khoan thăm dò tìm kiếm nguồn nước



Đi khảo sát địa chất

TÍT VÀ MÍT

Truyện ngắn của
ĐỨC HẬU



Minh họa của PHẠM HÀ HẢI

CON gái tôi sửa nhà, gửi tôi nuôi hai chú chó phốc nhỏ xiu, trắng bông, đầu thon chân nhỏ cổ cao như thiên nga. Vợ chồng con gái tôi đều là master học ở Bắc Âu về, trong sinh hoạt và lối sống thường pha chút văn hoá Tây phương. Thế mà không hiểu sao hai chú phốc quý chúng lại đặt tên đầy chất dân gian: Tít và Mít. Chúng gọi vui là nàng Tít và chàng Mít. Hai chú phốc rất hiếu động và dễ thương, đặc biệt chúng yêu người và thích được gần người. Bất kể quen lạ, với ai chúng cũng mừng quăn quýt và mong được bế ẵm, vuốt ve. Chúng ăn sạch, ở sạch hơn cả loài mèo. Con rể tôi đặt làm một cái lồng bằng i-nốt thật đẹp và rộng rãi, trải thảm bông hoa cho chúng nằm. Cứ độ một tuần vợ tôi lại nấu nước bồ kết và lá mùi tắm cho chúng một lần, nên chúng luôn thơm tho sạch sẽ. Chúng như những đứa trẻ trong nhà, tạo nên không khí vui vẻ đầy tình thương yêu.

Chuyện bất hạnh xảy ra vào một buổi tối. Lúc đó đèn đường đã bật sáng, tôi cùng hai chú phốc đứng chơi trên vỉa hè trước cửa nhà nhìn dòng người xe qua lại tấp nập. Bất chợt vợ tôi từ trong nhà ra, băng qua đường để đổ rác. Con Mít chạy vụt theo nhanh như một tia chớp trắng. Tôi giật mình nghe tiếng phanh xe rít lên chói tai. Một ô tô và mấy chiếc xe máy dừng gấp lại, nhưng một thanh niên cao to trên chiếc xe máy phân khối lớn vẫn điềm nhiên phóng qua đề ngang thân con phốc trắng rồi rẽ ga đi tiếp, bất chấp tiếng hô hoán của những người chứng kiến. Sự việc xảy ra trong chớp mắt khiến tôi bàng hoàng không kịp phản ứng. Tôi lao ra ôm lấy con chó nhỏ đang vừa giẫy giụa vừa cất tiếng kêu đau đớn, tắc nghẹn. Mọi người đổ xô lại nhìn con vật xinh đẹp đang thoi thóp trên tay tôi. Con Tít run rẩy cuồng cuồng và cất tiếng kêu thảm thiết. Vợ tôi trào nước mắt ôm vội con Tít lên trên gác để nó không phải nhìn thấy giây phút cuối cùng của con Mít. Tôi bế con Mít vào phòng khách. Nằm trên tay tôi, nó không kêu được thành tiếng, chỉ khẽ khào khào, cổ ngóc đầu nhìn tôi, đôi mắt to đen ướt đầm như muốn nói điều gì. Nó ngập khan như ngạt thở, đôi chân trước bé nhỏ chới với như muốn níu lấy tôi. Mấy phút sau, đôi mắt vẫn đầm đầm nhìn tôi đại đi và mở to. Tôi bất lực nhìn con vật chết trên tay mình. Nó quá bé nhỏ so với sức nặng tàn bạo của chiếc xe máy và một con người to lớn. Từ trên gác, vợ tôi vừa khóc vừa đổ dành con Tít đang kêu rít lên từng hồi. Con Mít lạnh dần trên tay tôi. Tôi nhắc máy gọi báo tin cho cậu em. Em tôi đến, bế con vật nhỏ bé trên tay hồi lâu rồi nói: "Phải thủy táng cho nó anh ạ. Với chó, người ta không chôn mà thủy táng để siêu thoát cho nó". Chúng tôi lấy một tấm chăn len màu đỏ quấn cho con Mít thật cẩn thận. Hai anh em ôm con Mít ra bờ sông Trà chảy qua thành phố. Mặt sông bao la lấp lánh ánh điện và ánh sao. Cậu em tôi nói: "Mít về với Thủy thần rồi sớm đầu thai kiếp khác nhé". Chúng tôi thả con Mít xuống dòng nước đang chậm trôi về biển.

Đêm hôm ấy con Tít không ngủ. Nó cứ chạy như con thoi từ tầng trệt lên tầng ba, rồi lại chạy xuống, không ngớt cất tiếng kêu khe khẽ nào lòng. Lúc tôi đưa con Mít ra sông nó không biết, nhưng nó đã tận mắt nhìn thấy tai nạn thảm khốc của Mít. Không hiểu trong bản năng của loài vật tinh khôn và giàu tình cảm, nó cảm nhận được những gì, nhưng nó đang đi tìm con Mít một cách tuyệt vọng. Tôi tắt đèn đi nằm, nhưng không sao ngủ được vì nỗi ám ảnh trước sự tàn bạo của người thanh niên đi xe máy và cái chết thảm thương của con Mít, vì tiếng chân chạy cầu thang và tiếng kêu của con Tít. Vợ tôi cũng tràn trề sụt sùi không ngủ. Khoảng hai giờ sáng, tôi ra cầu thang ôm con Tít vào phòng, ẵm nó trong chân và vuốt ve an ủi nó. Thân hình bé nhỏ mảnh mai của nó run bắn bật. Nó nằm yên được một lúc rồi vùng khỏi chân chạy ra cầu thang. Nếu như mọi

ngày, được nằm trong chân với người là niềm hạnh phúc tốt độ của nó, nó sẽ vui sướng liếm tai, liếm mặt chủ rồi ngủ im như đứa trẻ. Bây giờ nó lại đang tiếp tục cuộc hành trình khắp các tầng lầu tìm con Tít. Tôi bế nó lên tầng ba, nơi có căn phòng nhỏ đặt cái chuồng xinh xắn trải thảm hoa của nó và con Mít. Tôi vuốt ve dỗ dành: "Tội nghiệp Tít bé nhỏ. Ngủ đi nhé, ta cũng thương Mít lắm, nhưng Mít không còn, đừng đi tìm Mít nữa". Dưới ánh đèn, đôi mắt to đen của nó nhìn tôi đầy buồn bã và hoảng hốt. Nó đã nghe tôi, không chạy cầu thang nữa. Khoảng hai giờ sáng, đang chờ chờ nửa thức nửa ngủ, bỗng có tiếng kêu rất lạ từ trên tầng. Tôi giật mình ớn lạnh sống lưng vì nghe như có ai đang hờ khóc trong đêm. Tôi chạy lên tầng, thấy con Tít đang ngửa cổ lên tru lên từng hồi dài. Không hiểu sao mà từ cái cổ mảnh mai của nó lại phát ra được thứ âm thanh trầm buồn âm vang và não nề đến thế. Tôi ôm nó vào lòng ngồi lặng lẽ trên bậc cầu thang, không biết làm cách nào để an ủi con chó nhỏ tội nghiệp. Khoảng nửa tiếng sau, tôi đặt nó vào chuồng rồi xuống phòng. Nhưng tôi vừa đi khỏi, con Tít lại tru lên từng hồi. Vợ tôi nói nhỏ: "Không ngủ được đâu, thương nó quá". Rồi vợ tôi lên gác với con Tít. Tôi mở sách ra đọc, nhưng không định thần được. Bỗng chuông điện thoại reo vang làm tôi choáng váng. Những hồi chuông điện thoại vào lúc bốn giờ sáng thường chỉ báo hiệu chẳng lành. Đầu dây đằng kia vang lên một giọng lo lắng: "Tối Minh đây! Nhà có chuyện gì không anh?". Đó là anh bạn bác sĩ bên hàng xóm. Tôi trả lời anh là không có gì. Anh lại nói: "Tôi nghe như có tiếng ai khóc. Thật là mọi chuyện ổn cả chứ anh?". Tôi cảm ơn, và nói với anh là con phốc nó bị ốm. Anh dặn: "Nếu có chuyện gì anh cứ gọi nhé".

Ngày hôm sau con Tít bỏ ăn, mặc dù vợ tôi đã mua cho nó những món ăn mà nó thích nhất. Nó mệt quá, nằm trong chuồng vừa ngủ vừa rên khe khẽ, thỉnh thoảng lại chồm dậy chạy ra sân thượng tru lên từng hồi. Hôm sau nữa nó đã ăn trở lại, nhưng đêm vẫn chạy cầu thang, chốc chốc lại tru lên. Vì thế mà chuyện con Mít nhà tôi chết cả khu phố biết. Ba hôm sau, có một người khách lạ đến thăm tôi. Ông tự giới thiệu là giáo viên nghỉ hưu, cũng ở thành phố này. Tôi không ngạc nhiên, vì đã từng tiếp một số khách như thế, họ đến làm quen nói chuyện văn chương hoặc muốn chơi cờ với tôi. Nhưng ông khách này thì khác. Không đợi tôi hỏi, ông vào chuyện ngay:

- Tối khuya hôm qua tôi đã đứng trước cửa nhà anh nghe tiếng con chó phốc nhà anh nó tru. Nghe thảm quá. Tôi trả lời cho qua chuyện:

- Vâng, cảm ơn bác quan tâm, chuyện loài vật ấy mà.

- Tôi biết nó kêu như thế vì con bạn nó bị chết, ông khách lại nói:

- Chuyện nhỏ thế mà bác cũng biết ư?

Ông khách nghiêm nghị:

- Sao lại là chuyện nhỏ được. Dù là loài vật, nó cũng là một sinh linh. Chả thế mà mấy đêm nay con phốc nó cứ kêu ai oán mãi.

Không hiểu ông khách này muốn đưa câu chuyện đến đâu, tôi từ tốn nói:

- Cảm ơn bác.

- Thế anh có biết ai đã can chết con phốc trắng nhà anh không? Ông giáo lại hỏi.

Tôi lắc đầu buồn bã. Ông giáo nói dứt khoát:

- Chính là thằng con tôi đấy!

Đến đây thì tôi thật sự bất ngờ về câu chuyện của ông giáo. Hiểu cái nhìn của tôi, ông kể:

- Tối hôm ấy về nó đi ngủ ngay, nhưng nửa đêm nó gọi tôi dậy. Nó kể lại sự việc. Rồi bảo nó nằm mơ thấy con chó nhỏ có bộ lông trắng nhuộm đầy máu me đang giẫy dưới bánh xe của nó, cái xe thì cứ rẽ ga mà không chạy được.

HỒNG NHU

Được nước

Đổi thay như ảo thuật
biến hoá khôn lường
cuộc sống – rừng nguyên sinh hoa mặt

ràng cổ thụ qui hơn vàng
vời lớp tầng cỏ rác
ken dày nhau tất yếu, bản khoán

tháng ngày liếc một mắt
chớp hai mắt đã trăm năm
dằng dặc thời gian, gang tấc cũng thời gian

ràng tha nhân qua hoang mạc
thấy phố phường đắm rả huyền mộng tủa tủa
gió bốn bề dậy men tan hợp

chưa ngắm cánh khô cong câu mồi
cựa quậy mùa xuân áo chập chờn
loay hoay giấc trở đêm tràn trọc
sớm mai được nước ấm trà thơm...

nhặt được ở số tay 1

1. Nhiều khi cần ghép mình vào không tự giác,
ấm ức hoặc dửng dưng

Mời cô được sự bắt đầu của đối thoại nghị lực.

2. Bất cứ sự chịu ơn cá nhân nào của anh

Đều làm anh chật hẹp tâm hồn,

lượng trí anh câu thúc

3. Trên bức tranh đang vẽ, họa sĩ cầm củi tồ đậm
mảng này, xoa bỏ mảng kia

Tôi chợt nghĩ "ai dám tự xoa bỏ mình, người ấy
sẽ tồ đậm được cho mình".

4. Trong đám đông, anh không sợ người noi
những điều cao xa thao thao bất tuyệt

Người anh sợ nhất là người biết lặng im.

5. Trong nghề văn, tôi nể trọng những người viết
nhiều, viết tốt, viết hay

Nhưng nể trọng hơn cả là người chưa viết.

6. Anh tự hào rằng đôi mắt anh tinh tường, nhìn
gì nhìn đâu cũng thấu suốt

Tôi cũng tự hào rằng đôi mắt tôi đã mù, tôi nhìn
đời bằng con tim

7. Đừng tưởng Đất, Đá là loại vô sinh

Cuộc sống của chúng phong phú và kỳ lạ
đến nỗi

loài người cũng xuýt xoa thêm muốn.

8. Niềm vui của người giàu sang béo bở là
niềm vui buồn tẻ

Còn nỗi buồn của họ, hồi đi là nỗi buồn... cười!

9. Một con voi già lia đời, một cây lim cổ thụ
chết khô

Đừng vội buồn các bạn. Đó là giờ phút trái đất
của chúng ta đang nảy nở...

Nó sợ quá toát mồ hôi giật mình tỉnh dậy.

Tôi nói:

- Trong thực tế thì cậu ta đã bỏ chạy.

Ông giáo nói:

- Hôm nay tôi đến trước hết là xin lỗi anh chị vì điều ác con tôi đã gây ra. Sau là xin nhận đến bù thiệt hại cho anh chị. Tôi biết chó phốc rất đắt, xin anh cho tôi được đền bù, bao nhiêu cũng được.

Tôi bình tĩnh trả lời ông giáo:

- Không đền bù được đâu bác ạ. Làm sao cho con Mít sống lại được để đêm đêm con Tít không phải chạy khắp nơi tìm nó, rồi tru lên như than như khóc. Nhưng bác đã đến đây với ý tốt, tôi cũng thấy ấm lòng. Lẽ ra người phải nói những điều này là con bác chứ không phải bác.

Ông giáo buồn bã nói:

- Nó không thể đến được, mà chắc cũng không bao giờ đến được nữa, anh ạ. Hôm qua nó đã gây tai nạn xe máy, làm người ta bị thương nặng, còn nó thì bị chấn thương sọ não rồi.

Tôi nhìn theo cái bóng già nua buồn bã của ông giáo đạp xe xa dần, lòng tự hỏi: "Không hiểu ông đến mình là do sự hối tiếc vì những gì con ông gây ra cho con Mít, hay những gì nó đã gây ra cho chính nó?".

Rồi con Tít cũng ngơ ngai dần. Nhưng nó đã thay đổi hẳn. Nó bơ vơ, ngơ ngác, và không còn vẻ hân hoan nhậy nhót như trước nữa.■



LÝ LUẬN VỀ TIỂU THUYẾT ĐI QUÁ CHẬM SO VỚI THỰC TIỄN SÁNG TÁC

NGUYỄN HIẾU

1. Trên dưới một tháng, báo Văn nghệ liên tiếp cho đăng hai bài bàn về tiểu thuyết. Bài thứ nhất của nhà văn bậc đàn anh Bùi Bình Thị. Bài thứ hai "Một cơ sở cho lý luận về tiểu thuyết Việt Nam" của Tiến sĩ Nguyễn Văn Tùng. Cả một trang đầy đặc chữ với một đầu đề quá lớn, bài viết chỉ là sự viết lại, tóm tắt ý kiến của tác giả chuyên luận "Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại". - Một cuốn sách đã ra đời cách đây 35 năm. Với tôi, giáo sư Phan Cự Đệ là thầy dạy trực tiếp, tôi lại là một nhà văn và ít nhiều trăn trở trong việc tìm được bút pháp phù hợp mỗi khi viết tiểu thuyết cho nên quả tình đọc đầu đề bài viết tôi rất hi vọng về sự phát hiện, đánh giá một cách công bằng thành tựu tiểu thuyết của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nhưng đọc đi đọc lại bài viết tôi thấy quá thất vọng. Còn đối với chuyên luận của thầy Đệ (nói chính xác đây là một giáo trình) thì không có gì đáng trách khi đối tượng tiểu thuyết mà thầy nghiên cứu chỉ dừng ở giai đoạn 1945-1975. Tất nhiên tác phẩm của giáo sư Phan Cự Đệ ở chỗ này chỗ khác còn cần đến sự bàn cãi, tranh luận của các nhà chuyên môn, song dù sao cũng ghi nhận đây là một công trình đáng trân trọng và coi như một thành tựu lý luận văn học của nước ta trong một giai đoạn.

2. Gần đây, không hiểu vì lý do gì mà trong giới lý luận thường dễ xảy ra hiện tượng là trong các bài viết của mình, các vị học giả có hàm vị hẳn hoi lại quá yêu không gian tháp ngà của mình mà quên thời gian hiện hữu. Hay nói chính xác hơn là lý luận của ta (từ lý luận chung đến lý luận văn học) có tình né tránh sự phức tạp của thực tế, chấp nhận sự đi sau cuộc sống như kiểu "nói cho có nói, viết cho có viết bất chấp hiện thực của đời sống, những chuyển biến của dòng lý luận trên thế giới, và cuối cùng là sự tác động của lý luận đối với người đọc, đến xã hội như thế nào". Tôi đã từng đọc một lần, để rồi không muốn mất thời gian của mình khi đọc bài viết của một vị có hàm giáo sư, tiến sĩ mà hơn một thập niên nay mỗi khi có một ngày lễ trọng đại nào là y như rằng vị này lại tung ra bài viết mà cái cốt của nó cũng như cách lập luận thì chỉ là sự thay đổi một số từ ngữ, một vài sự kiện thời sự, một vài con số thời thượng, còn gần như vẫn rập y nguyên bài báo đã đăng từ hơn mười năm trước. Tệ và tri trệ hơn nữa là nhắc lại, cố tình làm mới những nguyên lý mà lý luận thế giới đã bỏ qua, xếp xó. Lại một nỗi là các bài báo lặp lại vài ba chục lần này vẫn được đăng trang trọng trên trang đầu của tờ báo mà ông là người đứng đầu (có lẽ vì vậy mà tác phẩm báo chí này thường được trả nhuận bút ở mức vượt khung). Vì nề chức sắc, học vị của vị giáo sư hay bản thân các vị biên tập thấy cái đầu đề to, dòng lý luận cao đạo, tuy dài quá cũ, thì vẫn cho thông qua, thậm chí họ cũng chẳng đọc gì vì tên tuổi của tác giả đã tạo ra sự an toàn của tờ báo, hay có đọc cũng chẳng tiếp thu nạp được điều gì mới mẻ. Đọc các bài viết của vị giáo sư này, người ta có cảm giác thời gian bị kéo lùi lại ít nhất hai chục năm bởi những ngôn từ quá lớn mang tính khẩu hiệu nhiều hơn là những luận cứ điển ngôn. Còn trong lý luận văn học, các vị có hàm, có danh hẳn hoi nhưng vì lười đọc, vì trí tuệ cũng quá mòn, không đủ phát hiện những cây bút mới, những hiện tượng văn học đang phát sinh, lại loay hoay xào xáo quanh những tên tuổi đã định hình với những dòng lý luận vụn vặt của thời đại ngôn. Vậy mà theo nhà thơ Đỗ Hoàng thì chính những tác phẩm chết khô về lý luận, mòn vẹt về kiến thức này lại chiếm hết giải lý luận ở cấp này, đến cấp khác. Tôi thực sự buồn và cũng có cảm giác đó khi đọc bài lý luận có vẻ kinh viện của tác giả vừa nêu trên báo Văn nghệ trong số gộp 35-36 vừa qua. Như trên tôi đã nói cho đến bây giờ khi nhân loại đã bước gần qua thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI mà người ta vẫn bưng nguyên xi lý luận của Giáo sư Phan Cự Đệ viết từ những

năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ XX, về một nền tiểu thuyết trong giai đoạn 1945-1975. Những lập luận sơ khai như: tiểu thuyết gắn liền với sử thi, ngôn ngữ đa thanh, song thanh của tiểu thuyết, cốt truyện và tính cách nhân vật, độc thoại nội tâm và phép biện chứng pháp tâm hồn được minh chứng qua tiểu thuyết của Tônstôi... vẫn được tán tụng như những phát hiện mới. Tác giả còn bẻ nguyên xi những luận điểm của Goóc-ki, rồi thành tựu nghiên cứu của M.Bakhtin về Đốitôiépki (nhà văn của thế kỷ XIX) trong giáo trình của Giáo sư Phan Cự Đệ ra để tán tụng "cho thấy khả năng áp dụng những thành tựu lý luận tiểu thuyết tiên tiến trên thế giới trong việc xây dựng lý luận tiểu thuyết của Việt Nam". Thật ra, chuyên luận của thầy Đệ tôi là một giáo trình cho nên nó mang nặng chất giáo khoa để giảng dạy. Hồi đó cách dạy của khoa văn Trường ĐHTH mặc dù chương trình chính là dạy phương pháp luận và truyền thụ kiến thức lý luận cơ bản nhưng cũng có những nét gần giống với trường viết văn Nguyễn Du đạo đó. Bên cạnh lý luận là sự phân tích các kỹ thuật viết văn, cho nên không phải ngẫu nhiên nhiều sinh viên khoa văn của ĐHTH sau này trở thành những nhà sáng tác. Cũng cần nhớ đến giai đoạn vào những thập niên 60, 70 của thế kỷ XX do điều kiện, hoàn cảnh thời kỳ đó nên, các giáo trình của nhiều bộ môn như triết học, lý luận văn học, văn học sử của nước ta cũng như một vài quốc gia có nền văn học ảnh hưởng đến văn học nước ta như Liên Xô, Trung Quốc cùng một số nước trong phe xã hội chủ nghĩa, cũng chỉ khuôn vào một số tài liệu định hướng. Các vấn đề gọi theo từ nhảy cẫng bây giờ như nhân văn giai phẩm, sự lạ trong văn học Liên Xô như Xongienitxun, Pastênac cùng các tác phẩm của họ, cũng như nền văn học phương Tây thì chỉ được nhắc qua theo kiểu: "dòng ý thức" của Mác xen Prutx bị phê phán như thế này, tiểu thuyết "Lâu đài" của Kaspka bị phê phán như thế kia, hay Mác phê phán chủ nghĩa biện chứng duy tâm của Hê-ghe-như sau... mà sinh viên

không được tiếp cận nguyên ủy các tác phẩm cần phê phán... Trong tình cảnh như vậy, với tư cách là một người thấy trên một giảng đường của một trường ĐH chính thống, giáo trình viết dưới dạng chuyên luận về Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 được thể hiện một cách quan phương của giáo sư Phan Cự Đệ như vậy là chuẩn, mặc dù nó không phản ánh đủ và hết thực tế của tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn đó. Tôi chỉ đơn cử: giáo trình đó đã bỏ qua sự cách tân trong dòng tiểu thuyết kinh dị, đường rừng, trinh thám của Lan Khai, Lê Văn Trương, của Thế Lữ... khi các ông sử dụng thành thạo các thủ pháp mà người sành văn học nước ngoài đã thấy ở Edgar Allen Doe. Hoặc sự bỏ sót đáng tiếc của chuyên luận về vấn đề phong cách, thể giới quan, trình độ học vấn... của tác giả quyết định đến hình thức, chất lượng và sức hút của tiểu thuyết ra sao. Chuyên luận của thầy Đệ có thể phù hợp với giai đoạn đó khi ông nhấn mạnh đến sự quyết định của thể loại đối với sự hình thành phong cách tác giả. Đáng tiếc đến giai đoạn này mà có người vẫn tán dương những điều cũ kỹ để rồi tung ra những câu rối mù, đánh đổ người đọc như: "Tiểu thuyết từ bỏ tình một phong cách của thế loại sử thi, bi kịch... tạo nên tính tổng hợp về phong cách và "thanh điệu thu hút nhiều thể loại vào cấu trúc của mình".

3. Tôi vừa đọc xong chuyên luận "Văn học Mỹ - Nghệ thuật viết văn và kĩ xảo" của Giáo sư Huy Liên, cũng là thầy đã từng dạy tôi ở khoa văn trường ĐHTH Hà Nội (nay là Trường Đại học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội). Và chính vì những kiến thức và những lý giải của Giáo sư Huy Liên đã phần nào xóa đi trong tôi suy nghĩ về sự lười nhác trong sự đọc và sự kém tiếp cận với xu thế văn học, trong đó có tiểu thuyết của các dòng văn học lớn và mới. Tác giả có một tư duy lô gíc chặt chẽ, dẫn chứng một cách hệ thống trong sự phát triển của nền học Mỹ từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX. Việc đề cập các tác giả tiêu biểu nhất trong các giai đoạn của văn học

Mỹ với những tác phẩm tiêu biểu của họ trong chuyên luận của giáo sư Huy Liên đã cung cấp cho người đọc nói chung kiến thức về dòng chảy của văn học, tiểu thuyết Mỹ qua hơn một thế kỷ. Đặc biệt, với phương thức tư duy đầy trí thức và kinh nghiệm của một nhà lý luận văn học sử cùng với sự phản xạ mau lẹ của một nhà phê bình, giáo sư Huy Liên đã đưa ra phần nào những điểm mạnh, điểm yếu trong các tác phẩm chủ yếu, những đóng góp cho nền văn học Mỹ cũng như văn học thế giới của các tác giả kinh điển của nền văn học, nền tiểu thuyết Mỹ. Trong chuyên luận này có thể là lần đầu tiên người đọc nước ta tiệm cận được qui mô của văn học Mỹ qua một thế kỷ rưỡi cùng diện mạo của các nhà văn tiêu biểu. Từ Harriet Beecher Melvill (tác giả "Túp lều của bác Tom", Witman (tác giả tập thơ "Lá cỏ"), truyện ngắn kinh dị của Edgar Allen Poe đến F.Scott Fitzgerald (tác giả của tiểu thuyết "Gatsby vĩ đại" (một trong những cuốn tiểu thuyết lớn nhất của văn học Mỹ và thế giới) đến J.Steinbeck.E Hemingway, J. Salinger... Không chỉ cung cấp một cái nhìn khái quát, hệ thống cùng sự đọc đáo của nền tiểu thuyết Mỹ mà không ít chương, giáo sư Huy Liên còn giữ vai trò là nhà phê bình, mổ xẻ điểm mạnh cùng những đặc trưng của các tác phẩm kinh điển của nền tiểu thuyết Mỹ, như trong Phần 2 (chương 6) Giáo sư Huy Liên ghi rõ "hai bình diện nghệ thuật trong cấu trúc tiểu thuyết Gatsby vĩ đại". Giáo sư Huy Liên đánh cả phần 2 của chương 9 để mổ xẻ và tiệm cận "những khám phá về thi pháp trong tiểu thuyết "Con thỏ phát lên" (của nhà văn Jonhn Updike)... Với cách viết này, giáo sư Huy Liên không chỉ mang lại kiến thức cho độc giả phổ thông, các nhà lý luận mà còn tạo ra rất nhiều gợi ý cũng như cảm hứng sáng tác cho các nhà văn...

Rõ ràng lý luận về tiểu thuyết đang đi quá chậm so với thực tiễn sáng tác. Chúng ta cần nhận ra rõ ràng bên cạnh một số tác phẩm lý luận ít ỏi có khám phá, sáng tạo thì còn nhiều những cuốn sách, bài báo quá cũ kỹ.■

THÊM MỘT CÁCH HIỂU VỀ BÀI THƠ MÙA XUÂN NHỎ NHỎ CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI

HOÀNG TẤN ĐẠT

MÙA xuân nho nhỏ là một bài thơ hay đã đi vào lòng bạn đọc từ lâu rồi. Thiết nghĩ việc thẩm định bài thơ cũng có nhiều cách, và tất nhiên chẳng có gì khó khăn lắm.

Trong cuốn NGŨ VĂN 9 – SÁCH GIÁO VIÊN, Tập II – NXB Giáo dục in tháng 5 năm 2005, việc xác định nội dung khổ thơ đầu trong bố cục bài thơ được thể hiện như sau:

Khổ đầu (gồm 6 dòng):

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi! con chim chiến chiến

Hót chi mà vang trời?

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Đó là cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời

Theo hướng dẫn của Người biên soạn, giáo viên sẽ phải dẫn dắt cho học sinh (bằng các câu hỏi) để đi đến nhận thức: Mùa xuân ở khổ thơ đầu được dùng với ý nghĩa là mùa xuân của thiên nhiên, đất trời. Ở khổ thơ này, chỉ bằng vài nét phác họa của tác giả: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiến chiến hót vang trời... nhưng vẽ ra được cả không gian cao rộng (với dòng sông mặt đất, bầu trời bao la) cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc - màu tím đặc trưng của xứ Huế) cả âm thanh vang vọng tươi vui của chim chiến chiến (hót vang trời)...

Tuy nhiên có lẽ quả cầu nẩy ở câu khái quát Mùa xuân ở khổ thơ đầu là mùa xuân của thiên nhiên đất trời nên hai câu thơ *Mọc giữa dòng sông xanh/ Một bông hoa tím biếc* đã được nhiều giáo viên hiểu và giảng cho học sinh: *Bông hoa tím biếc đó là một bông hoa tự nhiên...!* có người giảng là hoa súng, có người giảng là hoa lục bình!

Hiểu như thế e không ổn, bởi sông Hương lúc nào cũng tấp nập thuyền trôi lững lờ như thế thì làm sao có thể tồn tại (mọc)

một bông hoa ở giữa dòng; vả lại phải là một bông hoa to lắm mới không bị thuyền ghe che khuất và đập vào mắt tác giả đang đứng xa tít trên bờ mà vẫn thấy rõ cả màu tím biếc?...

Như vậy phải chăng bông hoa đó chính là hình ảnh một cô gái đẹp mặc áo dài màu tím Huế (màu đặc trưng của xứ Huế) đang đứng trên thuyền giữa dòng sông, đã tạo nên cảm hứng đầu tiên trong lòng kính của nhà thơ?... Hiểu như thế mới thấy từ "Mọc" ở đây hết sức đặc địa: con người đã hòa quyện vào thiên nhiên, làm cho cảnh sắc thiên nhiên thêm lung linh huyền diệu...

Và cũng từ mạch suy nghĩ này dẫn đến cách cảm nhận về hai câu thơ *Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng* sau đó, theo gợi ý của người biên soạn, cho rằng đây là "Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim... Hiểu theo cách thứ hai thì ở đây có sự chuyển đổi cảm giác. Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (Cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành từng giọt (hình và khối - cảm nhận được bằng thị giác), từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác: *Tôi đưa tay tôi hứng...* Tôi rất tâm đắc với cách hiểu này, vì như thế tính liên kết của đoạn thơ mới chặt chẽ, nó mới liên mạch với hai câu *Ơi con chim chiến chiến/ Hót chi mà vang trời*. Và mới "Biểu hiện được niềm say sưa ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất lúc vào xuân...". Từ đó giá trị thẩm mỹ của bài thơ cũng được nâng cao

Đúng là thi trung hữu họa, thi trung hữu nhạc. Đọc đoạn thơ mà ta có cảm giác đang xem một bức tranh tuyệt mỹ được họa kỹ pháp những đường nét, phối những gam màu vừa tương phản vừa tương hỗ một cách khéo léo tài tình – dòng sông xanh, hoa tím biếc, tiếng chim chiến chiến cũng long lanh dưới vòm trời cao rộng... Tất cả đều sống động, rực rỡ vui tươi. Phải chăng đó cũng là bức tranh tâm trạng của nhà thơ cảm nhận lúc xuân về...■



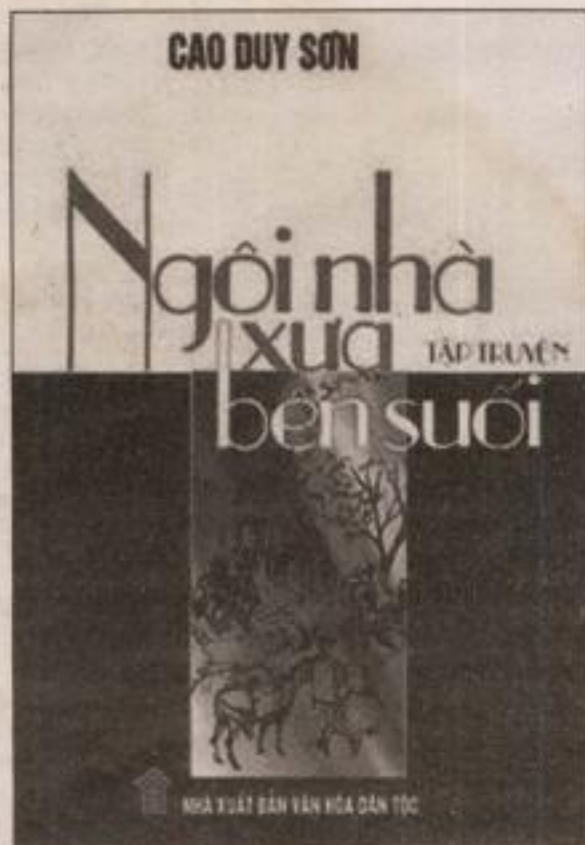
CON NGƯỜI, CUỘC SỐNG MIỀN NÚI TRONG TÁC PHẨM CAO DUY SƠN

LÂM TIẾN

ĐẾN nay, Cao Duy Sơn đã có bốn tập tiểu thuyết: *Người lang thang* (1992), *Cực lạc* (1995), *Hoa mặt đỏ* (1999), *Đàn trời* (2006), *Chòm ba nhà* (2009) và 3 tập truyện ngắn: *Những chuyện ở lưng Cò Sấu* (1996), *Những đám mây hình người* (2002), *Ngôi nhà xưa bên suối* (2007). Với sự tìm tòi, khám phá không mệt mỏi, Cao Duy Sơn đã phát hiện ra con đường riêng trong việc nhận thức, phản ánh con người, cuộc sống các dân tộc miền núi, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề đang đặt ra cho văn xuôi Tây nói riêng và văn học các dân tộc thiểu số nói chung, tạo ra bước ngoặt quan trọng trong lịch sử văn xuôi Tây.

Cao Duy Sơn, sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, cách kể chuyện rất dân tộc như một số tác giả khác. Nhưng ông biết chọn lọc trong đó những tính chất cần có tạo thành thế giới nghệ thuật riêng của văn xuôi hiện đại mà vẫn đậm đà chất dân tộc.

Ngay từ tiểu thuyết đầu tiên *Người lang thang*, Cao Duy Sơn đã rút ra từ dân tộc mình một tư tưởng lớn, một lẽ sống, một tào lý (đạo lý) làm người của dân tộc Tây. Một thứ đạo lý chưa thành văn, nhưng trong cuộc sống hàng ngày, khi đánh giá về một hành vi, một lời nói, một cử chỉ, một việc làm và các quan hệ khác trong xã hội, người Tây thường lấy cái "tào lý" đó để làm thước đo. Đường như cái "tào lý" đó xuyên suốt tác phẩm của Cao Duy Sơn. Ông đã chuyển tải tư tưởng lớn đó qua những nét văn hóa của đồng bào miền núi một cách chọn lọc, nắm bắt được những cái tiêu biểu, cái đáng nói, thể hiện được phẩm chất, đạo đức, tính cách của con người miền núi. Đó là việc giải quyết mối hận thù không đời đời giữa lão Noọng và lão Lâm, giữa Ngán và Phấn trong *Người lang thang*. Lão Lâm biết lão Noọng đã biết hết mọi tội ác của hắn, nhưng lâu nay, lão



Noọng vẫn giữ kín. Để trừ hiểm họa, lão Lâm tìm cách hãm hại lão Noọng. Mặc dù vậy, trước giờ phút hấp hối, lão Noọng vẫn không có ý định trả thù. Lão Tền ôm lấy bạn, ghé sát vào tai thì thầm: "- Dừng lại đã, hãy nói tên đứa nào đã bắn từng?", "- Dừng hỏi, đó là việc duy nhất tôi mang theo". Mang theo mối hận thù không cần trả, đó là cái "tào lý", là tư tưởng nhân văn toát ra từ tác phẩm này. Tư tưởng đó cũng thể hiện rõ trong việc giải quyết mối quan hệ anh em giữa Du và Siu trong *Song sinh*, quan hệ tình bạn giữa Chương Chảo và Súc Hỷ trong *Súc Hỷ*, giữa Khơ và Phủ trong *Hoa bay cuối trời*... Cái "tào lý" đó được thể hiện rõ và đầy đủ nhất ở San, nhân vật chính trong tiểu thuyết *Chòm ba nhà*. Có thể nói, lối sống, cách ứng xử,

giao tiếp của nhân vật này từ nhỏ cho tới lớn mang đậm nét tính cách, tâm hồn, tư tưởng của dân tộc Tây, được triển khai trong một thời gian, không gian dài rộng, nhiều phương diện.

Cao Duy Sơn phát lộ cuộc sống nội tâm đa dạng, phức tạp, phong phú dưới những vẻ bề ngoài trầm lặng, ít nói của người Tây. Điều đó có được không phải chỉ xuất phát từ hiện thực khách quan, mà còn là sự trải nghiệm, suy ngẫm sâu sắc của nhà văn. Ai cũng biết, người dân tộc thường ít nói, dành phần cho suy nghĩ nhiều hơn. Họ thường nói ngắn, gọn, ý nào ra ý ấy, biểu lộ thái độ, tình cảm rõ ràng, dứt khoát đối với điều mình định nói. Là nhà văn, Cao Duy Sơn đi ngược lại chu trình đó, khám phá cuộc sống nội tâm phong phú. Đó là Nùng Chấn và Nùng Sinh trong tác phẩm *Người lang thang*, ông Thim trong *Người săn gấu*. Đó là lão Vược, sau khi hạ được con thú dữ, báo thù cho vợ mình: "Món nợ suốt bao năm đau đầu nay đã được thanh toán. Tâm trạng lúc này mừng hay buồn lão không sao tách bạch được rõ ràng. Tự nhiên lão muốn khóc. Vẫn tư thế nửa nằm, nửa ngồi không thay đổi, lão muốn nổi lòng được tận hưởng trọn vẹn những giây phút huy hoàng của cuộc đời. Nhưng có gì đó không theo ý lão. Buồn có, mừng có, trống rỗng, hoang mang cũng có. Cả đắng cay, tủi nhục và nhớ thương cũng ào đến như những cơn sóng lử" - (*Cuộc báo thù cuối cùng*). Nhân vật San trong *Chòm ba nhà*, bên cạnh cái "ngổ rưng, một gã dân tộc Tây có đôi bàn chân và đôi tay thô, dày như tay gấu... tính nết thật thà, nghĩ đến đâu nói đến đó", tác giả phát hiện ra cái mạnh mẽ, gân guốc, góc cạnh, cái thông minh, sắc sảo, dữ dội của nhân vật này. Do đó nhân vật hiện ra trong tác phẩm của Cao Duy Sơn thường sống động, giàu

cả tính, không nhân vật nào giống nhân vật nào: Lão Noọng có thân hình nhỏ thó như một đứa trẻ... Còn lão Lâm, chủ tịch thị trấn lại có cái đầu cắt cua, tròn như quả bưởi, cặp môi đầy xì, thân hình béo căng... (*Người lang thang*).

Sự linh hoạt trong cách viết của Cao Duy Sơn còn thể hiện ở việc dùng ngôn ngữ văn chương. Ông đã biết Tây hóa tiếng Việt trên cơ sở hiểu sâu sắc và thông thạo cả hai thứ tiếng (Tây và Việt). Ông viết bằng tiếng Việt nhưng trong đó sắc thái Tây vẫn thể hiện rõ. Trước hết là ở câu nói ngắn, gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Điều đó rất gần gũi với cách nói của người Tây, đồng thời cũng thể hiện một khẩu khí, một thái độ sống rõ ràng, dứt khoát của họ. Ông biết điểm vào những trang viết những chi tiết, những câu chữ, những từ đắt nhất, tiêu biểu, gần gũi gần bó máu thịt với người Tây mà tiếng Việt không biểu hiện được: "Bây, ăn với nói... làm như tao là "báo đồng" không bằng". (*Người lang thang*), "Thử cân xem, không đủ ba kí lù (kilô) cho mày ngay" (*Súc Hỷ*), "Sinh ơi, bây giờ có ai nghe thấy mình "pí noọng" với nhau thế này chắc là buồn cười lắm". (*Chợ tình*), "Oáy... trò gì thế này à...". (*Chòm ba nhà*). Những câu, từ đó đã làm sống dậy cả một lối sống, một thái độ, một cách ứng xử, thể hiện tầng sâu văn hóa riêng của người Tây. Với cách viết như vậy, chất mộc mạc cũng loại dần khỏi văn chương Cao Duy Sơn, thay vào đó là chất trí tuệ, sắc sảo. ít có sự cường điệu, phóng đại trong tác phẩm của ông, điều đó phù hợp với lối sống giản dị của dân tộc Tây. Với cách viết đó Cao Duy Sơn đã làm nổi rõ vai trò của ngôn ngữ trong việc thể hiện bản sắc dân tộc trong văn học các dân tộc thiểu số. ■

Tháng 9-2010

CÁC NGƯỜI KHẮC BIẾT TAY TÔI!

(Tiểu thuyết của Katarzyna Grochola, LÊ BÁ THỰ dịch, Nhã Nam và Nxb Hội Nhà văn ấn hành, tháng 11 năm 2010)

HOÀNG LONG

VĂN giọng văn khôi hài, dí dỏm, nhiều tự trào như trong *Xin cách dân ông*, Katarzyna Grochola viết tiếp về những thách thức của số phận vẫn đang chờ đón Judyta, người đàn bà đại diện cho giới phụ nữ Ba Lan đương đại. Trong *Các người khắc biết tay tôi*, Judyta đã đính hôn, chỉ còn tổ chức lễ cưới nữa thôi là giấc mơ về "chàng hoàng tử cưỡi ngựa trắng đến nhà" thành hiện thực, hạnh phúc vẹn toàn. Nhưng trở ngại bỗng xuất hiện: Adam Xanh Lơ - vị hôn phu của cô - chuẩn bị đi Mỹ, đất nước của vô vàn cám dỗ, để thực tập trong sáu tháng. Làm đám cưới ngay bây giờ hay đợi đến khi anh về là một bài toán khó giải. Nhưng Judyta nghĩ, sáu tháng đâu phải muốn đòi, thôi thì Adam cứ đi Mỹ, ngày anh về sẽ tổ chức đám cưới thật linh đình. Còn Adam cũng tính, sáu tháng rồi sẽ qua nhanh, nhất là anh sẽ thu xếp cho hai mẹ con sang Mỹ vào dịp lễ Noel. Tưởng như thuận buồm xuôi gió, nhưng hàng loạt chuyện hiểu nhầm, rắc rối đã xảy ra mà Tosia, con gái của Judyta sắp tròn mười tám, là thủ phạm chính. Tosia đã bày mưu tính kế nhằm cản trở mối tình giữa mẹ mình và Adam, nhằm lôi kéo mẹ quay trở lại với bố, để mình lại có gia đình hạnh phúc như xưa - "Con muốn ở với bố mẹ như những đứa con khác... Bố muốn quay về với mẹ con mình. Con xin lỗi. Con quý Adam, nhưng

mẹ ơi, chúng ta lại là một nhà". Việc Tosia lên lút viết thư cho Adam, bảo rằng, bố mình sắp quay lại với hai mẹ con và Adam đừng có cản trở nữa, việc cô gái lợi dụng sinh nhật lần thứ mười tám của mình để tạo cơ cho bố mẹ làm lành với nhau... là nằm trong ý đồ của Tosia. Thậm chí Tosia còn lôi kéo được cả ông bà ngoại, bà đi và bạn của mẹ mình tham gia vào "vụ" này. Có thể nói, Tosia có phẩm chất, tính cách của một cô gái mới lớn, của tuổi trẻ thời nay: dám nghĩ, dám làm, dám liều, dám bày mưu tính kế, dám nhìn thẳng vào sự thật và dám chuộc lỗi. Bài bình bố trận rất công phu nhưng mưu kế không thành, Tosia điên tiết, nổi tam bành, tuôn ra những lời đe dọa, thách thức, kiểu ngựa non háu đá: "Rồi các người khắc biết tay tôi! Tất cả các người! Các người sẽ thấy, các người sẽ phải hối hận!". Tuy nhiên khi nhận ra hành động của mình là sai trái, là không khả thi, thì Tosia ngay lập tức nhận lỗi và tìm cách chuộc lỗi - "Lẽ ra con không được làm như vậy, mẹ ơi, con xin lỗi mẹ..." Việc Tosia, vốn sợ ăn trứng, đã ăn sáu quả trứng liên một lúc là một hành động tuy trẻ con, liều lĩnh, nhưng phải nói là dũng cảm, nhằm thực hiện ý đồ chuộc tội của mình - cô gái sẽ nôn mửa tại nhà Adam, tạo cơ hội cho Adam Xanh Lơ gọi điện cho mẹ, làm lành với mẹ... Đây là một tính tiết rất thú vị mà người đọc phải

tinh ý mới nhận ra.

Thông điệp của tiểu thuyết *Các người khắc biết tay tôi* chính là vấn đề gia đình, làm thế nào để có gia đình hạnh phúc? Làm khi đây là một cuộc đấu tranh mà kết quả không phải lúc nào cũng chiều theo lòng người. Đây là một sự thật mà người bị thiệt thòi, phải gánh chịu hậu quả nặng nề, bao giờ cũng là đứa con. Chỉ có tránh li dị thì mới tránh được hậu quả đau buồn này.

Năm 2006 tiểu thuyết *Các người khắc biết tay tôi* đã được dựng thành bộ phim hài lãng mạn, dài 113 phút, với Grazyna Wolszczak đóng vai Judyta, Denis Delic đạo diễn, kịch bản của chính tác giả tiểu thuyết - Katarzyna Grochola. Năm 2007 bộ phim này đã dự Liên hoan phim Bách hoa Kim Kê, cuộc liên hoan điện ảnh hàng năm lớn nhất Trung Quốc, và nữ diễn viên Grazyna Wolszczak, người đóng vai Judyta, đã giành giải thưởng Nữ diễn viên xuất sắc nhất trong cuộc liên hoan phim này.

Đặc biệt, Đài truyền hình Ba Lan TVP1 cũng đã chuyển thể tiểu thuyết *Các người khắc biết tay tôi* thành phim truyền hình nhiều tập (13 tập).

Như vậy *Xin cách dân ông* và *Các người khắc biết tay tôi* đều đã được dựng thành phim. Cả hai bộ phim này được hàng triệu khán giả trong và ngoài Ba Lan hồ hởi đón xem và mến mộ.



Dịch giả Lê Bá Thự và Nữ Nhà văn Ba Lan Katarzyna Grochola

Đọc *Các người khắc biết tay tôi* phần tiếp theo của *Xin cách dân ông*, người đọc Việt Nam một lần nữa lại được thưởng thức tài năng sáng tạo của Katarzyna Grochola. Tôi tâm đắc với nhận định của *Tuần báo Văn học Ba Lan*: "Đây không phải là sự ve vãn buồn tẻ của chủ nghĩa bình đẳng giới giả tạo, mà là một cuốn tiểu thuyết pop trẻ trung". ■

VỀ TẬP SÁCH “NHẬT KÝ CHIẾN TRANH” CỦA CHU CẨM PHONG

THANH QUẾ

Vừa qua, nhà văn liệt sĩ Chu Cẩm Phong được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đây là vinh dự không những của gia đình nhà văn mà còn là vinh dự chung của giới văn nghệ chúng ta. Lần đầu tiên một nhà văn được phong tặng danh hiệu Anh hùng.

Chu Cẩm Phong được phong tặng danh hiệu Anh hùng không chỉ vì đã dũng cảm chiến đấu vào giây phút cuối cùng khi địch khai hầm gọi hàng, gương mẫu, đi đầu trong công tác, chiến đấu suốt những năm 1964-1971 ở chiến trường miền Nam mà còn ở thành tích sáng tác của anh với tư cách một nhà văn. Anh đã dũng cảm, chịu đựng gian khổ, hy sinh để lên lời vào những vùng sâu, căn cứ địch, sống với du kích, cán bộ cơ sở để vừa công tác vừa lấy tài liệu sáng tác. Chu Cẩm Phong đã được xuất bản 3 tập sách: *Mặt biển mặt trận*, *Rét tháng giêng* và *Nhật ký chiến tranh*. Tập *Nhật ký chiến tranh* là tập sách có sức nặng nhất của anh. Từ những dòng nhật ký của anh đã hiện lên cuộc sống, chiến đấu kiên trung bất khuất của nhân dân ta tại những vùng đất chiến tranh ác liệt nhất của Khu V (Quảng Nam, Quảng Đà và Quảng Ngãi). Nhiều sự việc, con người thực trong nhật ký còn gây xúc động cho ta suốt nhiều năm qua và tôi tin sẽ còn gây xúc động lâu dài. Tập *Nhật ký chiến tranh* trở thành một sự kiện văn học trong những năm qua. Vì thế, nhiều người muốn tìm hiểu về tác giả và quyển nhật ký đó.

Gần đây, khi *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* được một người lính Mỹ trao lại cho gia đình chị rồi được in, thì nổi lên những ý kiến cho rằng: Sở dĩ có *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong là do một sĩ quan nguy cung cấp toàn bộ tư liệu như người lính Mỹ đã trao lại *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*. Ngay trong “Tuyển tập Chu Cẩm Phong” của Nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành năm 2005, trong lời giới thiệu tập sách và *Lời tri ân* ở cuối tập, nhà thơ Bùi Minh Quốc, người có công lớn trong việc cung cấp bản thảo cũng không nói rõ về tập nhật ký này. Vì vậy, là một người trong cuộc, tôi xin cung cấp những thông tin về bản thảo tập *Nhật ký chiến tranh* của nhà văn Chu Cẩm Phong.

Nhật ký của Chu Cẩm Phong viết từ ngày 11-7-1967 đến 27-4-1971, ngày anh hy sinh. Để viết nhật ký, Chu Cẩm Phong đóng nhiều quyển sổ bằng giấy poluya, gần như mỗi năm ghi một quyển. Trước khi đi công tác ở Quảng Đà vào cuối tháng 3-1971, Chu Cẩm Phong gửi lại cho tôi các quyển sổ ghi nhật ký viết từ 1967 đến cuối năm 1970 cùng một vài bản thảo viết tay và đánh máy, tôi nhớ trong đó có bút ký *Làng Tà Riềng* (có một bản viết tay và một bản đánh máy, tôi đưa chị PL, người yêu Chu Cẩm Phong bản viết tay, tôi sẽ nói sau, còn giữ lại bản đánh máy, sau chiến tranh nhờ nhà văn Nguyễn Thành Long, gửi cho báo *Văn nghệ* in). Tất



cả các quyển sổ ghi nhật ký và một số bản thảo của Chu Cẩm Phong được đựng trong thùng đạn đại liên của Mỹ, để khi có địch cần quét, chúng tôi sẽ đào chôn hoặc cho xuống suối, sau đó sẽ tìm lại. Việc này, trong chiến tranh cán bộ ta ở căn cứ, cả ở đồng bằng vẫn hay làm. Như vậy là khoảng 4/5 tập *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong sau này (từ tháng 7-1967 đến cuối 1970), Chu Cẩm Phong giao cho đồng đội anh là tôi giữ. Anh chỉ cầm theo quyển sổ đang viết dang dở để viết tiếp nhật ký cho đến khi hy sinh. Quyển này, trước khi đi Quảng Đà, anh có ghé lại Nước Vín để chia tay chị PL, người yêu và có cho chị xem một số đoạn ghi về chị trước đó (theo lời chị PL kể lại) và có nói với chị là các quyển sổ ghi nhật ký những năm trước đã gửi lại cho tôi. Vì thế, sau khi Chu Cẩm Phong hy sinh, chị PL được ra Bắc đã ghé lại cơ quan Hội Văn nghệ giải phóng Khu V thăm chúng tôi và xin tôi cho các quyển sổ Nhật ký của anh để chị mang ra Bắc bảo vệ tốt hơn. Ngày đó, tôi còn ít tuổi, cũng ngu ngơ lắm, nhưng nghĩ: “Chị PL có buồn khi Chu Cẩm Phong mất, nhưng một thời gian rồi chị sẽ xây dựng gia đình mới. Vậy những quyển sổ nhật ký này rồi sẽ ra sao. Tốt hơn hết, mình là đồng đội của anh nên giữ lại, sau này còn có khi dùng”. Vì thế, tôi nói dối với chị:

- Đúng là tôi giữ các quyển sổ nhật ký của anh Tiến (Chu Cẩm Phong), nhưng vừa qua tôi đi công tác, giao lại cho Cao Duy Thảo, Thảo giờ lại đi Bình Định nên không biết nó giấu thùng đại liên ở đâu nên không thể đưa các quyển sổ ghi nhật ký cho chị được.

Chị PL hơi buồn. Sáng hôm sau, tôi lên giờ thùng đại liên đưa cho chị bản thảo viết tay bút ký *Làng Tà Riềng* gọi là chửi kỷ niệm có chữ viết tay của Chu Cẩm Phong và tiền chị ra về. Sau đó, Cao Duy Thảo về tôi kể lại chuyện, Thảo nói: “Mày làm thế là đúng”.

Những quyển sổ nhật ký của Chu Cẩm Phong đựng trong thùng đạn đại liên theo tôi đến đầu năm 1975. Khi tôi cùng Phan Nghĩa An được phân đi công tác Quảng Ngãi (tháng 2/1975) tôi đã trao lại cho nhà thơ Ngô Thế Oanh giữ thùng đạn đại liên có đựng những quyển sổ nhật ký của Chu Cẩm Phong đó. Ngô Thế Oanh đã mang thùng đạn đại liên ấy về tận 10 Gia Long (nay là 10 Lý Tự Trọng) khi giải phóng Đà Nẵng.

Khoảng 10 hôm sau ngày giải phóng Đà Nẵng (theo lời nhà thơ Bùi Minh Quốc kể) Bùi Minh Quốc đã nhận được quyển sổ ghi nhật ký cuối cùng của Chu Cẩm Phong, tức là khoảng 1/5 tập sách *Nhật ký chiến tranh* sau này của Chu Cẩm Phong từ tay một sĩ quan của chế độ Sài Gòn trao lại mà anh đã kể trong lời giới thiệu *Tuyển tập Chu Cẩm Phong*. Quyển sổ này được Chu Cẩm Phong viết từ đầu 1971 đến ngày mất (1-5-1971). Sau đó, Ngô Thế Oanh và Bùi Minh Quốc chuyển tất cả 5 quyển sổ nhật ký cho gia đình Chu Cẩm Phong ở Hội An. Tài liệu nhà thơ Bùi Minh Quốc cung cấp để in *Nhật ký chiến tranh* (NXB Văn học) và *Tuyển tập Chu Cẩm Phong* (NXB Đà Nẵng) là do anh photo lại của gia đình. Tất cả chuyện này, tôi và Ngô Thế Oanh có cung cấp cho nhà văn, nhà báo Tô Hoàng viết trên báo *Sài Gòn giải phóng* năm 2000 (tôi không nhớ rõ số báo).

Gần đây ở Quảng Nam-Đà Nẵng và một số nơi rộ lên ý kiến: *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong là do một sĩ quan nguy cung cấp toàn bộ như *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* do người lính Mỹ cung cấp vậy. Do đó, tôi xin viết lại những dòng này trong lúc tôi còn sống, nhà thơ Ngô Thế Oanh còn sống, chị PL, người yêu Chu Cẩm Phong còn sống, nhà văn Cao Duy Thảo còn sống để cung cấp rõ về mọi thông tin của tập sách *Nhật ký chiến tranh* của Chu Cẩm Phong chứ không phải để kể công lệnh gì (vì làm gì có chuyện công lệnh khi giữ hiện vật của đồng đội, đó là trách nhiệm). Chúng tôi chỉ muốn có sự rõ ràng mà thôi. Mặt khác, tôi và đồng đội của tôi cũng rất cảm ơn người sĩ quan Sài Gòn cũ đã trao lại cho chúng tôi một phần, phần cuối cùng của bản thảo nhật ký Chu Cẩm Phong, để sau này, khi in sách chúng tôi có đầy đủ như tập *Nhật ký chiến tranh* này. Sở dĩ chúng tôi muốn nói rõ mọi việc vì muốn chứng minh rằng: đồng đội của Chu Cẩm Phong cũng rất nâng niu trân trọng giữ lại những di vật (đây là những quyển sổ nhật ký) của anh để lại, chứ không phải như ai đó nói là nhờ người sĩ quan kia cung cấp tất cả tư liệu mới có tập sách rồi suy diễn đủ chuyện. Viết những dòng này, chúng tôi mong rằng, được cung cấp những thông tin cho bạn đọc, cho các nhà nghiên cứu (cho cả những ai biết rõ sự thật mà cố tình nói khác đi) tìm hiểu về tập *Nhật ký chiến tranh* của nhà văn Chu Cẩm Phong, nhất là những người ở thế hệ sau này, khi chúng tôi không có điều kiện để “nói lại” được nữa. ■

TRẦN NHUẬN MINH

Ghi ở Vancouver

Rừng phong đỏ đến lưng trời
Đỏ đến không cảm lòng được
Chiếc lá phong đỏ, chao ôi
Đã in hình lên cờ Nước

Núi sông không có anh hùng
Bình yên cho mọi cõi lòng, màu da...

Hải cầu bỏ lên bến cảng
Bố câu đậu xuống vai người
Công viên hoa đua nhau nở
Thủ hiến đất chò đi chơi... (1)

Núi sông không có anh hùng
Bình yên cho mọi cõi lòng, màu da...

Thành phố trong sương huyền ảo
Dãy nhà ông ánh kim cương
Gấu rừng xin ăn trước cửa
Ngủ đêm, xe để ngoài đường...

Núi sông không có anh hùng
Bình yên cho mọi cõi lòng, màu da...

British Columbia 24 / 9 / 2010

(1) Thủ tướng chính phủ của một bang.

Trên đỉnh rừng Undersea Garden

Tôi đã bay nửa vòng trái đất
Và leo lên đỉnh rừng này
Năm trăm mét cao
so với mặt biển Thái Bình Dương
Rừng ẩm, mịt mờ hơi sương
Tôi thấy treo ngang cây dòng chữ:
Nơi cá hồi đẻ trứng

Hàng triệu con cá hồi bay cùng chiều
với tôi

Trong nước mặn
khoảng một phần tư vòng trái đất
Đường bay là mùi vị quê hương
Lưu trong rong rêu
Chúng lập tức nhịn ăn
Và toàn thân
đỏ rực như đốm lửa
Cửa biển chiều nay
Cháy đến tận chân trời...

Tôi kính cẩn giơ tay chào những con cá hồi
Đã yêu quê hương mình đến thế!

Ngược dòng nước chảy
Qua bao nhiêu ghềnh đá
Trườn lên từng mét, rạch lên từng phân
Với cái bụng kénh càng
Kiên nhẫn
Cả tìm về đúng nơi nó đã sinh ra
Ở ngọn nguồn những con suối hoang

Để hết trùng đến kiệt sức
Rối lạng im
Thanh thần chết trên những hòn đá cuội...

Rừng lạnh mưa bay
Ấm u
Suối hoang đỏ đầy xác cá
Cây rừng lặng im
Và chúng tôi không ai thốt lên lời

Tôi cúi đầu trước những con cá hồi
Đã chết cho quê hương mình như thế!

Suy ngẫm

Người nào cũng có nỗi bất hạnh
Chỉ có điều ta chưa biết
Suy cho cùng, đấy chính là lòng nhân
đạo của thượng đế
Để mọi người có cái cớ mà thương nhau

Hãy quên đi những buồn phiền và
ganh ghét

Để bình yên cho mỗi ngôi nhà
Thêm một người bạn, có khi không
thêm được một điều gì
Nhưng thêm một kẻ thù là đã thêm tất cả
Những viên đạn vô hình từ bốn phương
sẽ đến tìm anh...

Hãy quên đi hận thù và đối kháng
Để bình yên tìm thấy quê hương ở mỗi
lòng người...

Thăm bảo tàng Anthro Polory

Tiếng hổ gầm mười ngàn năm
Còn vang từng thở gỗ
Dựng đứng giữa Bảo tàng Người Da Đỏ

Rừng thuở hoang sơ vẫn rậm rì xanh
Che dăng đi con khủng long vĩ đại
Những gấu mẹ oai hùng
Nằm xoã tóc trên triển dã xam
Thuyền độc mộc tới tấp lao qua thác

Vẫn nhận ra hơi ấm của bếp lửa
Cháy lom dóm trong căn nhà hình vỏ trứng
Ghép nguyên thân những cây gỗ si đồ
Chiếu giường xộc xệch...
Người đàn ông đứng sừng sững trước sân
Mắt xếch quắc lên, cầm bành
Tay ôm chặt ngực em yêu
Hai tai mọc dài thành hai cánh lớn...

Tôi ra khỏi Bảo tàng
Tiếng hổ gầm còn chưa dứt...





BAO GIỜ RỒNG SẼ “BAY” LÊN?

AN NGỌC

Hứa hẹn sẽ hạn chế những điều bất cập của Festival lần trước, Festival cầu Long Biên diễn ra trong hai ngày 20-21/11 vừa qua sẽ là một sự kiện gây tiếng vang không chỉ trong nước và quốc tế; nhưng phải chăng, vẫn chỉ là lặp lại kiểu “nói hay làm dở”...

THÙNG RỒNG KÊU TỌ?
VỚI chủ đề Cầu rồng kể chuyện Thăng Long Hà Nội, Hòa bình- Hội nhập- Phát triển, BTC có ý định xây dựng một bảo tàng khổng lồ với hai chiều cầu “Kỷ ức” từ Hà Nội sang Gia Lâm, để tái hiện lịch sử Thăng Long Hà Nội qua hàng loạt hình ảnh, tư liệu, những bài viết về quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đồng thời, chiều “Ước mơ” từ Gia Lâm về Hà Nội là không gian tranh của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; cùng với việc trưng bày hệ thống cờ của 70 quốc gia trên khắp thế giới, hệ thống diều sáo sắc sỡ màu sắc... nhằm tạo không gian để các nghệ sĩ sáng tạo. Vậy mà đi dọc hai chiều, chẳng thấy được chút gì hấp dẫn, trái lại chỉ toàn thất vọng. Thất vọng về hệ thống trưng bày tranh ảnh, pano quá bôi bác, thiếu thống

nhất, liên kết, thậm chí tranh còn bị treo ngược. Và mòn mỏi đón đợi những hiện vật của 10 thế kỷ như BTC giới thiệu...
Trong tờ rơi, BTC còn quảng cáo sẽ có lễ hội hóa trang cùng với việc xuất hiện của các nhân vật Lạc Long Quân- Âu Cơ, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Thạch Sanh, Tấm Cám, Thánh Gióng...đi lại hai bên cầu. Nhưng thực chất chỉ có một đám người mở nhật, khó nhận biết ngoại trừ hai nhân vật được coi là Thạch Sach vì có trần quần quanh người, và Thánh Gióng vì cưỡi ngựa; điều hành hết hai chiều của cây cầu một cách rời rạc. Cũng theo ý tưởng của BTC, hai bên cầu có các thiếu nữ làm nhiệm vụ thả chim bồ câu với khát vọng hòa bình. Họ cũng chung cái cảnh rời rạc, hỏi nhau chẳng biết thả lúc nào. Nhất là các hoạt động văn hóa, trình diễn nghệ thuật cổ truyền: hát Xẩm, Ca trù, Chèo, Tuồng, Quan họ... được coi là điểm nhấn của festival dường như cũng biệt vô âm tín; ngoại trừ màn biểu diễn của nghệ sĩ violon Trí Hải đến từ CLB “Ngàn sao” (Tp. HCM). Phút biểu diễn ngẫu hứng của nghệ sĩ này cũng không kéo được lại cả một không gian buồn tẻ.

Có lẽ vì tiêu chí của Festival cầu Long Biên lần này là ủng hộ miễn Trung, nên mọi hoạt động đều được giản tiện tối đa. Giản tiện đến cả cách quyên góp của BTC- buộc một cái thùng vào thành cầu không chỉ dẫn và người dân thì chẳng ai hiểu đó là cái thùng gì. Tránh tình trạng không có chỗ gửi xe như những năm trước, năm nay BTC bố trí các bãi gửi, nhưng lại thiếu người hướng dẫn nên dân vẫn cứ phải chịu cảnh đi lòng vòng để tìm chỗ gửi với mức giá cao từ 10 đến 15 nghìn đồng/xe?

VI TẾ NHẬT NÊN CÀNG TAN HOANG!
Cả một Festival lớn nhưng chẳng có lấy một chương trình nào độc đáo, hấp dẫn. Thậm chí đi chưa hết ngày khai mạc, những con diều đã bị hư, rách tả tơi. Cọc treo diều gãy đổ, diều từ biệt cọc bay mất từ lúc nào BTC cũng không rõ. Những bức tranh được trưng bày bên chiều “Ước mơ” cũng chịu chung số phận hẩm hiu đó. Quốc kỳ các nước chỗ thì rách, chỗ thì bay mất. Tuồng BTC sẽ thay thế, nhưng họ cũng chỉ kéo xuống và cuốn lại quanh chân cột. Một phần trong kế hoạch của Festival Cầu Long

Biên là “Hành động bảo vệ môi trường, vì một hành tinh xanh”. Vậy mà người làm chương trình chẳng chuẩn bị lấy một cái thùng rác trên suốt hai chiều cầu. Khách nào có nhỡ mang tỷ thức ăn, hay mua chút đồ được bày bán lèo tèo trên cầu cũng không biết vứt vỏ vào đâu. Đánh góp cùng bãi rác ngay dưới gầm cầu. Đầu chỉ có vậy, trên cầu còn vô số những điều bất cập: người xem chẳng mấy khi được nhìn tận mắt các bức tranh; các bạn trẻ tranh thủ không gian lãng mạn để thể hiện tình cảm. Và những gian hàng giới thiệu sản phẩm cũng chẳng ăn nhập gì, trái lại còn gây phản cảm không cần thiết.
Cuối cùng, người Hà Nội chỉ thương cây cầu hàng ngày tấp nập; được hai ngày nghỉ xả hơi, cũng phải ngao ngán với những trò BTC đang bày vẽ trên mình. Thực sự chương trình làm người ta hổng hụi, thất vọng. Kết thúc hai ngày lễ hội, mọi dư âm của một Festival vẫn còn. Đó là rác trên cầu, là những tấm vẫy rồng bằng xốp bị tróc nham nhở mà BTC chưa kịp gỡ xuống... và một nỗi buồn không biết chia sẻ cùng ai?■

PHẢI LÀM TỐT VIỆC TRỪNG TU DI TÍCH...

HOÀNG THI

Hiện nay, trên cả nước ta, công tác tu bổ di tích lịch sử văn hóa còn rớt xọt và còn rất nhiều, bất cập thiếu sót; đến mức bị coi là “khủng hoảng”, thì việc trùng tu thành công đình Chu Quyến (xã Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội) đã được ghi nhận. Vừa qua, Hiệp hội Kiến trúc sư quốc tế (UIA) đã trao Giải thưởng Lớn 2010 khu vực châu Á và châu Đại dương cho dự án thực nghiệm tu bổ, tôn tạo này...

NGÔI ĐÌNH XƯA TRỞ LẠI...
KHỎANG 400 tuổi, đình Chu Quyến từng xuống cấp nặng, nay mới được tu bổ thành công. Kết quả này rất cần được nghiên cứu nhân rộng, bởi nó quá hiếm hoi trong mặt bằng trùng tu nhiều bất cập hiện nay. Trước khi trùng tu vào tháng 4-2007, khảo sát của Viện bảo tồn di tích cho thấy tất cả 48 cột của ngôi đình đều tiêu tằm và hư hỏng ở nhiều mức độ, có cột cái đã mục ruỗng gần hết, mái đình lợp đến 51 loại ngói khác nhau, gỗ của đình bị 17 loại nấm gây hại... Sau đó suốt mấy năm, quanh đình được che kín, không nhiệm vụ miễn vào, nay thấy “ngôi nhà chung của làng” đã được dựng trở lại, vẫn bề thế như trước, thêm phần vững chãi, sáng sủa, bà con mừng lắm! Ngày khánh thành công trình tu bổ 7/11 vừa qua, rất đông người già trẻ con kéo ra sân đình tham dự. Ông Nguyễn Quang



Đình Chu Quyến sau khi hoàn thành tu bổ

Nghĩa, 76 tuổi, trong đội nhạc lễ của địa phương tám tấc: Đình được làm lại, rất chắc! Cột kèo, các bức chạm không suy chuyển gì. Sân trước kia bị lở, bị mục, vống cả xuống, giờ thay gỗ tốt cả, mà lan can vẫn nguyên thế! Ông Nguyễn Danh Mi trong Hội người cao tuổi nói: Ngày xưa chúng tôi học mãi, nghịch mãi ở đây, nhìn ngắm ngôi đình cả ngày. Trước kia đình xuống cấp, ọ ẹ lăm, cái kẻ đằng sau sắp rơi đến nơi, phải chống tạm, chúng tôi mơ được sửa mãi. Nay làm xong, không có gì khác, người dân rất vui!

ÂM NHẠC VÀ THỜI CUỘC...

LÊ HOÀI NAM

HỒI này, không còn bận việc cơ quan, trong tôi mới hình thành một thói quen: nghe nhạc vào ban đêm. Nghe đủ thứ: nhạc cổ điển châu Âu, nhạc hiện đại Mỹ, Nhật Bản, Trung Hoa...nhạc Việt thì nghe dân ca ba miền, nhạc đỏ, nhạc vàng. Trước là khái niệm “đỏ” hay “vàng” là do trước đây người ta gọi để phân biệt âm nhạc của hai chế độ chính trị khác nhau mà thành quen miệng; quan niệm của cá nhân tôi thì gọi như thế là phiến diện, không chuẩn. Âm nhạc là một sản phẩm tinh thần đặc biệt, từ hiện thực đời sống muôn màu “táp” vào lòng người; lòng người sinh ra âm thanh muôn điệu, chứ không chỉ có “thuần đồ” hay “thuần vàng”. Gọi như thế chúng ta đã tự sơ lược, rề rúng một dòng nhạc, dù nó là “vàng” hay “đỏ”. Bấy giờ tôi có thời gian nghe lại khá nhiều bản nhạc mà xưa nay chúng ta vẫn gọi nhạc vàng, nhận thức ấy trong tôi càng được củng cố. Dù là nhạc “vàng” hay nhạc “đỏ”, cứ mỗi lần nghe xong một đĩa, chừng như trong tôi lại có một khoảng lặng, rồi nhớ tới những câu của thi hào Nguyễn Trãi.

loạn giá, nhạc khí, dậy tập nhạc múa...Hành khiến Nguyễn Trãi dâng bản vẽ khánh đá và tâu rằng: “Kể ra đời loạn dùng võ, thời bình chuộng văn. Nay đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Song không có gốc thì không thể dùng vững, không có văn thì không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng chiếu soạn nhạc. Không dám không dốc hết tâm sức. Nhưng vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật khó được hài hòa. Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc”. Vua khen ngợi và tiếp nhận. Sai thợ đá huyện Giáp Sơn lấy đá ở núi Kính Chủ để làm”.

Đọc đoạn này, chúng ta có thể hiểu: vua Lê Thái Tông sai hai vị quan văn trong triều dốc sức làm loạn giá, nhạc khí, dậy tập nhạc múa vào cái thời điểm mà vua quan nhà Lê đã trải qua một cuộc kháng chiến 10 năm, đánh thắng giặc Minh, mang lại nền hòa bình cho đất nước Đại Việt. Nguyễn Trãi quan niệm Hòa bình là gốc của nhạc, cho nên ông mới nói: Nay đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Khẳng định trước vua như thế, nhưng trong tâm Nguyễn vẫn còn những nỗi băn khoăn, bởi ông nhận thấy cái không khí hòa bình của đất nước có gì đó chưa ổn. Cũng

trang 527, sách trên, ghi về thời đoạn này: “Bọn hãnh tiến chán ghét học thuật, theo nghề đao bút (âm chỉ bọn thư lại chuyên năm giấy tờ sổ sách). Giám sinh cũng muốn bỏ việc học hành mà xin vào làm lại, cho nên cấm không cho thi. Lần thi này, những kẻ luồn lọt, tinh thác có tới một nửa...” Nơi thượng tầng kiến trúc mà có kinh thực học, thực tài, chạy theo thực dụng, hư danh, gian dối như thế, khỏi phải nói thêm, ta cũng có thể suy ra, cuộc sống của dân chúng cực khổ, lòng người bất an, oán thán đến thế nào! Như vậy, trạng thái hòa bình ở đây là có thật về hình thức, bởi giặc giã đã bị đẩy ra khỏi biên cương, bờ cõi, nhưng không thật về nội tình, bởi lòng người còn nhiều bất ổn, âu lo, sầu muộn. Điều này khiến Nguyễn tiên sinh, ở về sau của lời tâu, không thể không nói thẳng: “Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận, buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc”.

Hóa ra hòa bình ở đây là hòa bình trong lòng người! Ấy mới là điều quan trọng nhất. Đất nước hòa bình mà lòng người sầu bi, oán hận thì đâu còn cái “gốc” của nhạc? Ngược lại, có khi trong hoàn cảnh chiến tranh tạo loạn đầy thương đau mất mát, nhưng người nhạc sĩ vẫn sáng tác ra được những bài ca với

giai điệu trang trọng, hùng tráng hoặc mượt mà, tha thiết lay động lòng người. Chẳng hạn một loạt ca khúc viết về Trường Sơn, về Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa...những năm đánh Mỹ. *Hỡi cô gái Trường Sơn/ Đêm đêm em đi mở đường/ Nơi tiền tuyến xe anh qua/ Cho giọng hát em ngân xa...* (Đường Trường Sơn xe anh qua – Văn Dung). *Hay Ta đi trên đường Hà Nội rực rỡ chiến công/ Đường thênh thang Ba Đình lịch sử/ Đường tấp nập Hoàn Kiếm, Đống Xuân/ Nghe nào nức trong lòng/ Thủ đô ta sức sôi đánh Mỹ...*(Bài ca Hà Nội – Vũ Thanh)...
Rõ ràng, khi nghe nhạc, ta cảm nhận được lòng người, nhận biết được thể sự của một chính thể là vậy. Cuộc sống không có bom rơi đạn nổ mà giai điệu giản đơn, ca từ nhạt tẻch, tiêu sái, điều ấy nói lên xã hội đang phong bế, thô thiển về văn hóa; giai điệu mà khúc khoác, nhiều biến tấu nghịch, ca từ gào rú, dằn hắt, ấy là lòng người bất an, hiểm hóc, ác lẩn thiện; giai điệu mà nức nở, gấm gừ, eo óc như từ âm ti địa ngục vọng lên, ấy là cuộc sống đã trở nên vô vọng, tràn đầy bất công, trái khoáy, âm khí, không phương cứu chữa. Bởi vậy, khi một xã hội mà nghe âm nhạc có dấu hiệu suy vi, muốn chấn hưng thì trước hết phải bắt đầu từ sự di dưỡng lòng người, cải cách chính sự, sau mới lo chỉnh trang giai điệu, tiết tấu, chau chuốt và tăng chất văn học cho ca từ.■

Chú thích: (ĐVSKTT Tập 2, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 2003, trang 527).

(Tiếp theo trang 1)

dải đất mảnh dẻ hình chữ S của chúng ta chưa bị tàn phá bởi khối lượng bom đạn khổng lồ khủng khiếp hơn cả khối lượng bom đạn nổ trên các lục địa và các đại dương trong chiến tranh thế giới lần thứ hai; khi những thảm rừng chưa bị hủy diệt vì vũ khí hóa học và sự đốt nát; khi lòng người chưa bị những gương xấu và đổ dúng hiện đại tấn công dữ dội từ nhiều phía, nhiều chiều...

Tôi ngồi ở cuối lớp 4 A của con tôi. Sự thức dậy cứ ngọt ngào, và cả xót xa, lan tỏa trong người...

Cô giáo cũng không còn trẻ tuổi. Song đôi mắt cô vẫn còn rất đẹp, rất hiền. Cô nói không to. Giọng đều đều như cách xử sự của người từng trải trong hành trình vất vả mà mình ý thức được rằng sẽ còn kéo dài...Cả lớp có năm mươi chín học sinh thì cả năm mươi chín

- Thế cơ à? Vậy mà không ai nói để đến thăm cô!

Vừa dứt lời, tôi sực nhớ có hôm con tôi về kể là đêm qua cô giáo con bị ngắt nên cô giáo khác phải dạy thay tiết đầu. Chà, đúng là hôm đó tôi không lưu tâm đến điều ấy. Tôi cũng có hỏi lại cháu đôi câu, nhưng quả là hoàn toàn không thể ngờ rằng cô ngắt vì thức khuya chấm bài, vì những lời phê chính xác cho loại bài kiểm tra gần như hàng ngày của năm mươi chín đứa học trò lớp bốn...

Ăn hận trào lên trong lòng và càng làm tôi muốn viết.

Nhưng khi về đến nhà, như nhiều lần ăn hận, cảm phục hoặc tức giận khác, tôi không thể bắt đầu làm ngay cái việc mà một người cầm bút đúng nghĩa phải làm. Một đồng thứ cần giải quyết gấp đang chờ tôi. Chả là hồi này, vợ tôi hợp tác với chú em ở bộ đội về, làm bàn chông cắm hoa. Vậy là các việc đầu gạo, cơm nước...

từ lần họp trước, dù cứ vài hôm, con gái tôi lại vô tình nhập thêm vào tôi những tinh tiết mới về cô giáo nó.

Con tôi là lớp trưởng, là học sinh giỏi toàn diện. Cháu đã được giải nhì kỳ thi toán toàn quận. Nhưng điều đáng nói nhất là do công trình xây dựng một đội ngũ cán bộ gương mẫu có khả năng tự quản cao của cô, con gái tôi đã trở thành một đứa trẻ được nhiều người trong số nhà chúng tôi quý mến. Và cháu thứ hai của tôi, vốn hay chảnh chọc với chị và những nhéo với bố mẹ, trong năm qua, không biết từ lúc nào, cũng ngoan ngoãn hẳn lên, chăm học hẳn lên. Đương nhiên không phải chỉ vì chị nó chăm ngoan hơn trước. Cũng không phải chỉ vì trên tường xuất hiện cả thời gian biểu, bảng phân công công việc lẫn cơ thi đua của hai chị em. Và cũng không phải chỉ vì chị nó không những không còn mách bố mẹ những lỗi nhỏ của nó, mà còn lấy cả suất

em chậm tiến, số học sinh kém và quá kém cũng nhiều, cô không thể đưa lớp đạt được một phần thành tích như hiện nay, nếu không có sự hỗ trợ đặc lực của đội ngũ cán bộ lớp. Cô đặc biệt nhấn mạnh tác dụng của em lớp trưởng, trước khi cảm ơn một lần nữa sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của gia đình em cũng như của gia đình các em cán bộ lớp khác. Tiếng vỗ tay của mọi người dồn thời dậy lên. Nhiều vị ngoài nhìn tứ phía xem ai là phụ huynh của lớp trưởng mà quý thế. Còn tôi, mặt và cổ lập tức nóng ran lên như một người còn lòng tự trọng mà lại bị khen nhầm. Anh bạn ngồi cạnh, chắc trước đây cũng không ngờ tôi lại có "công tích" lớn đến vậy, quay sang nhìn tôi cười thân thiện và đưa tay bóp nhẹ tay tôi kèm theo một cái gật đầu.

Xong phần mình, cô giáo xin phép lui ra ngoài, nhường chỗ cho ban phụ huynh làm việc. Vị trưởng ban, vui vẻ, hồng

DƯỜNG NHƯ VĨNH CỬU

Truyện ngắn của TRẦN DŨNG

phụ huynh đều có mặt, và cũng như tôi, đều chăm chú nhìn cô và nghe cô nói...

Phong dáng cô giáo, hay sự chăm chú đầy vẻ thành kính của mọi người khiến tôi xúc động? Hay tại bấy lâu tôi đắm chìm vào những toan tính và những công việc "trần tục" nên suốt từ đầu năm chưa một lần tham dự họp phụ huynh học sinh? Hay tại những điều tôi nghe biết về cô, nào sự nắm vững ngay từ đầu năm tất cả những gì cô cho là hệ trọng liên quan đến từng học sinh bằng nhiều cách; nào sự dạy dỗ chu đáo, nhiệt tình và dễ hiểu tất cả các môn, trong giờ cũng như ngoài giờ; nào cách tổ chức lớp và lập những kế hoạch công tác đầy tính khoa học và hữu hiệu... đã tạo thành cơ sở cho việc cộng hưởng những gì cô đang nói? Chỉ biết rằng tôi cảm nhận được một cách sâu sắc: Cô chính là một giáo viên mẫu mực, một giáo viên giỏi, rất có trách nhiệm và rất yêu nghề. Đặc biệt khi cô nói: "Có nhiều điều đối với chúng ta bây giờ không còn mấy tác dụng, nhưng với trẻ em thì giá trị vẫn nguyên. Chẳng hạn việc nhận điểm, việc bình bầu, việc được khen ngợi, được nhắc nhở... Các cháu càng nhỏ thì những việc đó càng cần có thường xuyên và càng cần chính xác. Vì biết vậy nên tôi đã dành khá nhiều thời gian chấm bài cho các cháu thật kỹ lưỡng, mỗi tuần ít nhất bốn bài, và cố gắng trả bài cho các cháu thật đúng hẹn..."

Nhắm tính thấy số lượng bài cô giáo phải chấm trong một tuần, tôi hình dung ra được sự chán ngán ghê gớm, nếu tôi phải chấm. Bởi vì tôi đã biết rõ cái chán ngán ngay cả khi đọc một bản thảo khá, nhưng tới năm lần theo quy trình xuất bản. Đàng này, cứ năm mươi chín bài na ná giống nhau mà phải đọc kỹ liến trong một tối thì thật là... Đang nghĩ thế, tôi bỗng sững người vì thấy mình và nhiều vị ngồi đây đã mất cái vị trí là "phụ huynh học sinh", tức là không ở cái vị trí của người có trách nhiệm với con mình hơn cả, lo lắng cho con mình hơn cả. Ấy là khi cô giáo nói:

- Tôi phải trình bày vậy để các vị thông cảm và cũng dành một chút thời gian mỗi ngày, kiểm tra bài vở, nhắc nhở, động viên các cháu.

Anh ngồi cạnh ghé tai tôi bảo nhỏ:

- Tháng trước thức khuya chấm bài, cô giáo bị choáng, ngã ngất ở nhà, suýt nữa phải đưa đi bệnh viện đấy ông ạ.

Tôi quay sang:

đương nhiên chuyển cả sang tay tôi. Cũng may trình độ nấu nướng của tôi còn thấp nên thức ăn, trừ rau luộc, vẫn do vợ tôi làm. Hai cháu nhà tôi thì hiện tại vẫn bị vô hiệu hóa trong việc bếp núc, vì chỗ sinh hoạt của chúng tôi vừa chung đụng vừa quá chật và bất tiện, phải vài tuổi nữa các cháu mới nội trợ được một cách an toàn. Do vậy, tôi nửa bắt xong là đã đến giờ đi học ngoại ngữ, lúc học về thì đã một phở người. Thực ra, nếu vợ tôi không lao vào những cái bàn chông "cứu nguy" thì tôi cũng phải lổng lên tìm cách viết loại truyện "bán chạy", hoặc lịch sử một cơ sở, một cá nhân đang ăn nên làm ra...

Ở nhà đã vậy, đến cơ quan chúng tôi cũng bị cuốn vào rất nhiều việc không hợp với sở trường và chuyên môn của mình. Các phòng biên tập trước đây thường im ắng, thẳng hoặc mới có những cuộc tranh luận về văn học, về chính trị, xã hội, ở tầm quốc gia, quốc tế. Giờ thì thường xuyên ồn ào những chuyện làm ăn, những giá giấy, công in, giá thành, giá bán; những phần trăm nợ, phần trăm kia... Anh em nào phát hiện được một nguồn giấy hơi rẻ, hoặc một nơi nhiều tiền muốn có một tập sách về họ, lập tức biến thành trung tâm của vấn đề, ai nấy xúm quanh, bàn bạc rất chi là hỷ hã. Đây là những "phi vụ" lớn. Còn việc bổ sung có tính chất cấp thời cho đồng lương ngày một teo tóp, là hàng loạt những việc do Ban đời sống cùng trí tuệ tập thể nghĩ ra mà tôi không thể kể hết ra đây được, đầu chúng cũng đều nằm trong phạm vi cho phép cả. Thế nên, trong những khoảng thời gian yên tĩnh, chúng tôi cắm cổ vào làm phần việc chuyên môn của mình. Tuy các cuộc họp, chúng tôi vẫn nhấn mạnh đến việc nâng cao chất lượng sách, song tình thế như vậy, làm sao mà nâng cao được cơ chứ! Mọi sự, ăn thua đúng là ở cái mức độ thật! Ngay chính nhiều cộng tác viên cũng sẽ ngạc nhiên hoặc băn khoăn, nếu chúng tôi quá chu đáo hay quá quan tâm đến bản thảo của họ. Ngày trước, đọc được một câu đẹp, một ý mới, chúng tôi còn dừng lại, cuốn một điếu thuốc hút cho khoái, rồi bình luận với nhau... Giờ mà như vậy, hẳn sẽ bị ngờ là hâm hoặc giả vờ. Cũng may chúng tôi chẳng có nhiều thời gian và tâm trí dành cho công việc chính đó!

Cứ tui bụi như thế, vèo một cái đến lần họp phụ huynh cuối năm, tôi vẫn chưa thực hiện được chút nào cái dự định

keo của mình làm phần thưởng cho em... Phải nói rằng có hôm tôi cảm động lặng người trên gác xép, nghe đứa chị mười tuổi dạy bảo đứa em tám tuổi... Sự khúc chiết, mềm mại, kiên trì và kiên quyết ở mảnh gương nhỏ này dường như đã cho tôi thấy được cái thần của hình ảnh cao sáng mà nó phản chiếu.

Như người mang món nợ mỗi ngày một lớn mà chưa trả được chút nào, tôi lùi lùi đi đến cuộc họp cuối năm...

Tôi lại ngồi xuống cuối lớp, bên anh bạn đã ngồi cạnh tôi bốn tháng trước. Và lại như tất cả mọi người, chúng tôi cùng chăm chú nhìn lên đôi mắt hiền đượm buồn của cô giáo, chăm chú lắng nghe giọng nói không to, ấm áp nghĩa tình, và đầy trách nhiệm...Mọi sự hầu như không thay đổi. Hầu như không có bốn tháng đã trôi qua, bốn tháng đầy những nỗ lực, những lo toan, những biến động, trong từng người, trong giá cả, trong xã hội. Sự đổi thay cũng chỉ xảy ra trong báo cáo cô đọc về thành tích học sinh. Thành tích tưởng đã là kỷ lục không thể vượt qua của học kỳ I: ba mươi ba học sinh giỏi, tám sáu học sinh khá, không có học sinh trung bình; thì nay đã là năm chục giỏi, chín khá! Bên cạnh kết quả khó tin này còn có chiến thắng của hai đội học sinh giỏi văn, toán gồm mười em khá nhất được bồi dưỡng liên tục từ tháng mười: giải nhất đồng đội và cá nhân về toán, giải nhất đồng đội và giải nhì cá nhân về văn!

Những kết quả mọi mặt của học sinh lớp 4 A cứ lần lượt được cô giáo đọc lên, nghe bình dị như những điều tất yếu, như có gieo thì có gặt, có chăm sóc nhiều thì có bội thu trong một năm trời đất thuận hòa. Tiếng xuyết xoa, tiếng trầm trồ nho nhỏ, không ngớt buột ra từ miệng những người đang chú ý lắng nghe. Có vị phụ huynh không biết xúc động vì chi tiết gì, mắt nhòe ướn, bất giác rút thuốc lá, run run châm lửa rồi mới sực nhớ, bói rồi tắt vội đi.

Cuối cùng, cô giáo thay mặt nhà trường, cảm ơn sự giúp đỡ của ban phụ huynh, của toàn thể phụ huynh học sinh, nhất là của phụ huynh của những em từng chậm tiến và của những em dẫn đầu. Gương mặt cô bỗng sáng hẳn lên, cảm động, khi cô nói về vai trò của các em cán bộ lớp. Cô nói cô vốn không được khỏe, mấy năm nay sức lại giảm nhiều, cho nên với một lớp sĩ số rất đông, hai phần ba là em trai trong đó có mười

hào, bày tỏ mấy lời biết ơn to tát, rồi chuyển nhanh sang khoản chi tiêu gọi là "tài chính công khai". Tôi không lưu ý đến mấy. Chợt một vị phụ huynh còn trẻ đứng vụt lên:

- Tôi thấy lạ là chúng ta lại lấy làm phần khởi khi cô giáo bỏ cả tiền ra, như đồng chí trưởng ban nói, gần bằng một tháng lương của cô, để mua phần thưởng cho các cháu! Phải có cách trả lại cô số tiền đó! Chúng ta mang ơn cô giáo quá nhiều rồi!

Một vị khác cũng đứng lên:

- Đúng thế! Chúng ta không thể chỉ nói một lời cảm ơn đơn thuần! Càng với những người tốt, chúng ta càng phải cư xử tốt! - Vị phụ huynh khoát tay một cái, hình như vị định nói một điều gì thật tâm huyết, thật rõ ràng, nhưng bỗng thấy người ta dễ tưởng rằng mình bốc đồng, mình lên gân, nên chỉ nói nửa chừng: - Cần phải ghi nhớ...- Rồi vị lấy lại giọng bình tĩnh - Trước mắt, tôi đề nghị chúng ta đóng góp để biếu cô một tặng phẩm giá trị.

Tiếng hưởng ứng ầm lên:

- Đúng rồi! Đúng rồi! Nhất trí đấy! Đề nghị ban phụ huynh cho đóng góp luôn...

Một cụ xin phát biểu:

- Tôi có cháu nội học ở đây... Cháu tôi, chẳng nói giấu gì các bác, từ đầu năm trở về trước, học dốt, hư lắm... Nhưng chính vì thế tôi mới hiểu rõ thêm rằng cô Bảo Lan, cô ấy không phân biệt sang hèn giàu nghèo... Nhà con cháu cùng lớp, ở trên gác, học giỏi, cô lại còn ít đến hơn đến nhà tôi nhiều... Mà các vị thử nghĩ xem, ai đời, dạy phụ đạo thêm cho các cháu, hoàn cảnh bây giờ, mà lại chẳng thu một đồng nào! Thằng cháu nhà tôi, trước đến nay chưa hề được lên lớp thẳng, giờ đạt học sinh tiên tiến, tuy xếp thứ năm tư nhưng điểm trung bình những bảy phẩy bảy, được vào Đội, được giấy khen... Thật chẳng có gì đến đáp nổi...

Cụ nghẹn lời, không nói tiếp được nữa. Phòng họp ắng đi một lát, rồi lại ồn ào. Người ta nói với nhau và theo nhau đứng lên nói. Họ kể những suy nghĩ của họ và những đức tính, những biểu hiện đáng quý của cô. Và hầu như đều giống ông cụ phát biểu lúc trước, họ nhấn mạnh ở điểm những đức tính, những biểu hiện đó trong hoàn cảnh khó khăn bây giờ. Trưởng ban phụ huynh lại xin nói:

- Thưa các vị, về việc không nhận tiền thù lao với những cháu học thêm, chúng tôi cũng đã nói với cô nhiều lần. Nhưng cô

cương quyết từ chối. Cô bảo trong lúc này, nhận là hoàn toàn đúng, nhưng cô không muốn. Cô nói mình đang cần em kém thành trung bình, em trung bình thành khá, thì lẽ ra còn phải thưởng cho các em khi các em đến học thêm... Vâng, chúng tôi cũng có nói hoàn toàn là do các phụ huynh tự nguyện và sẽ thu tiền không cho các cháu biết, ai ngờ cô lại từ chối cương quyết hơn... Đúng là cô đã nói dứt khoát cô còn dạy học thì hãy cứ cho cô được như vậy. Vâng, chúng tôi đã bàn và thấy cũng phải... vâng... phải tôn trọng... cá tính của cô.

Có tiếng cười của ai đó vang lên cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi. Tôi cũng đang hơi buồn cười vì nghĩ rằng cái sự "tôn trọng cá tính" này chỉ nửa bước nữa là thành coi nó như một điều tất nhiên. Rất có thể phần lớn vì vậy mà tạo ra sự vô ơn của những người phải chịu ơn, sự thiếu trách nhiệm của những người có trách nhiệm. Và thế là suốt cả một thời gian dài, gần như anh xấu ngang hàng với anh tốt, người lười bình đẳng với người chăm, anh ở nội thành nhiều lương hơn anh cùng cấp nơi thâm sơn cùng cốc, người ăn cơm với vợ quanh năm cũng ngần ấy ngày phép như anh triển miển xa nhà, người dạy sáu mươi học sinh lên lớp trăm phần trăm cũng chẳng hơn gì người chủ nhiệm một lớp ba mươi em mà lại bị đúp một phần ba...

Vị trưởng ban nói tiếp:

- Về chuyện quà tặng, thưa với các vị là tặng quà cô Bảo Lan rất khó. Có đồng chí phó ban đây biết, ngay cả khi cô ốm nói học kỳ I hoặc tết nhất... Mà nói cho cùng thì cô chẳng nhận của chúng ta chút gì. Chỉ riêng những thứ tính được bằng tiền cô đã cho các cháu, khi thì cái bút cái thước, khi thì quần áo giày dép cho những cháu nhà nghèo, khi thì phần thưởng đột xuất, cũng đã gấp mấy lần chúng ta biếu cô...

Sau lúc xấu hổ đỏ mặt đỏ cổ, càng nghe những lời phát biểu của mọi người, tôi càng hiểu vì sao lớp cô Bảo Lan năm nay đạt được thành tích khó tin như thế, và càng thấy lòng mình bị cắn rứt. Đồng thời, cái cảm giác muốn đi đến tận cùng của sự việc cũng nổi lên. Tôi muốn nhìn thật thấu đáo những nguyên nhân, những cơ sở của những điều đẹp đẻ mà tôi đã thấy và đang thấy đó.

Một vị đứng tuổi, có lẽ là cán bộ lãnh đạo của một cơ quan quan trọng, đứng lên nói rành rọt:

- Cô giáo Trương Bảo Lan là người đã liên tục mười năm nay đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" của trường, liên tục mười năm nay được công nhận là "Giáo viên dạy giỏi" cấp thành phố, "Giáo viên chủ nhiệm giỏi" cấp thành phố. Công lao của cô đối với xã hội, với con em chúng ta, với chính chúng ta, không nhỏ. Rồi đây chắc chắn Nhà nước sẽ có những chính sách động viên, đãi ngộ xứng đáng, công bằng, cho ngành giáo dục, nhất là cho những giáo viên như cô. Song chúng ta đều hiểu rằng, chỉ riêng việc một em nhỏ, thôi không hướng đến bunn lấy, lấm lổ, chuyển sang hàng ngũ của những học sinh tiên tiến, thực sự đã là một điều vô giá. Nó lớn hơn việc sửa chữa được một cái máy hoặc sản xuất ra một cái máy, rất nhiều... Thế cho nên, cả món quà chúng ta định tặng cô, dù lớn đến đâu, cũng chỉ là để biểu lộ sự kính trọng, sự biết người biết của của chúng ta. Nhưng tặng phẩm càng to, ý nghĩa càng dễ bị chuyển dịch. Bởi vậy tôi đề nghị mỗi người đóng góp tùy khả năng nhưng tôi đa là như các lớp khác, để mua tặng phẩm biếu cô. Nếu ban phụ huynh thấy khó đưa đến cô thì tôi xin nhận trách nhiệm này.

Vị phụ huynh đáng kính đường bệ ngồi xuống trong tiếng tán thưởng của mọi người. Quả là ông đã nói hộ nhiều

người và nhiều người cũng nhờ ông mà biết rõ thêm thành tích của cô giáo, kể cả tôi. Và tôi thấy hơi bị tên vì tưởng mình sẽ có công "phát hiện", hóa ra vị trí của cô đã được công nhận từ mười năm nay!

Một chị còn trẻ ngồi bàn trên, không rõ là cán bộ tổ chức, phóng viên, hay cũng là một giáo viên, nét mặt nghiêm trọng, quay sang hỏi khẽ chị bên cạnh:

- Này, nhà cô giáo có khá không nhỉ?

- Cũng khá. - Chị bên cạnh trả lời. Chị hơi lưỡng lự một chút rồi nói thêm: - Nghe nói gia đình cô có người nhà ở bên Pháp.

- À!...

Dẫu biết những thông tin loại này trọng lượng thường chẳng là bao, nhưng cùng với tiếng "À!" kiểu "Ôreca!" đó, tôi vẫn thấy lòng mình vụt nhẹ bổng như trút được gánh nặng, và cũng thấy luôn cái vị chua chát, cái cảm giác bị hẫng. Xem ra, tôi cũng đúng là một người tầm thường!... Chợt tôi giật mình vì giọng nói nghiêm khắc vừa đủ nghe của anh bạn ngồi bên:

- Xin lỗi vì đã nghe chuyện của hai chị. Nhưng tôi cũng xin được nói rõ thêm là: bên Pháp chỉ có mấy đứa cháu con người anh cùng cha khác mẹ của cô giáo thôi. Tôi ở gần nhà cô, tôi biết rõ thế.

Anh bạn dừng lại, nhìn tôi nói nhỏ hơn:

- Mà dù nhà cô giáo có giàu sang sung sướng thật, cô chỉ tốt bằng một góc hiện nay cũng đáng để ta kính trọng rồi.

Hai chị bàn trên im thin thít. Tôi cũng ngưng quá. Đúng là anh bạn không ngờ rằng lại một lần nữa đẩy tôi vào thế "tiến thoái đều gay". Nhưng lần này thì đến lượt tôi mỉm cười và đưa tay sang bóp nhẹ tay anh kèm theo một cái gật đầu.

Hop xong, phần vì có thêm người bạn mới, phần vì muốn được nghe chính anh kể về cô giáo Bảo Lan, tôi mời anh đi uống cà phê ở một cửa hàng gần trường. ấy là do trong túi đang có tiền bốc sách, bó sách vừa lĩnh, tôi mới có thể hành động theo ý muốn như vậy.

Sau khi hút gần hết điếu thuốc và đã nói với nhau sơ sơ về bản thân, về gia đình, tôi nói:

- Này, ông bảo sắp tới liệu cô giáo có được chuyển lên làm lãnh đạo không?

Anh bạn nói:

- Người ta định để bạt cô làm hiệu phó từ lâu rồi đấy chứ. Nhưng mà cô giáo từ chối.

Vậy là một dự đoán nữa của tôi bị nhầm. Tôi loanh quanh sang một số lĩnh vực khác rồi lại hỏi như vừa chợt nghĩ ra:

- Thế theo ông thì vì sao cô giáo lại có trách nhiệm, nhiều nhiệt tình và yêu nghề dạy học đến thế nhỉ?

Anh bạn cười:

- Ông bảo ông là nhà văn mà tôi thấy ông buồn cười quá. Đến cụ bà nhà tôi mà còn nói được rất chi là vấn tất và để

hiếu: "Tại chị ấy phúc hậu, tính chị ấy yêu trẻ" nữa là! Đơn giản vậy thôi. Cô giáo có trách nhiệm, nhiều nhiệt tình, là vì cô có tính yêu trẻ, yêu nghề dạy học. Còn vì sao có tính ấy, vì sao mà yêu, đổ ai giải thích hết bằng lời được!

Thú thực rằng dù rất ưa sự thẳng thắn, lúc này tôi cũng không khỏi sượng mặt. Vì sượng mặt nên tôi thiếu tỉnh táo đến nỗi văng ra một câu hỏi thô lỗ như để chứng tỏ mình cũng "trình độ" lắm chứ chẳng phải thường đâu:

- Ờ, tất nhiên! Nhưng mà tôi hỏi ông, ngoài tiền lương, gia đình cô sống bằng gì?

Cái giọng nghiêm khắc đã làm hai chị bàn trên im thin thít trong cuộc họp, chợt thay thế cho sự thân mật bằng hữu mà anh bạn vừa dành cho tôi:

- Đúng, ông đi đúng vấn đề đấy!

Nhưng với cô Bảo Lan, nếu là nhà văn nhà báo như các ông thì dù chết đói cô ấy cũng không viết những loại mà tôi đánh giá ba phần tư là thuốc độc và đối tượng đọc phần lớn là trẻ con! Song cô giáo làm sao mà chết đói được. Cô nhận vất vả, vạ may. Cô làm được cả bánh nướng bánh dẻo. Chồng cô cũng là giáo viên. Anh ấy dạy tiếng Nga và đã về nghỉ mất sức vì bệnh phổi...

Anh bạn dừng lại, mắt trằm xuống nhìn ra xa. lát sau nét mặt anh đã trở lại bình thường, nhưng tôi thấy không còn giống mấy chút cái lúc anh bày tỏ sự thân mật và tôn trọng đặc biệt. Rồi như một người đàn anh rộng lượng và nóng nảy, anh nheo mắt nói thêm vài câu đùa vui về và đứng phát dậy vào trả tiền cà phê khiến tôi không kịp ngăn. Lúc ra đường, anh bắt tay tôi nói:

- Đừng giận tôi! Vì tôi tưởng các ông chỉ nhìn thoáng qua cũng hiểu rõ tất cả. Hôm nào đến tôi chơi, tôi sẽ dẫn sang nhà cô giáo, còn khỏi chuyện hay.

Chắc chắn hôm nào đó tôi sẽ đến anh. Người như anh chỉ có thể mến chứ làm sao mà giận được! Còn bây giờ, tôi phải về ngay nhà. Tôi sẽ tạm để tất cả những thứ đang kéo gập cổ tôi xuống sang một bên, và ngồi vào bàn viết. Hôm nay trong tôi ào ạt những âm thanh của sự khát khao, bức bối, được góp một phần; dù là rất nhỏ, để những thiên tính cao quý và tình yêu nghề nghiệp được trở về vị trí ngang bằng với những phẩm giá tuyệt vời khác của con người; để những ai có trong mình những thiên tính cao quý đó không bị thiệt thòi, không bị chìm đắm, không bị nghi ngờ... Trong tôi hôm nay còn cả một niềm mong muốn được xứng đáng phần nào với những người mà tôi kính trọng đó.

Họ hơn hẳn tôi và cả nhiều người xung quanh tôi. Họ thủy chung, tròn trặn. Họ cũng đang vật lộn như chúng tôi với mọi khó khăn để cùng gia đình tồn tại,

nhưng vẫn làm tròn trách nhiệm mà tạo hóa và cuộc đời giao phó.

Nhiều năm trôi qua. Các con tôi đều đã trưởng thành. Cô Bảo Lan đã về hưu từ lâu. Tôi cũng mới về. Mừng Một Tết năm đầu tiên hiểu được nỗi buồn mệnh mang của những người đi trước, tôi ngồi mãi ở nhà, rồi thả bộ dọc đường Phan Đình Phùng, vòng ra Hàng Than tới nhà thủ trưởng cũ. Nhà thủ trưởng cũ của tôi còn vắng lặng hơn cả nhà tôi. Chúng tôi ngồi với nhau chừng nửa tiếng. Chẳng có khách nào nhưng tôi vẫn xin phép ra về. Lúc về, tôi đi đường Nguyễn Trường Tộ. Nhà cô Bảo Lan kia, tôi vẫn còn nhớ rõ. Tôi hơi chợt dạ vì trước cửa nhà cô để rất nhiều xe máy xe đạp, và rất nhiều người. Cảnh này càng nổi bật vì hai bên nhà cô là những khách sạn mới mọc lên, ngày thường đã vắng, Mừng Một Tết lại càng vắng. Đến gần hơn, tôi thấy rõ những người vào ra đều rất tươi tỉnh. Hầu hết là thanh niên trên dưới các con tôi năm bảy tuổi. Tôi tự cười mình vì chợt nhớ các con tôi năm nào cũng đến thăm cô vào dịp Tết hoặc ngày 20 tháng 11.

Một ông lứa tôi hiện ra ở cửa. Người tiên chính là cô Bảo Lan. Vẫn cái dáng nhỏ nhắn, nhanh nhẹn mà rất mực đường hoàng... Còn người được tiễn, không thể nhầm được, chính là người đã cùng ngồi uống cà phê với tôi năm xưa và đã cho tôi một bài học giá trị. Ông ta hoan hỷ bước xuống các bậc thềm, rồi ra lấy xe máy. Tôi đi đến sát ông, nhìn ông thân thiện, miệng sẵn nở một nụ cười:

- Chào ông!

- Vâng, chào ông.

Tôi biết ngay ông chẳng nhận ra tôi. Đúng là tôi đã già quá thật. Đến chính tôi có hôm còn giật mình vì bất chợt trông thấy mình trong gương. Tôi vui về nói khi đã nhắc lại những cảnh cũ và ông đã nhận ra:

- Ấy, sau đó tôi viết được một bài thích ra phết về cô.

- Thế à? Thế ông có gửi đăng báo không?

- Sao không? - tôi cười - Viết là phải đăng ở đâu chứ!

- Quý quá! Thế cô giáo có biết không?

- Có chứ, tôi gửi biếu cô ba tờ mà!

Tôi hơi chạnh lòng. Ngày ấy, bài tôi viết về cô giáo in ra, phát thanh ở cả hai đài. Tôi rất hể hả, song cũng chỉ có một bạn viết bảo tôi là bài mày viết về cô giáo nghe được đấy. Các con tôi thì bây giờ nếu hỏi, cũng chỉ nhớ loáng thoáng bố từng viết về cô giáo Bảo Lan của mình. Còn tất cả những người đang quây quần xung quanh cô kia, kể cả tốp thiếu niên vừa riu rít ào tới, chắc chả ai biết tí gì. Ấu đó cũng là lẽ thường, nhất là khả năng thể hiện của tôi lại hạn hẹp, rất hạn hẹp. Nhưng quả thật, những gì là tự nhiên hoặc gần như tự nhiên, đâu cần đến những lời khen ngợi. Khen hay chê cũng vậy thôi, chẳng ảnh hưởng gì nhiều...

Mưa xuân vẫn bay bay. Tôi thoáng nghe bên tai tiếng con gái lớn nói với tôi ngày nào: "Cô giáo con bảo phải lấy giấy lau sạch những bát đĩa nhiều mỡ, rồi mới rửa bố ạ!..." Bất giác tôi mỉm cười. Tôi chợt nhìn thấy cảnh một Mừng Một Tết trong tương lai không xa, các con tôi đến đây cùng những đứa con của chúng. Và những công dân tí hon của Thiên niên kỷ mới đang khoanh tay kính cẩn:

- Chúng - cháu - chào - bà - ạ!

Vâng, vì nhiều lẽ, mọi vật trước mắt tôi cứ nhòa đi. ■



ĐỌC “HOA NGỌC BÚT” CỦA NGÔ NGỌC BỘI

BÀI bút ký *Hoa Ngọc Bút* của Ngô Ngọc Bội đăng trên báo *Văn nghệ* số 38 (18-9-2010) đã có nhiều điều khá lý thú.

Tác giả đã trình bày sắp xếp theo một hệ thống nội dung sự việc bằng nhiều tình tiết, chi tiết sống động, hấp dẫn. Cứ kết thúc một sự việc lại mở cho sự việc sau rồi nâng lên thành tầng thành lớp kéo người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, đến cuối bài mới trở lại nhan đề và cũng là điều tác giả muốn đề cập đến.

Bảo là nhân vật trung tâm từ đầu đến cuối, nhưng cứ bước sang một sự việc lại xuất hiện thêm một vài nhân vật mới, bút ký nặng yếu tố truyện. Mỗi sự việc tình tiết là một chuyện nhưng cách chuyển tiếp rất liến mạch. Cách viết lôi cuốn sự tò mò người đọc.

Bài bút ký có hai phần lớn: Chuyện Bảo đi tìm hai đứa em của vợ mình. Khổ một nỗi anh chưa hề biết mặt mũi, đặc điểm nhân dạng của hai người em ra làm sao. Các em đi về phương hướng nào. Đúng là tìm chim giữa trời. Tiếp là chuyện “thay nhà” (sang tiểu) cho thấy Lê Đôn bố vợ anh bị xử oan trong cái cách ruộng đất và việc suy tôn *Hoa Ngọc Bút* là Quốc hoa của nước.

Rất khó khăn nghĩ ra nhiều phương kế anh mới đến được nơi cần tìm và tiếp cận được hai đứa em. Anh suy nghĩ để tìm cách gọi chuyện. Điều làm anh hết sức bất ngờ là mới chỉ có bốn năm chưa phải là dài mà hai đứa em đã thay đổi hẳn. Anh suy nghĩ... “Thằng Vàng, con Vọng con nhà khá giả, văn minh. Bố nó có cả một buồng sách, nó đã học hết lớp 8 năm nào cũng nhất trường...”, bây giờ “đã biến thành người Dao nhuan

nhuyễn, say sưa...”. Anh đã phải thốt lên... “VẬY người văn minh trở thành người ăn lông ở lỗ có khó gì. Bảo nghĩ mà nước mắt trào ra...”.

Đang từ suy nghĩ rồi anh gọi chuyện và nói thẳng với hai người em... “Anh nghe lời chị Mẫn của các em. Anh phải lần mò ba bốn tháng mới thấy các em. Quê ta sửa sai cái cách ruộng đất rồi (...) đã được minh oan. Nhà đã được trả lại (...) bây giờ em phải về mà trông nom gia đình, thờ phụng tổ tiên...”. Người em chỉ trả lời gọn lỏn: “Tôi không về được” và rồi trong đêm anh ngủ say hai đứa em đã bỏ anh lại trốn đi không một lần từ biệt. Tác giả chỉ lạnh lùng cho nhân vật Bảo không nói gì thêm! Thật là ngày huynh đệ trùng phùng lại là ngày anh em cách biệt.

Cũng như thế, phần hai tác giả cũng liệt kê sự việc không bộc lộ cảm xúc. Vâng, đây là cây bút lão luyện vững tay nếu không sẽ chênh vênh sa đà tạo ra sự kích động oán thán như tình tiết “thay nhà” cho thấy Lê Đôn. Qua ngòi bút tác giả, Bảo là người cẩn thận biết nén cảm xúc. Khi dân làng đến hỗ trợ đã tìm được hài cốt. Bảo là người hoạt động... “Sao có lẫn cả dây dù? Ôi! Đây là dây trói thấy. Bảo đỡ hai khúc xương còn bị trói vùi thả vào nổi nước ngũ vị chìm xuống đáy. May mà bà Đĩnh chưa nhìn thấy, Mẫn chưa nhìn thấy...”.

Mọi việc sau khi đã hoàn tất cung đoạn cuối cùng lễ xong cả nhà ăn uống thì bất ngờ thấy... “một ông từ xã bên cạnh trạc 50 tuổi xách cái túi vải đến. Ông bước vào nhà rất tự nhiên (...) ông lôi từ trong túi ra cái bát hương cổ, rồi tự đặt lên bàn thờ...”. Qua lời giới thiệu của ông

“ông quen thân ông Lê Đôn từ khi còn nhỏ”. Việc ông mua cái bát hương không phải để thờ cúng vì ông là người công giáo không có phong tục cúng và thắp hương. Lý do chỉ vì biết cái bát hương đó là của nhà ông Lê Đôn. Cái bát hương đó hiện nay có thể đổi được một chiếc xe đạp tốt. Nhưng vì kính trọng ông Lê Đôn là một văn nhân văn hóa, là người hiếm hoi nên ông tự nguyện trả lại của gia bảo cho gia đình để thờ phụng tổ tiên.

Trước một hành động tốt cần phải được tạ ân xứng đáng với một người có ý thức văn hóa, Bảo nghĩ ngay đến bụi hoa ngọc bút thấy trống khuất sau nhà là một loài hoa quý. Bảo đã bảo người nhà cắt một bó để tặng ân nhân.

Từ loại hoa quý hiếm mà chỉ có thấy Lê Đôn, một người có kiến thức sâu rộng, có đôi mắt tinh đời mới biết được loài hoa quý nên trống “khuất” sau nhà không muốn cho ai biết, bó hoa này giá trị phải chăng cũng tương đương với bát hương cổ. Nhà văn muốn đề nghị với quốc gia tham khảo tôn vinh là Quốc hoa của nước.

Đầu để bài bút ký được nhắc lại đoạn cuối cùng là điểm nhấn và cũng là kết thúc.

Bài viết không dài. Để tài không mới. Nội dung tình tiết cũng là những chuyện đời thường (sinh hoạt) của một gia đình nông thôn miền Bắc vào những năm 60 của thế kỷ trước. Cái mà thu hút, lôi cuốn hấp dẫn người đọc là nhờ tác giả biết chọn sự việc tình tiết, chi tiết một cách hệ thống tiếp nối nhau hợp lý ở bố cục bài viết tạo ra được chiều sâu và các điểm nhấn. Đằng sau những câu chữ bình dị, ngôn ngữ mộc mạc, câu văn ngắn gọn đại chúng còn có những lớp ngữ nghĩa tiềm ẩn (vô ngôn) như những lớp quặng trầm tích nằm sâu trong lòng đất có giá trị thông điệp được nhiều điều dành cho người đọc suy ngẫm.

Nếu không phải là Ngô Ngọc Bội - một nhà văn chuyên viết về nông thôn của những thập kỷ cuối của thế kỷ XX đến nay với nhiều bộ tiểu thuyết nổi tiếng thì không viết được như thế.■

NGUYỄN VIỆT CHƯƠNG

Xóm 3 - Nghi Kim, Tp. Vinh, Nghệ An

THƯ MỜI CỘNG TÁC

Trong quý I năm 2011, để chào đón năm mới, và chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, báo *Văn nghệ* sẽ ra các số đặc biệt:

Số Tết Dương lịch (gồm 2 số 1+2) với 48 trang ruột + 4 trang bìa giấy couché, ra ngày Thứ Bảy, 01-01 - 2011.

Số Tết Tân Mão (gồm 3 số 5+6+7) với 72 trang ruột + 24 trang *Phụ trương Truyện ngắn* hay trong năm 2010 + 8 trang bìa giấy couché.

Phát hành ngày 12- 01-2011, tức ngày mồng 9 tháng Chạp năm Canh Dần.

Đã thành thông lệ, các số báo đặc biệt, trong đó có số Tết Nguyên đán của báo *Văn nghệ* – Hội Nhà văn Việt Nam vẫn được coi như một món quà văn hoá không thể thiếu được của mọi gia đình. Để phát huy truyền thống tốt đẹp đó, Ban Biên tập Báo *Văn nghệ* trân trọng kính mời các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, hoạ sĩ, nghệ sĩ và cộng tác viên đóng góp tác phẩm tâm đắc của mình.

Bài cho số đặc biệt Tết Tân Mão xin được gửi đến Toà soạn Báo *Văn nghệ* số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội hoặc hộp thư điện tử thukyvvn@gmail.com trước ngày 31-12-2010.

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt thành của các tác giả.

VĂN NGHỆ

“HỒI SINH” SAU BA LẦN BỊ TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Đó là trường hợp của ông Hoàng Minh Đạo – một giáo viên cấp III sống tại Cụm 6, thôn Kỳ Úc, thị trấn Phúc Thọ, Hà Nội. Có thể nói ông đã “từ cõi chết trở về” sau cơn tai biến để lại di chứng rất nặng nề. Và ông cũng là một trong nhiều bệnh nhân may mắn phục hồi rất tốt sau tai biến mạch máu não nhờ có phương pháp điều trị thích hợp.



Ảnh minh họa

NẾU không để ý đến dáng đi thì ít ai có thể ngờ cách đây 3 năm ông từng “liệt giường liệt chiếu”. Giọng trầm ấm, hài hước của một thầy giáo dạy văn thì vẫn còn vẹn nguyên, ông Đạo kể: “Đầu tháng 7/2007, chỉ vài ngày mà trong gia tộc tôi có tới 2 người trẻ tuổi ra đi đột ngột”. Là con trưởng và là trụ cột chính, ông Đạo phải đơn đao lo nhiều việc với niềm tiếc thương vô hạn với người đã khuất: “Ba đêm thức trắng, cộng với việc ăn uống thất thường làm tôi mệt mỏi, đầu đau như búa bổ”. Khi công việc xong xuôi, ông vẫn giữ thói quen đi bộ, nhưng: “Mỗi đi được khoảng 200m tôi bỗng thấy toàn thân tê dại, chân tay co rúm. Lúc này, tôi đã có linh cảm là mình bị tai biến mạch máu não”.

Ngay hôm đó, gia đình đưa ông Đạo tới bệnh viện khám bệnh. Kết quả cho thấy ông bị nhồi máu bán cầu não trái với triệu chứng liệt nặng. Sau một tháng điều trị, bệnh của ông có đỡ đôi chút, tuy nhiên, vẫn không thể đi lại được.

Tình hình điều trị ngoại trú trong khoảng 3 tháng sau đó không tiến triển được bao nhiêu, thì bất ngờ: “Đầu tháng 01 năm 2008, tôi lại phải cấp cứu tại bệnh viện vì bị cơn tai biến khác. Hơn 20 ngày sau, tôi được xuất viện về ăn Tết”. Tình trạng bệnh của ông khi đó cũng có tiến triển, nhưng di chứng chưa cải thiện là bao.

Tuy nhiên, chỉ được vón vện 11 ngày, đúng ngày 4 Tết 2008, bệnh của ông lại tái phát theo chiều hướng xấu. Ông Đạo được người nhà đưa thẳng xuống bệnh viện dưới Hà Nội nằm điều trị một tháng mà “chân tay vẫn thế, chẳng có tiến triển gì”. Vốn trí tuệ còn minh mẫn hoàn toàn, ông hiểu rằng, bệnh này thật “khó sống chung” nếu cứ tái phát liên tục. Ông bị rơi vào trạng thái trầm cảm, không muốn nói chuyện với những người đến thăm. Bệnh của ông càng nặng, như lời vợ ông: “Ông ấy đổ bệnh lần thứ 3 tưởng chết”.

Với gia đình ông Đạo thì “còn nước còn tát”, ông chuyển sang khoa Đông y của bệnh viện nằm điều trị một tháng rồi. Trong thời gian ở đây, ông được giới thiệu về Nattospes – sản phẩm có khả năng hỗ trợ điều trị tai biến mạch máu não hiệu quả. Gia đình quyết định cho ông dùng thử với 4 viên/ngày. Thật diệu kỳ, tình hình sức khỏe của ông tiến triển theo chiều hướng tốt. Ông xuất viện với niềm hy vọng sẽ phục hồi và trở lại sinh hoạt bình thường. Không giấu nổi niềm vui, ông cho hay: “Chỉ sau hơn 3 tháng dùng Nattospes, tôi thấy mình khỏe hơn, ăn được, ngủ được, lên cân, dần dần chân tay lại co duỗi được, đi lại được và tự làm các sinh hoạt cá nhân”. Tin tưởng sản phẩm Nattospes, hiện nay ông vẫn duy trì 2 viên/ngày.

Nhờ lại những ngày tháng vật lộn với những cơn tai biến, ông Đạo không khỏi bùi ngùi: “Khi chưa biết đến sản phẩm Nattospes, tôi cứ bị tái phát liên tục, sau gần 3 năm uống đều đặn, đến nay, tôi không còn bị tái phát nữa. Hiện nay, tay tôi đã cử động được gần như cũ, từ chỗ không thể cầm bút thì nay đã viết được rồi. Tôi thấy uống Nattospes cho kết quả rất khả quan, lại là thực phẩm chức năng nên không có tác dụng phụ gì và có thể yên tâm sử dụng lâu dài”.

Vẫn giữ giọng hài hước, sởi nổi, ông Đạo tiễn chúng tôi ra về với ánh mắt rạng ngời, thể hiện niềm vui của người “được hồi sinh” sau tai biến mạch máu não.■

Thủy Dương

(Theo Bảo vệ Pháp luật cuối tuần – Số ra ngày 4/9/2010)

CHUYÊN LÀNG VĂN NGHỆ

ÔNG Quách Tào, em ruột nhà thơ Quách Tấn, là người bạn vong niên của nhà thơ Tế Hanh. Năm 1935, ông Tào làm thừa phái tỉnh Quảng Ngãi, năm sau làm ở phủ Bình Sơn, quê Tế Hanh. Những lúc buồn rầu, ông Tào thường lên chơi Châu Ô, ra ngắm sông Trà Bồng và quen biết cụ Trần Tố, thân sinh Tế Hanh.

Quách Tào và Tế Hanh thân nhau, dù ông Tào hơn Tế Hanh đến 9 tuổi. Cả hai người đều yêu thơ Nguyễn Bình. Quách Tào yêu Tế Hanh bởi những bài thơ tuổi hoa niên. Tế Hanh thích Quách Tào ở giọng ngâm thơ rất hay và những câu thơ của bạn:

TÌNH BẠN GIỮA QUÁCH TÀO VÀ TẾ HANH

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

Chân trời muôn dặm trường giang
Mây vương tơ gió lạng thang lung đối
Về đâu tá ngời ngôi cạnh nhẹ
Nửa liềm trăng lọt khe dương chi

Sau này, tập kết ra Hà Nội, ông Tào làm chuyên viên ở Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, vẫn thường đi lại thăm chơi với Tế Hanh và ngược lại. Khi ông Quách Tào về hưu ở một mình lại buồn vì thế sự, ngày Tết cũng chỉ một mình chơi cờ tướng giải khuây. Thấy vậy, Tế Hanh làm bài thơ *Đánh cờ một mình* tặng bạn:

Nhớ bạn ngày xuân tìm đến bạn
Về hưu nhà chật cảm thêm tình
Thuở xưa đá bóng hăm hai đứa
Cờ tướng nay anh đánh một mình

Quách Tào rất thích thơ Tế Hanh bởi tính giản dị mà điêu luyện. Thương bạn mắt đã mờ không đọc được sách nữa và "Thương sách":

Bụi nhòa, gián gặm, thương cho sách
Quên cả thương mình đọc được đâu.

Nhớ bạn nhưng không đi thăm được, Tế Hanh viết thư cho bạn. Mắt nhà thơ đã kém nên viết hàng nọ chống hàng kia, chữ nọ xiên chữ kia. Quách Tào đọc thư không được, viết lại cho bạn (dưới hình thức bài thơ), ngày 16-4-1997:

"Thân gửi anh Tế Hanh,
Nhận thư anh rất mừng/ Nhưng đọc, đọc không được/ Chữ thiếu nét, thừa khung/
Dòng sau đè dòng trước/ Hữu tự kinh/ Tâm tâm không tương ứng/ Hiểu riêng mình với mình/ Hiểu rồi lại sợ lẫn/ Chờ có dịp thăm anh/ Sẽ tỏ rõ sự tình/ Thân/ Q. T".

Ông còn tặng nhà thơ bài *Suy nghĩ* của mình để anh nhờ chị đọc cho vui - (Già yếu không còn sức/ Biết làm chi cho đời/ Câu xưa dạy: trống trù/ Để ngắm chung cùng người/ Không đất để trống trù/ Ta trống chầu cọ lùn/ Nhìn cọ xòe ô lức/ Bạn thư giãn tâm hồn/ Minh an cho người an/ Dữ chừng lạc cộng lạc/ Biết vui cùng người khác/ Ung dung tâm tự khoan...".

Đó là một tình bạn văn chương thật đẹp.■

KHÓC KHI NGẮM HÀNG TRONG CHỢ

LÊ QUANG HÀO

TÔI theo nhà văn Nguyễn Thành Long, nhà thơ Phạm Hồ, nhà nghiên cứu xã hội Tất Đắc về Nghĩa Bình (Quảng Ngãi – Bình Định) nhân kỷ niệm mười năm giải phóng quê nhà (1975-1986). Vào trước hai ngày, thời gian rảnh, nhà thơ Yến Lan mới về nhà chơi. Nhà cách thành phố Quy Nhơn chừng hơn mười cây số. Chín giờ: xe về đến nơi. Anh Long, anh Đắc sà vào tủ sách của Yến Lan lục tìm, lấy ra mấy cuốn tiếng Pháp, chữ Hán, tiếng Việt, say sưa đọc Phạm Hồ bảo nhỏ tôi.

- Minh ra chợ chơi, kệ tụi nó.
- Chợ ở đâu hả anh?
- Cách đây vài ba trăm mét.

Tôi theo anh ra chợ. Chúng tôi lội khắp. Lâu rồi mới có dịp về chơi chợ quê miền Trung gặp cảnh bà con mua bán, ăn quà cười nói râm ran, nhìn hàng bày bán: mắm ruốc, mắm khô, dứa, dưa, trầu cau, cá mủ, gà vịt, mắm muối... tự dưng xúc động, nhớ ngày bé theo mẹ đi chợ. Bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ ứa về. Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau, không ai nói với ai lời nào sợ chen vào kỷ ức riêng của mỗi người. Đến hàng bán đồ chơi cho trẻ quê. Những con tu-huyết bằng bột, bằng đất nung nặn hình con gà, con chim, con vịt thối toe-toe, những ông tướng râu dài đến rốn, cờ hiệu sau lưng, tay cầm thương cầm kiếm, những ông tiến sĩ sách mở trước mặt, phết màu xanh đỏ. Anh Phạm Hồ dừng lại ngắm nhìn kỹ lắm, cầm tu-huyết lên thổi thử. Anh đứng lặng, mắt chớp chớp đỏ hoe. Hai giọt nước mắt rơi xuống. Ông cụ bán hàng ngạc nhiên

- Chú này sao vậy?
- Chà sao đâu bác! – Tôi nói – Đây là nhà thơ Phạm Hồ, chuyên làm thơ về các cháu, thấy đồ chơi trẻ con, anh ấy xúc động.
- Phạm Hồ hả? Trời! Tôi nghiệp! Trẻ cháu tôi thích thơ chú lắm, nghèo ngao suốt ngày.

Nghe nhắc tên Phạm Hồ, mấy người đứng quanh quay lại, nhiều người bán hàng chạy đến vây quanh để được nhìn nhà thơ. Một chị yêu cầu: "Chú ơi! Chú đọc thơ cho bà con nghe đi! Đọc đi chú! Bọn trẻ nhà cháu đứa nào cũng thuộc thơ chú". Nhà thơ lúng túng. Tôi giải "vây".

- Nhà thơ còn ở lại đây dự lễ, vài bữa nữa mới ra Hà Nội.
- Ra ngoài đó biết bao giờ mới về.
- Vớ chớ! Quê mình đi đâu rồi cũng nhớ về. Bây giờ "Hố" mệt rồi, bà con cho tôi đưa "Hố" về chuồng.

Mọi người cười ồ. Tôi kéo tay anh Phạm Hồ lách đám đông. Ông già đưa tôi cái túi nilon đựng đồ chơi, mỗi thứ một cái.

- Bao nhiêu cháu gửi bác?
- Tiến nong gì, biểu chú!

Trên đường về anh Phạm Hồ bảo:

- Hôm nay không có Hào giải vây, chẳng biết tính sao. Minh đã bị may mắn thế này rồi. Bà con cứ bắt đọc thơ hết bài này đến bài khác hàng tiếng đồng hồ.

Tôi cười.

- Lần sau đi đâu anh nhớ gọi em và cũng đừng mau nước mắt vậy. À mà thôi! Đó là hạnh phúc lớn của anh đấy chứ như em đến già cũng chẳng ai thêm nhím một tuổi tòn.

Hai anh em cùng cười.■



THƠ CHÂM

Mừng mà lo!

(Nhân đọc: "Không khó trả lời" - Mục Sự kiện & Bình luận) - Báo Lao Động số 238/2009)

Đại học ngày này phổ cập ư?
Tính nào cũng mở chắc là dư!
Giảng viên liệu có... đầu mà biết
Thiết bị đủ chưa... chỉ âm ư!
Chất lượng như vậy - sao có thực?
Triển khai kiểu vậy - nặng danh hư!
Tiến nhanh vững mạnh bao mơ ước
Quy luật dựng xây chờ loại trư!

Mong và làm!

Đường dài đến đích chông luôn mong
Đốt cháy thời gian liệu dễ không?
Chẳng lượng sức mình - hay ảo tưởng
Không tường quy luật - khó khai thông!
"Ăn mây nói gió" thường huyền nào
"Đánh trống bỏ dùi" lại viễn vông!
Nội lực tập trung vườn sáng tạo
Thời cơ chớp lấy... hân thành công.

Hoa Đường
PHẠM QUÝ TÍCH

GIẤC MƠ ÁI TÌNH

Một cô gái sống trong túp lều nghèo nàn cùng con chó nhỏ. Đã quá tuổi lấy chồng mà vẫn không ai thèm để ý nên cô vẫn chưa biết thế nào là hương vị của ái tình.

Cô đang than thở cho số phận hẩm hiu của mình thì một bà tiên hiện lên và cho cô một điều ước duy nhất. Cô mừng quá, vội vàng ước cho con chó nhỏ của mình trở thành chàng hoàng tử khôi ngô tuấn tú.

Tức thì ngay chỗ con chó đang nằm bỗng hiện ra chàng hoàng tử vô cùng đẹp trai, làm cô gái gần như ngất lịm vì vui sướng. Trong lúc nàng đang mơ màng nghĩ đến một hạnh phúc vô bờ với chàng hoàng tử đẹp trai thì chàng bước tới, ghé vào tai cô và thì thầm:

- Bây giờ cô thấy hối hận vì đã đem tôi đi hiến chưa?

ĐÊM TÂN HÔN

Khách khứa ra về hết, trong buồng chỉ còn đôi vợ chồng trẻ. Cùng nhau uống ly rượu hợp cần, nhìn nhau say đắm, chú rể hăng hái giục: "Thời, ta vào việc đi em!".

Cô dâu bên lên: "Vội thế. Còn sớm mà anh!".

Chú rể nồn nồn: "Sớm gì nữa, 10h rồi đấy".

Cô dâu lại bên lên: "Nhờ ai gọi cửa thì phiền".

CHUYỆN VUI

Chú rể càng nồn nồn: "Không ai quấy rầy chúng mình nữa đâu. Thôi, nhanh lên em! Anh chịu không nổi rồi".

Cô dâu rụt rè: "... Thế anh tắt đèn đi vậy. Xấu hổ lắm".

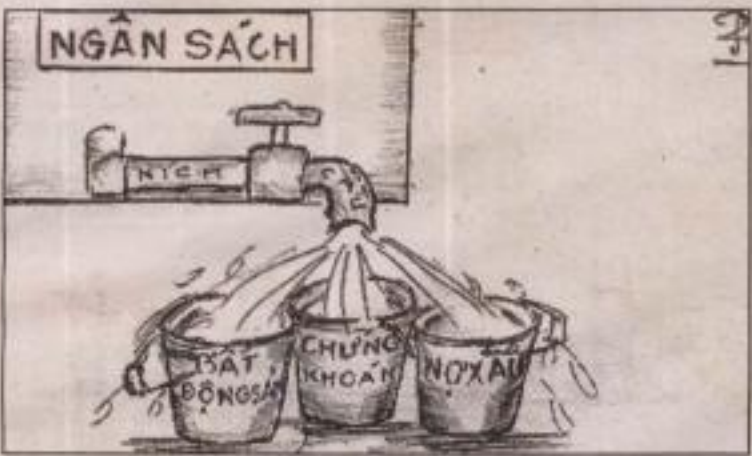
Chú rể trở mặt: "Sao lại phải tắt đèn? Tắt đèn thì làm sao... đếm tiền được?".

CẦN HIỂU RÕ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA SẾP

Tại một công ty nhà nước, trước khi được nhận vào làm việc, nhân viên phải học thuộc lòng những quy định vui tai như sau:

- Sếp không bao giờ nhầm lẫn, mà chỉ là chấp nhận rủi ro.
- Sếp không bao giờ hèn nhát, mà là thận trọng.
- Sếp không bao giờ quên, chỉ là do quá tải về công việc.
- Sếp không bao giờ nhận hối lộ, mà chỉ đón nhận sự biểu thị của lòng biết ơn.
- Sếp không bao giờ nghe chuyện mách lẻo, mà chỉ là quan tâm đến mọi chuyện.
- Sếp không bao giờ nói dối, đó chỉ là phép xã giao.
- Sếp không có bằng cấp là do tôn trọng thực tiễn sinh động hơn mô lý thuyết xám xịt.

THANH HỒNG SĨ



Tranh của: NGUYỄN VIỆT TIẾN

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



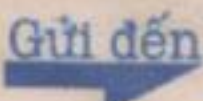
SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐÔ

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ

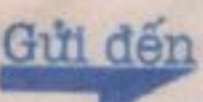


Để lấy kết quả xổ số truyền thống mỗi nhất

Soạn tin: **XSTD**  **8197**

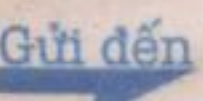


Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD**  **8297**

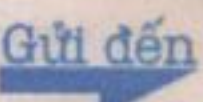


Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD**  **8597**



Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD**  **8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN**  **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT**  **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức